

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM- CTCP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



SINH NĂNG LƯỢNG DƯỠNG TƯƠNG LAI





PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	20
Quá trình hình thành và phát triển	21
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	22
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và ban lãnh đạo	24
Định hướng phát triển	44
Phân tích SWOT	48
Đánh giá các rủi ro	50



PHẦN III BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	86
Tình hình tài chính	88
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	90
Kế hoạch phát triển trong tương lai	92
Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty	102



PHẦN V QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	112
Ban kiểm soát	125
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc và ban kiểm soát	129



PHẦN II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	54
Một số kết quả, thành tựu đạt được trong năm 2020	56
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	70
Các chỉ tiêu tài chính	75
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu	78
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của tổng công ty	80



PHẦN IV BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty	106
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	112
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	114



PHẦN VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của ban tổng giám đốc	135
Báo cáo kiểm toán độc lập	137
Bản cân đối kế toán hợp nhất	140
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	142
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	143
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	145



THÔNGIỆP BAN LÃNH ĐẠO

Kính gửi Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power) bắt đầu thực hiện kế hoạch 2020 với hành trang đầy hứng khởi và tự tin: Hứng khởi vì thành quả kinh doanh tốt đẹp từ những năm trước; Tự tin vì Tổng công ty dần hoạt động chuẩn mực theo mô hình công ty cổ phần, đội ngũ kiên định với chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được các cổ đông luôn tin tưởng.

Hành trang đó đã tạo thêm sức mạnh, bản lĩnh và sự kiên định để PV Power vượt qua các sóng gió, biến cố khách quan, để theo đuổi mục tiêu trở thành Tổng công ty Công nghiệp Điện – Dịch vụ hoạt động HIỆU QUẢ trong SẢN XUẤT KINH DOANH – CHUYÊN NGHIỆP về QUẢN TRỊ – MẠNH về TÀI CHÍNH – CAO về SỨC CẠNH TRANH – XANH về MÔI TRƯỜNG.

Năm 2020, mục tiêu HIỆU QUẢ trong sản xuất kinh doanh được thể hiện qua tổng sản lượng điện thương mại đạt 19,166 tỷ kWh đạt 103% kế hoạch. Trong đó, điện khí đạt 11,6 tỷ kWh, điện than đạt 6,5 tỷ kWh, thủy điện đạt 1,07 tỷ kWh. So với mức tăng trưởng chung của nhu cầu điện chỉ đạt 2,16% thì mức sản lượng này là cả một sự nỗ lực lớn. Với nỗ lực sản xuất đó, PV Power đang vươn tới mục tiêu MẠNH về tài chính với doanh thu toàn Tổng công ty đạt 30.246 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty đạt 2.875 tỷ đồng, hoàn thành 120% kế hoạch. Nộp ngân sách nhà nước đạt 1.687 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch.

Với hơn 2 năm chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, PV Power đang từng bước hướng tới mục tiêu trở thành một công ty đại chúng CHUYÊN NGHIỆP, được thể hiện qua việc 2 năm liên tục Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất năm 2020 do Tạp chí Forbes bình chọn, năm 2020 vào Top 10 thương hiệu tiêu biểu châu Á - Thái Bình Dương do Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương bình chọn và Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững do VCCI tổ chức;

Bên cạnh đó, PV Power cũng luôn duy trì sản xuất XANH thông qua việc giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường trong sản xuất; đặc biệt đã thành lập Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí (PV Power REC) để nghiên cứu đầu tư các dự án điện sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo như điện rác, điện mặt trời...

Công tác an sinh xã hội cũng luôn được quan tâm với việc ủng hộ hơn 32 tỷ để hỗ trợ xây dựng trường học, trạm y tế... tại các địa bàn khó khăn.

Trong nỗ lực nâng CAO sức cạnh tranh và phát triển bền vững, năm qua PV Power đạt được nhiều kết quả quan trọng trong công tác đầu tư. Chúng tôi đã và đang tích cực triển khai các công việc để khởi công xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 – Nhà máy điện sử dụng khí LNG đầu tiên ở Việt Nam vào cuối năm 2021, đồng thời đang xúc tiến tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án điện sử dụng khí LNG như dự án kho cảng LNG Nam Du và Nhà máy điện Cà Mau 3, Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh, NMD Miền Trung 1&2, Song song với việc mở rộng sản xuất, PV Power cũng đang tìm hướng đi mới trong việc phát triển dịch vụ vận hành – bảo dưỡng nhà máy điện.

Kính thưa Quý cổ đông,

Năm 2020 nhiều thách thức và khó khăn đã làm cho các kết quả đạt được trở nên ấn tượng, đáng trân trọng và ý nghĩa hơn. Năm 2021, với kế hoạch dự kiến:

- Sản xuất an toàn, hiệu quả tại các nhà máy điện hiện hữu để đạt được kế hoạch tổng sản lượng là 18,7 tỷ kWh, doanh thu 28.403,6 tỷ đồng, lợi nhuận 1.548,5 tỷ đồng.
- Tổ chức thực hiện tốt công tác chuẩn bị/thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 đảm bảo tiến độ;
- Tiếp tục xúc tiến đầu tư các dự án điện mới như dự án Nhà máy điện khí Cà Mau 3 và kho cảng LNG Nam Du, dự án Nhà máy điện Tuabin Khí hỗn hợp Miền Trung 1&2; nghiên cứu góp vốn đầu tư phát triển dự án điện LNG Quảng Ninh;
- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị, điều hành một cách chuyên nghiệp, hiệu quả; quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động; tiếp tục đóng góp vào hoạt động an sinh xã hội.

Kế hoạch đề ra khá nặng nề, song với nhiệt huyết, sự đồng lòng, năng động, sáng tạo của tập thể người lao động PV Power, cùng sự quan tâm, ủng hộ của hơn 40.000 cổ đông, đặc biệt là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, chúng tôi tin tưởng sẽ hoàn thành và đạt được nhiều bước tiến quan trọng trên đường phát triển.

Xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỒ CÔNG KỶ

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ NHƯ LINH

TẦM NHÌN SỨ MỆNH



Giữ vững vị thế số 1 trong lĩnh vực điện khí/LNG và là nhà sản xuất điện năng hàng đầu của Việt Nam. Chủ động, tích cực tham gia phát triển các dự án điện Năng lượng tái tạo đảm bảo hiệu quả và phù hợp với xu thế chuyển đổi năng lượng toàn cầu. Phát triển PV Power trở thành một Tổng công ty Công nghiệp Điện - Dịch vụ mạnh, với mục tiêu:

Phát triển các lĩnh vực dịch vụ liên quan đến sản xuất điện bao gồm dịch vụ vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, dịch vụ kỹ thuật điện, dịch vụ cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy điện,... phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

1

HIỆU QUẢ TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH

2

CHUYÊN NGHIỆP VỀ QUẢN TRỊ

3

MẠNH VỀ TÀI CHÍNH

4

CAO VỀ SỨC CẠNH TRANH

5

XANH VỀ MÔI TRƯỜNG



SỰ KIỆN TIÊU BIỂU 2020

01

PV POWER

ĐẠT CỘT MỐC 200 TỶ KWH



- Sau gần 13 năm xây dựng và phát triển, ngày 6/4/2020 PV Power đã sản xuất và đóng góp cho hệ thống điện quốc gia 200 tỷ kWh điện, tiếp tục khẳng định vị thế nhà cung cấp điện năng hàng đầu của cả nước.



02

PV POWER

PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
NMD NHƠN TRẠCH 3 VÀ NHƠN TRẠCH 4

- Ngày 21/7/2020, Hội đồng quản trị PV Power đã ban hành Quyết định số 628/QĐ-ĐLDK về việc Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4

03

PV POWER

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO



- Ngày 10/8/2020, Hội đồng quản trị PV Power đã ban hành Nghị quyết số 115/NQ-ĐLDK về việc thông qua phương án thành lập Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí.





PV POWER

CÁC GIẢI THƯỞNG NĂM 2020



► TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT

Ngày 15/10/2020 Forber Việt Nam đã tổ chức sự kiện Diễn đàn kinh doanh và Lễ vinh danh “Top 50 công ty niêm yết tốt nhất” năm 2020. Lần thứ 8 Forber Việt Nam thực hiện danh sách này và cũng là lần thứ 2 liên tiếp PV Power có mặt trong danh sách. Đây là một sự kiện vô cùng ý nghĩa với PV Power khi chỉ chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần được hơn 2 năm.



► THƯƠNG HIỆU TIÊU BIỂU CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Ngày 20/06/2020, PV Power được vinh danh “Top 10 thương hiệu tiêu biểu Châu Á - Thái Bình Dương 2020. Giải thưởng nhằm tôn vinh các thương hiệu nổi tiếng trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương đã có những đóng góp tích cực cho nền kinh tế đất nước.

► TOP 100 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG VIỆT NAM 2020

Ngày 10/12/2020, PV Power được vinh danh trong Top 100 doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam năm 2020.

► PV POWER XẾP HẠNG TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM 2020

Ngày 10/11/2020, Vietnam Report phối hợp cùng Báo điện tử VietNamNet công bố Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2020. PV Power xuất sắc xếp thứ 40 trong bảng xếp hạng.



PV POWER

KÝ KẾT HỢP TÁC KINH DOANH



► PV POWER THAM GIA PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN KHÍ LNG QUẢNG NINH

Sáng ngày 19/10/2020, trước sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc và ngài Suga Yoshihide Thủ tướng Nhật Bản, tổ hợp nhà đầu tư bao gồm PV Power, Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy Việt Nam (Colavi), Tập đoàn Tokyo Gas và Tập đoàn Marubeni đã ký Biên bản ghi nhớ về việc phát triển Dự án nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh.



► KÍ KẾT HỢP TÁC CHUỖI GIÁ TRỊ DỊCH VỤ - KHÍ - ĐIỆN TRONG PVN

Ngày 3/8/2020, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) tổ chức lễ ký kết thỏa thuận hợp tác kinh doanh giữa 3 tổng công ty đầu ngành của Tập đoàn là PV GAS, PV Power và PTSC.



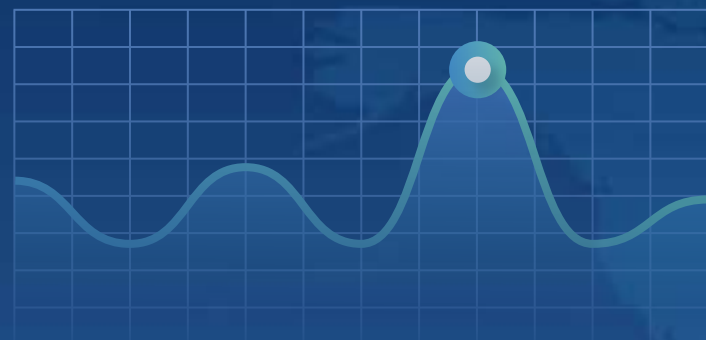
► PV POWER TỔ CHỨC LỄ KÝ THƯ ỦY QUYỀN CHO TỔ HỢP CITIBANK VÀ INGBANK HỖ TRỢ CÔNG TÁC THU XẾP VỐN DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN NHƠN TRẠCH 3 VÀ NHƠN TRẠCH 4

Ngày 04/02/2020, PV Power cùng Citibank và Ingbank đã tiến hành lễ ký Thư ủy quyền cho tổ hợp Citibank và Ingbank hỗ trợ công tác thu xếp vốn dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.





SINH NĂNG LƯỢNG DƯỠNG TƯƠNG LAI



ÔNG HỒ CÔNG KỲ

Chủ tịch Hội đồng quản trị



ÔNG LÊ NHƯ LINH

Tổng Giám đốc
Thành viên Hội đồng quản trị



ÔNG PHẠM XUÂN TRƯỜNG

Thành viên Hội đồng quản trị



ÔNG NGUYỄN HỮU QUÝ

Thành viên Hội đồng quản trị
(T10/2020: Nghi hưu theo chế độ;
T12/2020: Miễn nhiệm chức vụ TV HĐQT
tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường)



ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị
(Bổ nhiệm từ ngày 22/12/2020)



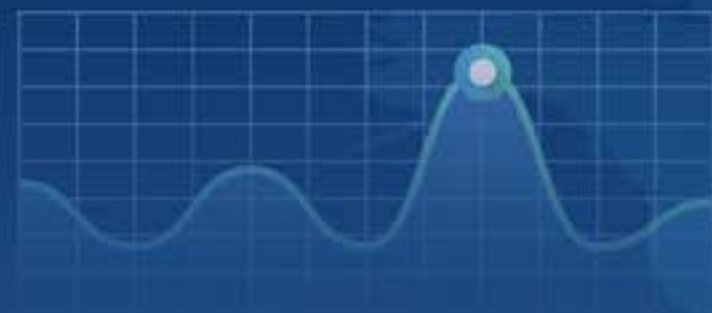
BÀ VŨ THỊ TỐ NGA

Thành viên Hội đồng quản trị



BÀ NGUYỄN HOÀNG YẾN

Thành viên độc lập
Hội đồng quản trị



ÔNG LÊ NHƯ LINH

Tổng Giám đốc - TV HĐQT

ÔNG NGUYỄN DUY GIANG

Phó Tổng Giám đốc

ÔNG NGUYỄN MINH ĐẠO

Phó Tổng Giám đốc

ÔNG NGUYỄN MẠNH TƯỜNG

Phó Tổng Giám đốc

BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Phó Tổng Giám đốc

ÔNG PHAN NGỌC HIỀN

Phó Tổng Giám đốc

ÔNG NGUYỄN KIÊN

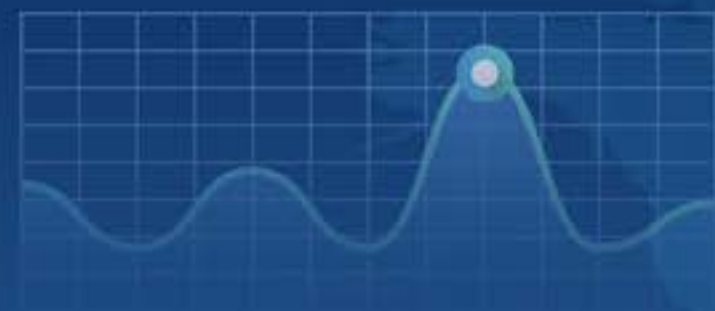
Phó Tổng Giám đốc

ÔNG PHAN ĐẠI THÀNH

Phó Tổng Giám đốc

ÔNG CHU QUANG TOÀN

Kế Toán Trưởng



ÔNG VŨ QUỐC HẢI
Trưởng Ban kiểm soát



BÀ VŨ THỊ NGỌC DUNG
Kiểm soát viên



BÀ LÝ THỊ THU HƯƠNG
Kiểm soát viên



BÀ HÀ THỊ MINH NGUYỆT
Kiểm soát viên



BÀ ĐOÀN THỊ THU HÀ
Kiểm soát viên
(Bổ nhiệm từ ngày 22/12/2020)



PHẦN I

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT	20
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	21
3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	22
4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BAN LÃNH ĐẠO	24
5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	44
6. PHÂN TÍCH SWOT	48
7. ĐÁNH GIÁ CÁC RỦI RO	50

PHẦN I THÔNG TIN CHUNG



1.THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102276173
Vốn điều lệ: 23.418.716.000.000 VNĐ.
Địa chỉ: Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Số điện thoại: (024) 22210288
Số fax: (024) 22210388
Website: www.pvpower.vn
Mã cổ phiếu: POW

2.QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP tiền thân là Công ty TNHH MTV do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% vốn điều lệ, được thành lập theo quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17/05/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam), chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần từ ngày 01/07/2018 (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi ngày 01/07/2018).

Các dấu mốc quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển:

2007 - 2011



17/05
2007



03
2008



08
2009



11
2010



01
2011

Thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Khởi công xây dựng nhà máy thủy điện Hủa Na.

Khánh thành nhà máy điện Nhơn Trạch 1.

Khởi công xây dựng nhà máy Phong điện Phú Quý.

Khởi công dự án nhà máy thủy điện ĐakĐrinh.

2011 - 2018



11
2011



09
2013



12
2015



31/01
2018



01/07
2018

Khánh thành nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

Khánh thành nhà máy thủy điện Hủa Na.

Bàn giao Nhà máy Phong điện Phú Quý sang Tổng công ty Điện lực Miền Nam và nhận bàn giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.

Bán đấu giá công khai thành công (IPO) 468.374.320 cổ phần (chiếm 20% vốn điều lệ).

Hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

2018 - 2019



31/08
2018



14/01
2019



15/05
2019



15/08
2019

Trở thành công ty đại chúng.

Mã cổ phiếu POW chính thức giao dịch trên sàn HOSE.

Tổ chức cung cấp chỉ số chứng khoán quốc tế MSCI đã quyết định thêm cổ phiếu POW vào rổ MSCI Frontier Markets.

Được vinh danh “Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam” năm 2019 do Tạp chí Forbes bình chọn.





03/02

Cổ phiếu POW chính thức vào danh mục cổ phiếu thành phần chỉ số VN30.



06/04

Sau gần 13 năm PV Power đã sản xuất và đóng góp cho hệ thống điện Quốc gia 200 tỷ kWh điện.



22/06

Thành lập chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật.



21/07

Phê duyệt và triển khai thực hiện đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, công suất khoảng 1.300 - 1.760 Mw.



13/08

Thành lập Công ty cổ phần năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí.

2020

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Sản xuất và kinh doanh điện năng.



Quản lý xây dựng và vận hành các nhà máy điện.



Xuất nhập khẩu năng lượng, nhiên liệu cho sản xuất, kinh doanh điện.



Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện.



Đầu tư xây dựng mới các dự án điện độc lập (IPP).



Thực hiện đầu tư, xây lắp, mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh điện.



Kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu.



Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch.



Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình.



Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: điện gió, điện mặt trời, điện nguyên tử.



Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện.



Cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng.



Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, trong đó có đầu tư kinh doanh đồng bộ lưới trung thế, hạ thế và bán điện công nghiệp, tiêu dùng.



Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện.



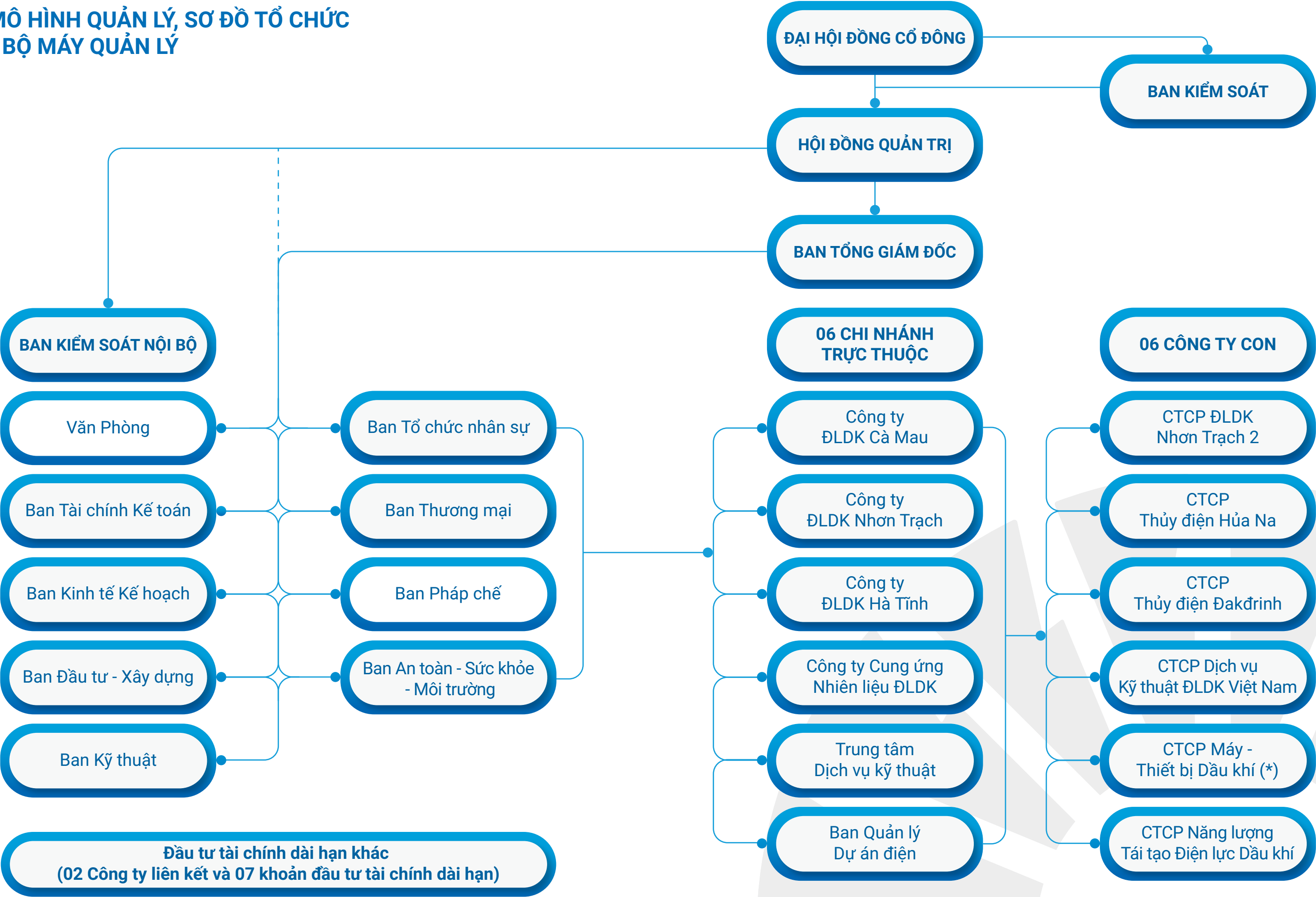
Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đầu thầu; Tư vấn quản lý dự án; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.



Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Cà Mau.



4.MÔ HÌNH QUẢN LÝ, SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



(*) Từ ngày 17 - 19/03/2021, PV Power đã thực hiện thoái toàn bộ vốn góp tại CTCP Máy - Thiết bị Dầu khí

GỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **HỒ CÔNG KỲ**
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế.

Quá trình công tác:

- 02/1986 - 12/1992 Nhân viên, Phó phòng, Trưởng Phòng Kế toán tài vụ - Nhà máy đồ hộp xuất khẩu Nghĩa Đàn, Nghệ An;
- 01/1993 - 02/1994 Thanh tra viên - Thanh tra tỉnh Nghệ An;
- 03/1994 - 08/1994 Cán bộ Bảo hiểm xã hội - Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An;
- 09/1994 - 11/2000 Kế toán trưởng Ban Quản lý dự án, Phó giám đốc - Công ty Xi măng Nghệ An;
- 12/2000 - 05/2006 Kế toán trưởng Ban Quản lý dự án, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Khu liên hợp thể thao Quốc gia Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội;
- 06/2006 - 02/2007 Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính - Ủy ban Thể dục Thể thao;
- 03/2007 - 08/2007 Phó Tổng giám đốc - Ban Quản lý các dự án Thủy điện;
- 05/2007 - 09/2007 Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty CP Thủy điện Hòa Na (kiêm nhiệm);
- 09/2007 - 01/2008 Tổng giám đốc - Ban Quản lý các dự án Thủy điện;
- 02/2008 - 07/2008 Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản Dầu Khí;
- 08/2008 - 02/2009 Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam;
- 03/2009 - 11/2010 Trưởng ban Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 11/2010 - 05/2013 Chánh Văn phòng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 05/2013 - 12/2014 Chủ tịch Công đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 01/2015 - 06/2018 Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam;
- 06/2018 - nay Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP.



Ông **LÊ NHƯ LINH**
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Kinh tế địa chất, Thạc sĩ Kinh tế địa chất Dầu khí,
Tiến sĩ Kinh tế.

Quá trình công tác:

- 10/1990 - 02/1994 Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất;
- 03/1994 - 07/2009 Chuyên viên, Phó trưởng ban Kế hoạch đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 08/2009 - 03/2010 Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí;
- 04/2010 - 12/2013 Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Dầu Việt Nam;
- 12/2013 - 12/2018 Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP;
- 12/2018 - nay Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.



Ông **NGUYỄN HỮU QUÝ**
Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Ngoại thương, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh,
Thạc sĩ Thương mại quốc tế.

Quá trình công tác:

- 03/1985 - 05/1995 Cán bộ Phòng Giá cả & Ngoại hối, Cán bộ Phòng Kế toán tài vụ Cán bộ, Phó trưởng phòng Thị trường - Công ty XNK Khoáng sản (Bộ Thương mại);
- 05/1995 - 08/2008 Cán bộ Phòng Thương mại, Phó trưởng phòng Thị trường thuộc Ban Thương mại, Thành viên Ban kiểm soát thuộc Hội đồng quản trị - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam;
- 05/2007 - 08/2008 Kiểm soát viên (kiêm nhiệm) Tổng công ty Thăm dò - Khai thác Dầu khí;
- 08/2008 - 02/2009 Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc - Công ty TNHH 1TV Cung ứng nhân lực và Dịch vụ Dầu khí;
- 02/2009 - 06/2018 Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam;
- 06/2018 - 12/2020 Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP (ngày 01/10/2020 nghỉ chế độ hưu trí);
- Từ 12/2020 Miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông PHẠM XUÂN TRƯỜNG
Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Hệ thống điện, Thạc sĩ Kỹ thuật điện.

Quá trình công tác:

- 06/1985 - 09/1985 Học viên sĩ quan dự bị Bộ tư lệnh Phòng không;
- 12/1985 - 12/1987 Cán bộ Kỹ thuật Chi nhánh điện Kink Môn - Sở Điện lực Hải Hưng;
- 01/1988 - 03/1997 Trưởng ca Điều độ, Phó phòng, Phụ trách phòng Phòng Điều độ - Thông tin, Trưởng Trung tâm điều độ - Thông tin Sở Điện lực Hải Hưng;
- 04/1997 - 10/2004 Trưởng phòng kỹ thuật - An toàn, Phó Giám đốc Sở Điện lực Hưng Yên;
- 11/2004 - 03/2008 Giám đốc Sở Công nghiệp Hưng Yên;
- 04/2008 - 06/2018 Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam;
- 06/2018 - nay Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP.



Bà VŨ THỊ TỔ NGA
Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Thương mại, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác:

- 08/1993 - 10/2007 Chuyên viên - Phòng Thương mại - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam;
- 11/2007 - 06/2008 Phó phòng/Trưởng phòng - Phòng Dự báo Thị trường - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 08/2008 - 05/2009 Phó Ban Phát triển thị trường - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 06/2009 - 09/2010 Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 11/2010 - 04/2019 Trưởng Ban Thương mại Thị trường/ Thương mại dịch vụ/Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 04/2019 - nay Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.



Bà NGUYỄN HOÀNG YẾN
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Hóa học, Tiến sĩ Hóa Hữu cơ.

Quá trình công tác:

- 11/1991 - 07/1997 Nghiên cứu sinh, Trợ giảng môn chuyên ngành - Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội;
- 08/1997 - 08/2001 Phó phòng Quảng cáo Marketing - Báo đầu tư Vietnam Investment Review - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- 09/2001 - 03/2005 Chuyên viên Phòng Kỹ thuật - Ban Chuẩn bị đầu tư công trình liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam;
- 04/2005 - 04/2008 Chuyên viên chính, Phó phòng Ban Chế biến Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 05/2008 - 07/2010 Phó Trưởng ban Chế biến Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 08/2010 - 01/2014 Trưởng ban Chế biến Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 02/2014 - 05/2018 Trưởng ban - Ban Khoa học Công nghệ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 06/2018 - 04/2019 Chuyên viên cao cấp - Văn phòng Hội đồng Thành viên - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 04/2019 - nay Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.



Ông NGUYỄN ANH TUẤN
Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Xây dựng.

Quá trình công tác:

- 11/1999 - 10/2002 Chuyên viên Ban Quản lý dự án nhà số 1&5 Lê Duẩn;
- 10/2002 - 12/2008 Chuyên viên Văn phòng Thẩm định thầu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 12/2008 - 05/2009 Phó trưởng Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 05/2009 - 03/2016 Phó Trưởng Ban Quản lý đấu thầu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 03/2016 - 04/2018 Trưởng Ban Quản lý đấu thầu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 04/2018 - 04/2019 Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty khí Việt nam - CTCP;
- 04/2019 - 11/2020 Trưởng Ban Kinh tế Đầu tư - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 11/2020 - 12/2020 Trợ lý Tổng giám đốc - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 12/2020 - nay Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông **LÊ NHƯ LINH**
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Kinh tế địa chất, Thạc sĩ Kinh tế địa chất Dầu khí,
Tiến sĩ Kinh tế.

Quá trình công tác:

- 10/1990 - 02/1994Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất;
- 03/1994 - 07/2009Chuyên viên, Phó trưởng Ban Kế hoạch đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 08/2009 - 03/2010Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí;
- 04/2010 - 12/2013Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Dầu Việt Nam;
- 12/2013 - 12/2018Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP;
- 12/2018 - nayThành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.



Bà **NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH**
Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Đô thị, Thạc sĩ Kỹ thuật Quy hoạch đô thị,
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- 1994 - 2000Chuyên viên Ban Quản lý dự án thị xã Hà Đông
- 2000 - 07/2007Chuyên viên Phòng dịch vụ tài chính tiền tệ, Chuyên viên Phòng Đầu tư, Phó Phòng phụ trách, Trưởng Phòng Đầu tư - Công ty Tài chính Dầu khí;
- 07/2007 - 09/2008Thành viên Ban trụ bị thành lập Ngân hàng Thương mại cổ phần Dầu khí - Phụ trách khối Ngân hàng Đầu tư;
- 09/2008 - 05/2009Phó Chủ tịch Công đoàn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 05/2009 - 06/2018Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 06/2018 - nayPhó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.



Ông **PHAN ĐẠI THÀNH**
Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Điện

Quá trình công tác:

- 06/1993 - 10/1994Chuyên viên Công ty Công nghệ mới - Viện khoa học Việt Nam;
- 10/1994 - 12/1996Phó trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty liên doanh Thép Việt - Úc Hải Phòng;
- 01/1997 - 06/2003Phó trưởng Phòng Kế hoạch đầu tư, Phó trưởng Phòng Kế hoạch thống kê - Tổng công ty Cơ khí xây dựng;
- 07/2003 - 02/2005Giám đốc Công ty Xây lắp và Dịch vụ Kỹ thuật - Tổng công ty Cơ khí Xây dựng;
- 03/2005 - 10/2007Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Lắp máy điện nước số 3;
- 11/2007 - 10/2015Tổng Giám đốc - Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 10/2015 - 05/2018Trưởng ban Kỹ thuật - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- 06/2018 - nayPhó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông NGUYỄN DUY GIANG

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kế toán tổng hợp, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

09/1996 - 03/2001	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam;
03/2001 - 10/2007	Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Phó trưởng phòng Kinh doanh - Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam;
10/2007 - 03/2009	Trưởng phòng, Phó phòng Kinh tế Kế hoạch Ban Quản lý các dự án Thủy điện thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
03/2009 - 10/2009	Phó Tổng giám đốc Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Việt Nam thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
10/2009 - 07/2014	Trưởng Ban Kinh tế Kế hoạch - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
07/2014 - 01/2015	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
01/2015 - 11/2015	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam kiêm Phó Trưởng Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1;
11/2015 - 07/2018	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
07/2018 - nay	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Ông NGUYỄN MINH ĐẠO

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Thiết kế, Xây dựng và Vận hành đường ống và bể chứa Dầu khí, Tiến sĩ Đường ống - Bể chứa.

Quá trình công tác:

09/2000 - 06/2003	Kỹ sư Ban Quản lý Nhà máy lọc dầu Dung Quất;
07/2003 - 12/2003	Kỹ sư Phòng Công nghệ Mỏ - Công ty Đầu tư và Phát triển Dầu khí;
01/2004 - 02/2008	Chuyên viên, Phó trưởng Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
03/2008 - 07/2009	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty CP Hóa Dầu và Xơ sợi tổng hợp Dầu khí;
07/2009 - 07/2018	Trưởng Ban Đầu tư Phát triển, Trưởng ban Khí, Trưởng ban Xây dựng, Cán bộ Văn phòng Hội đồng thành viên - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
07/2018 - nay	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Ông PHAN NGỌC HIỀN

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Đồ họa, Thạc sĩ Tài chính và Kiểm soát.

Quá trình công tác:

06/1999 - 06/2007	Kỹ thuật viên - Trưởng phòng Chế bản Báo Lao động;
06/2007 - 01/2008	Phó trưởng Ban Tổng hợp kiêm Trưởng phòng Hành chính - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
01/2008 - 09/2015	Chánh Văn phòng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
09/2015 - 08/2019	Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
08/2019 - nay	Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Ông NGUYỄN KIÊN

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Luật, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác:

07/2002 - 08/2007	Chuyên viên - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí;
08/2007 - 05/2009	Phó Chánh Văn phòng - Trợ lý Tổng giám đốc - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí;
05/2009 - 12/2014	Phó Trưởng Ban Luật - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí;
12/2014 - 03/2016	Trưởng Ban TCNS&ĐT - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí;
03/2016 - 08/2017	Trưởng phòng, Thư ký Tổng Giám đốc, Chuyên viên, Phòng Pháp lý hợp đồng và Dự án Dầu khí, Ban Pháp chế - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
08/2017 - 09/2019	Phó Chánh văn phòng - Trợ lý Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
09/2019 - nay	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông **NGUYỄN MẠNH TƯỜNG**

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư cơ khí, Thạc sĩ kỹ thuật.

Quá trình công tác:

06/1998 - 10/2000

Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án Khí - Tổng công ty Khí Việt Nam;

11/2000 - 09/2001

Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật Ban CBĐT Công trình Khí Điện Đạm Cà Mau - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

09/2001 - 10/2007

Trưởng nhóm Cơ khí Phòng kỹ thuật khí, Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng phụ trách, Trưởng phòng dự án khí Ban Quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

10/2007 - 03/2009

Phó giám đốc Ban Quản lý dự án Khí Tây Nam Bộ - Tổng công ty Khí Việt Nam;

03/2009 - 05/2010

Phó Trưởng Ban Quản lý dự án Khí Tây Nam Bộ - Tổng công ty Khí Việt Nam;

05/2010 - 04/2012

Phó giám đốc Công ty Điều hành Đường ống Lô B - Ô Môn;

10/2012 - 05/2017

Quyền Trưởng ban, Trưởng ban Xây dựng, Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty khí Việt Nam;

06/2017 - 06/2018

Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;

06/2018 - nay

Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
Giám đốc Ban Quản lý Dự án Điện.



Ông **CHU QUANG TOÀN**

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Kế toán

Quá trình công tác:

09/1991 - 08/1997

Cục thuế tỉnh Nghệ An;

08/1997 - 10/2002

Phó phòng quản lý thuế - Doanh nghiệp Sản xuất tỉnh Nghệ An;

10/2002 - 04/2003

Phụ trách Phòng Xử lý thông tin và Tin học - Cục thuế Nghệ An;

10/2003 - 07/2007

Trưởng phòng Tin học và Xử lý dữ liệu - Cục thuế Nghệ An;

07/2007 - 11/2009

Trưởng phòng thuế thu nhập cá nhân - Cục thuế Nghệ An;

12/2009 - 10/2010

Kế toán trưởng - Công ty Cao su Nghệ An - Tập đoàn Cao su Việt Nam;

11/2010 - 06/2015

Trưởng phòng Kế toán - Ban Quản lý dự án Đồng Hới - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam;

06/2015 - 06/2017

Trưởng phòng kế toán - Ban Quản lý dự án VICEM - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam;

06/2017 - 08/2018

Kiểm soát viên Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam;

08/2018 - 04/2019

Phó trưởng Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

04/2019 - 04/2020

Phó trưởng Ban Phụ trách Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

04/2020 - nay

Kế toán trưởng, Trưởng ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.



BAN KIỂM SOÁT

Ông **VŨ QUỐC HẢI**

Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

10/1987 - 09/1992

Giáo viên bộ môn Kế toán tại trường Đại học Thương mại;

02/1994 - 05/2002

Chuyên viên, Phó phòng Tài chính Kế toán - Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Dầu mỏ PetroVietNam nay là Tổng công ty Dầu PV Oil - CTCP;

05/2002 - 12/2007

Chuyên viên (Phó Trưởng ban Ban Kiểm toán nội bộ từ 02/2007) - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

01/2008 - 08/2010

Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Kiểm soát viên phụ trách - Tổng công ty điện lực Dầu khí Việt Nam;

08/2010 - 06/2018

Kiểm soát viên chính - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;

06/2018 - nay

Trưởng Ban kiểm soát - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.



BAN KIỂM SOÁT

Bà LÝ THỊ THU HƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

03/2001 - 05/2005 Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí;
06/2005 - 09/2006 Phó phòng Kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí;
10/2006 - 03/2008 Kế toán trưởng - Tổng công ty Tài chính Dầu khí;
04/2008 - 05/2009 Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng công ty Tài chính Dầu khí;
06/2015 - 06/2018 Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
06/2018 - nay Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.



Bà VŨ THỊ NGỌC DUNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế và Kỹ thuật, Cử nhân Tiếng Anh, Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính, Lưu thông tiền tệ và Tín dụng.

Quá trình công tác:

12/1993 - 10/2000 Cán bộ Lao động tiền lương - Công ty VPP Cửu Long 1;
11/2000 - 12/2004 Chuyên viên kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí;
01/2005 - 04/2007 Phó phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ - Công ty Tài chính Dầu khí;
04/2007 - 11/2009 Trưởng phòng/ Giám đốc Ban Kiểm tra Kiểm soát nội bộ - Công ty Tài chính Dầu khí/ Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí;
12/2009 - 09/2013 Giám đốc Ban/Trưởng ban Kế hoạch - Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí;
10/2013 - 04/2015 Trưởng ban Kế hoạch - Khối Tài chính Kế toán tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam;
04/2015 - 06/2018 Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
06/2018 - nay Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.



Bà HÀ THỊ MINH NGUYỆT

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Kế toán

Quá trình công tác:

05/1992 - 12/2007 Kế toán viên, Phó phòng giao dịch 1, Phó phụ trách Kế toán - Sở giao dịch Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam;
01/2008 - 10/2008 Kế toán trưởng - Ban trụ bị thành lập Ngân hàng Dầu khí;
10/2008 - 09/2010 Trưởng ban Tài chính - Công đoàn Dầu khí Việt Nam;
09/2010 - 06/2018 Kế toán trưởng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
06/2018 - 04/2019 Kế toán trưởng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;
04/2019 - nay Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.



Bà ĐOÀN THỊ THU HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kế toán, Thạc sĩ Kế toán và Kiểm toán, Tiến sĩ Kinh tế.

Quá trình công tác:

09/2007 - 06/2012 Kiểm toán viên - Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí;
06/2012 - 12/2020 Cán bộ Ban kiểm soát nội bộ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
12/2020 - nay Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.



CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC



CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ CÀ MAU - NHÀ MÁY ĐIỆN CÀ MAU 1 & 2

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ: Ấp 1, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0102276173-002
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy Điện Cà Mau 1 & 2 với những thông tin cơ bản sau:
Công suất: 1.500 MW (2x750 MW)
Tổng mức đầu tư NMD Cà Mau 1: 6.571 tỷ đồng
Tổng mức đầu tư NMD Cà Mau 2: 6.153 tỷ đồng
Năm đi vào vận hành thương mại: 2008.



CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH - NHÀ MÁY ĐIỆN NHƠN TRẠCH 1

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH.
Địa chỉ: Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
Mã số chi nhánh: 0102276173-003.
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 với những thông tin cơ bản sau:
Công suất: 450 MW.
Tổng mức đầu tư: 6.344 tỷ đồng.
Năm đi vào vận hành thương mại: 2009.



CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ HÀ TĨNH - NHÀ MÁY ĐIỆN VŨNG ÁNG 1

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ HÀ TĨNH.
Địa chỉ: Xóm Hải Phong, Xã Kỳ Lợi, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.
Mã số chi nhánh: 0102276173-007.
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với những thông tin cơ bản sau:
Công suất: 1.200 MW (2x600 MW).
Tổng mức đầu tư: 33.651 tỷ đồng.
Năm đi vào vận hành thương mại: 2015.



CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TCT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Dreamland Bonanza, số 23 đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Mã số chi nhánh: 0102276173-006
Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.



TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TCT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT
Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Mã số chi nhánh: 0102276173-009
Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý vận hành các nhà máy điện; cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa phục vụ sản xuất kinh doanh điện.

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐIỆN

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐIỆN
Địa chỉ: Số 57 - 59, đường B4, phường An Lợi Đông, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.
Mã số chi nhánh: 0102276173-008
Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện.



CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2 - NHÀ MÁY ĐIỆN NHƠN TRẠCH 2

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

- Địa chỉ: Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- Mã số: 3600897316
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Vốn điều lệ: 2.878.760.290.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 59,37%
- Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là đơn vị quản lý của Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 2 với những thông tin cơ bản sau:
 - » Công suất: 750 MW.
 - » Tổng mức đầu tư: 11.355 tỷ đồng
 - » Năm đi vào vận hành thương mại: 2011.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮKĐRINH - NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐẮKĐRINH

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮKĐRINH
- Địa chỉ: Thôn Ra Nhua, Xã Sơn Tân, Huyện Sơn Tây, Tỉnh Quảng Ngãi
- Mã số: 4300350203
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Vốn điều lệ: 1.160.010.555.608 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 95,27%
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Đăkđrinh với những thông tin cơ bản sau:
 - » Công suất: 125 MW.
 - » Tổng mức đầu tư: 5.921 tỷ đồng
 - » Năm đi vào vận hành thương mại: 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA - NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
- Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà dầu khí Nghệ An, số 7, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Mã số: 2900797430
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng
- Vốn điều lệ: 2.256.592.103.444 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 94,83%
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Hủa Na với những thông tin cơ bản sau:
 - » Địa điểm nhà máy: Xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An
 - » Công suất: 180MW.
 - » Tổng mức đầu tư: 7.092 tỷ đồng
 - » Năm đi vào vận hành thương mại: 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
- Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Mã số: 0102560459
- Ngành nghề kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống điện, Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 51%



CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
- Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Mã số: 0109308963
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và bán điện; Nghiên cứu, đầu tư, phát triển, xây dựng, sở hữu, vận hành, khai thác các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, sinh khối, địa nhiệt và điện rác và các loại hình năng lượng tái tạo khác).
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 51%

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ
- Địa chỉ: Số 8 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Mã số: 0101394512
- Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ các loại Nhà nước cấm)
- Vốn điều lệ đăng ký: 386.386.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 51,58%

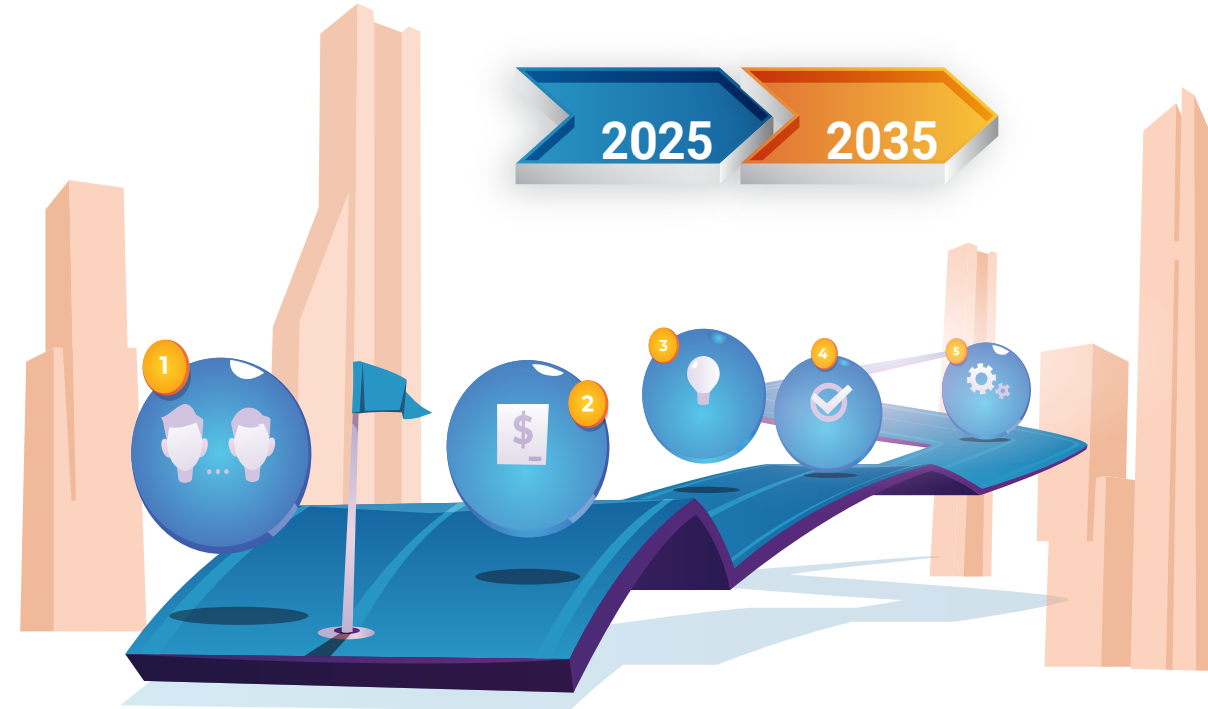


CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

TT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề kinh doanh	Địa chỉ	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của PV Power (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Chiến Nhà máy thủy điện Nậm Chiến Tổng mức đầu tư: 7.318,309 tỷ đồng; Công suất: 200 MW Điện lượng: 813,71 triệu kWh/năm Vận hành thương mại: 2013	Sản xuất kinh doanh điện năng	Sơn La	1.450,000	292.250	20,85
2	Công ty cổ phần Năng lượng Sông Hồng Nhà máy thủy điện Ngòi Hút 1 Tổng mức đầu tư: 245,13 tỷ đồng; Công suất: 8,4MW Điện lượng: 35,81 triệu kWh/năm Vận hành thương mại: 2011	Khai thác, sản xuất kinh doanh điện	Yên Bái	74.625,72	32.887,5	44,07
3	Công ty cổ phần phát triển đô thị Dầu khí	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, các khu nhà ở ...	Cần Thơ	280.000	18.202	6,50
4	Công ty cổ phần EVN Quốc Tế	Sản xuất kinh doanh điện năng	Đà Nẵng	336.771	28.800	8,55
5	Công ty cổ phần Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương	Sản xuất kinh doanh điện năng	Hà Nội	11.000	550	5,00
6	Công ty cổ phần Thủy điện Sơn Trà - Sông Đà	Sản xuất kinh doanh điện năng	Quảng Ngãi	6.578,2	1.228,8	18,68

7	Công ty cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 Tổng mức đầu tư: 2.097 Tỷ đồng; Công suất: 62 MW Điện lượng: 230,71 triệu kWh/năm Vận hành thương mại: 2018	Sản xuất kinh doanh điện năng	Quảng Nam	620.000	29.341,8	4,73
8	Công ty cổ phần Điện Việt - Lào - Cụm dự án thủy điện Xekaman 1 (290 MW, phát điện năm 2016) & Xekaman Xan Xay (32 MW, phát điện năm 2018); Tổng mức đầu tư lần 2: 487,17 triệu USD; Sản lượng trung bình: 1.206 triệu kWh/năm - Công ty dự án khách sạn và văn phòng cho thuê tại Vientiane Plaza: Tổng mức đầu tư: 8,359 triệu USD; Khánh thành 2011; - Chuẩn bị thực hiện đầu tư Dự án thủy điện Xekaman 4 (70 MW); Tổng mức đầu tư: 165,92 triệu USD; Sản lượng điện hàng năm: 287,4 triệu kWh/năm - Dự án chưa được xây dựng: + Dự án thủy điện Xekaman 3 (250 MW): Tổng mức đầu tư lần 3: 449,38 triệu USD; Sản lượng điện trung bình: 989,97 triệu kWh/năm; Vận hành thương mại từ năm 2013	Sản xuất kinh doanh điện năng	Hà Nội	4.377.534	308.052	7,31
9	Công ty cổ phần Cơ điện Dầu khí (PVC E&C)	Cơ điện lạnh	Hà Nội	10.000	1.000	10,00

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Phát triển PV Power trở thành một Tổng công ty Công nghiệp Điện - Dịch vụ mạnh, với mục tiêu:

- Hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Chuyên nghiệp về quản trị.
- Mạnh về tài chính.
- Cao về sức cạnh tranh.
- Xanh về môi trường.

MỤC TIÊU CỤ THỂ

Giữ vững vị thế số một trong lĩnh vực Điện Khí và là một trong những nhà cung cấp điện năng lớn nhất trong toàn hệ thống; Tập trung đầu tư phát triển các dự án điện khí sử dụng LNG, tích cực tham gia đầu tư phát triển các dự án sử dụng nguồn năng lượng tái tạo nhằm đảm bảo sự cân bằng các loại hình nguồn điện.

Phát triển các lĩnh vực dịch vụ liên quan đến sản xuất điện bao gồm dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và gia công chế tạo, phục hồi vật tư, thiết bị; dịch vụ cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy điện,... để hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

GIAI ĐOẠN ĐẾN HẾT NĂM

2025

Phấn đấu đến năm 2025, tổng công suất đặt là 5.760 - 7.260 MW, chiếm 8% công suất đặt toàn hệ thống, sản lượng điện bình quân năm 22 - 24 tỷ kWh, tốc độ tăng trưởng sản lượng điện bình quân đạt 7 - 9%/năm.

GIAI ĐOẠN ĐẾN HẾT NĂM

2035

Tổng công suất đặt của PV Power là 5.760 - 9.560 MW, chiếm khoảng 5% công suất đặt toàn hệ thống, sản lượng điện bình quân năm là 30 - 47 tỷ kWh, tốc độ tăng trưởng sản lượng điện bình quân đạt 3 - 4%/năm.

ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI - SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH ĐIỆN NĂNG

GIAI ĐOẠN

2021

2025

- Tiếp tục quản lý, vận hành ổn định/hiệu quả các nhà máy điện hiện hữu và các nhà máy điện mới đưa vào vận hành trong giai đoạn.
- Tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh theo lộ trình phát triển của thị trường điện.
- Chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng tham gia thị trường bán lẻ điện theo lộ trình phát triển của thị trường điện.
- Phấn đấu đến năm 2025, tổng công suất lắp đặt của PV Power là 5.760 - 7.260 MW, chiếm khoảng 8% tổng công suất đặt toàn hệ thống.
- Sản lượng điện sản xuất là 22 - 24 tỷ kWh/năm, tốc độ tăng 7 - 9%/năm.

GIAI ĐOẠN

2026

2030

- Tiếp tục vận hành ổn định và hiệu quả các nhà máy điện hiện hữu và các nhà máy điện mới đưa vào vận hành trong giai đoạn.
- củng cố hạ tầng, xem xét đầu tư các trạm cấp điện thẳng đến hộ tiêu thụ cuối cùng phù hợp với xu thế tiêu dùng của thị trường phát triển mở rộng kinh doanh bán lẻ điện và tham gia thị trường điện bán buôn phù hợp với quy mô phát triển của thị trường điện.
- Phấn đấu đến năm 2030, tổng công suất lắp đặt của PV Power là 5.760 - 8.960 MW, chiếm khoảng 7% tổng công suất đặt toàn hệ thống.
- Sản lượng điện sản xuất là 30 - 45 tỷ kWh/năm, tốc độ tăng 4-5%/năm.

GIAI ĐOẠN

2031

2035

- Phấn đấu đến năm 2035, tổng công suất lắp đặt của PV Power là 5.760 - 9.560 MW, chiếm khoảng 5% tổng công suất đặt toàn hệ thống.
- Sản lượng điện sản xuất là 30 - 47 tỷ kWh/năm, tốc độ tăng 1-2%/năm.

ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI - ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN

GIAI ĐOẠN

2021

2025

- Triển khai công tác đầu tư và đưa Nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 với tổng công suất khoảng 1.500 MW vào vận hành trong giai đoạn 2021 - 2025.
- Sau khi được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền và hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định và xem xét góp vốn thành lập Công ty cổ phần để triển khai đầu tư dự án Nhà máy điện khí Miền Trung 1&2 (1.500 MW), Nhà máy điện LNG Cà Mau 3 (1.500 MW), Nhà máy điện khí Quảng Ninh (1.500 MW), các dự án năng lượng tái tạo (điện áp mái, điện mặt trời lòng hồ, điện gió ..., khoảng 55 MW).

GIAI ĐOẠN

2026

2035

- Tiếp tục góp vốn để triển khai đầu tư dự án Nhà máy điện LNG Cà Mau 3 (công suất 1.500 MW), Nhà máy điện khí Quảng Ninh (1.500 MW) và đưa vào vận hành trong giai đoạn.
- Năng lượng tái tạo: Tìm kiếm, nghiên cứu góp vốn đầu tư các dự án điện khác có hiệu quả, khả thi. Mục tiêu đến năm 2035 tham gia góp vốn để đầu tư thêm 1.000 MW năng lượng điện tái tạo (trong đó 800 MW đưa vào vận hành trong giai đoạn).



LĨNH VỰC DỊCH VỤ - DỊCH VỤ VẬN HÀNH BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA NHÀ MÁY ĐIỆN

GIAI ĐOẠN

2021

2025

- Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật thực hiện các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu bao gồm: thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa lớn, định kỳ các nhà máy điện của Tổng công ty; thu hút và đào tạo nhân lực kỹ thuật chất lượng cao; từng bước mở rộng thị trường để đảm nhận và thực hiện công tác dịch vụ tại các nhà máy điện của Tập đoàn và các nhà máy điện khác; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới.
- Tiếp tục triển khai cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên cho các nhà máy điện của PVN/PV Power; phát triển dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa với các đơn vị ngoài PVN/PV Power cho các nhà máy Lọc hóa dầu, luyện kim, khai khoáng, Formosa,...
- Nghiên cứu đầu tư xưởng chế tạo, phục hồi các thiết bị phục vụ nhà máy điện than, trước mắt phục vụ Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1; tiến tới mở rộng phạm vi của xưởng chế tạo, phục hồi cho các đơn vị ngoài PVN/PV Power; Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị phụ tùng thay thế tại các Nhà máy điện như Tuabin hơi, bơm, quạt, van, vòi, máy nén, ống áp lực lò hơi,...

GIAI ĐOẠN

2026

2035

- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để trở thành Nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật chính cho tất cả các nhà máy điện thuộc Tập đoàn/Tổng công ty.
- Thực hiện cung cấp chuỗi dịch vụ kỹ thuật khép kín từ khâu sản xuất phụ tùng thay thế, hiệu chỉnh thiết bị, kiểm định đo lường thiết bị.
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật trọn gói vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện than, điện khí trong nước và khu vực Asean.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ - DỊCH VỤ CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU

GIAI ĐOẠN

2021

2025

- Chủ động nguồn nhiên liệu, đa dạng hóa nhà cung cấp than, LNG hướng tới cạnh tranh, hiệu quả.

GIAI ĐOẠN

2026

2035

- Ký kết các hợp đồng nhiên liệu dài hạn với các đối tác trong và ngoài nước phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty.
- Tiến tới kinh doanh nhiên liệu LNG và đầu tư xây dựng hạ tầng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG

Các mục tiêu phát triển bền vững về môi trường: bảo đảm các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của mình đáp ứng các quy định pháp luật và tiêu chuẩn môi trường liên quan. Bảo đảm tất cả các chỉ số phát thải không vượt quá quy định pháp luật cho phép.

6. PHÂN TÍCH SWOT

S

STRENGTHS



Hoạt động sản xuất đa dạng với nhiều loại hình nhà máy phát điện: PV Power là nhà cung cấp điện năng lớn thứ 2 tại Việt Nam. Hiện sở hữu 07 nhà máy điện (điện khí, điện than và thủy điện) có tổng công suất 4.205 MW, chiếm 6% tổng công suất lắp đặt của các nhà máy điện tại Việt Nam. Sự bổ sung các nguồn điện liên tục, ổn định với chất lượng cao từ các nhà máy điện khí, thủy điện và nhiệt điện than của các nhà máy điện là lợi thế lớn của PV Power, giúp cân đối sản lượng điện huy động hàng năm, đảm bảo ổn định điện cho toàn hệ thống lưới điện quốc gia.



Nhà cung cấp điện khí hàng đầu, công suất phát điện khí ổn định: 04 nhà máy điện khí của PV Power là Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1&2 có công nghệ hiện đại, hiệu suất cao. Công suất lắp đặt của các nhà máy điện khí là 2.700 MW



Nhà máy điện khí LNG là mũi nhọn tăng trưởng trong dài hạn của PV Power, tận dụng vị thế đầu tư và năng lực cạnh tranh sẵn có: Tổng công ty đang tập trung đầu tư dự án nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 - đây là 02 nhà máy sử dụng khí LNG nhập khẩu để sản xuất điện tại Việt Nam. Với kinh nghiệm hơn 10 năm thực hiện quản lý đầu tư xây dựng, vận hành các nhà máy điện khí, PV Power am hiểu được các nhà máy điện khí nên có thể lựa chọn được công nghệ tối ưu cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 đảm bảo hiệu quả đầu tư cao nhất.



Mô hình quản trị hiệu quả: Phân cấp triệt để trong hoạt động đầu tư, thương mại, tăng tính chủ động và kịp thời ra quyết định. Tổng công ty đang đẩy nhanh công tác quản trị doanh nghiệp tập trung vào lĩnh vực thiết yếu, nâng cao tiềm lực tài chính, chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, mô hình tổ chức/ kinh doanh/ quản trị phù hợp với chuẩn mực quốc tế; đồng thời, đẩy mạnh công tác cổ phần hóa, thoái vốn tại các doanh nghiệp kém hiệu quả để bố trí lại nguồn lực tập trung đầu tư vào lĩnh vực hiệu quả, then chốt của PV Power như điện khí, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.



Nguồn nhân lực chất lượng cao: PV Power đã đào tạo, xây dựng được bộ máy có kinh nghiệm về quản lý, trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao để vận hành các Nhà máy điện quy mô lớn, công nghệ cao trong khu vực và thế giới. Cơ cấu lãnh đạo và số lượng nhân sự hợp lý, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với chủ trương chung của Chính phủ. PV Power luôn phát huy tối đa nội lực, thu hút các đối tượng thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động đầu tư phát triển các nhà máy điện của Tổng công ty.



Tài chính ổn định, hiệu quả sử dụng nguồn vốn cao: Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu là 0,73 và vốn chủ sở hữu hiện tại cộng với lợi nhuận giữ lại trong tương lai ước tính đủ để tài trợ cho các dự án nhà máy điện mới. PV Power đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay vốn cố định của Nhà máy điện Cà Mau 1,2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1. Đến hết năm 2020, 02 nhà máy điện khí Cà Mau 1 & 2 đã hết khấu hao sẽ đảm bảo cho PV Power gia tăng lợi nhuận, gia tăng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.



Nguồn nguyên liệu than đầu vào cho Nhà máy điện Vũng Áng được cung cấp ổn định với 2,5 – 3,2 triệu tấn/năm từ TKV và các nhà cung cấp khác đã được ký hợp đồng, đảm bảo nhà máy hoạt động ổn định, liên tục, tham gia thị trường điện hiệu quả cao.

W

WEAKNESSES



Hoạt động sản xuất của các Nhà máy điện phụ thuộc lớn vào nguồn nhiên liệu:

Nguồn khí thiên nhiên Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ ngày càng suy giảm, trong khi điều kiện thủy văn các năm qua diễn biến thất thường.



Chi phí sản xuất phụ thuộc lớn vào chi phí nguyên liệu đầu vào: Nguồn khí thiên nhiên giá rẻ gần cạn kiệt, phải sử dụng các mỏ mới và LNG nhập khẩu có giá thành cao, ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của PV Power khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh.

O

OPPORTUNITIES



Nhu cầu tiêu thụ điện trong nước ngày càng tăng do yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước: Các nhà máy điện của PV Power sẽ luôn chạy với hiệu suất sử dụng cao và giá bán điện hấp dẫn để đáp ứng yêu cầu phát triển về kinh tế - xã hội của đất nước, thúc đẩy phát triển nguồn điện, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.



Định hướng phát triển năng lượng quốc gia theo Nghị quyết 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 đã nêu rõ ưu tiên phát triển điện khí trong điện lưới quốc gia. Định hướng này sẽ mở ra nhiều cơ hội cho PV Power - đơn vị tiên phong trong việc đầu tư nhiệt điện khí sử dụng LNG (Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4).



Ưu tiên khai thác hợp lý các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trong xây dựng Quy hoạch điện VIII, giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045. Tháng 8/2020, PV Power đã thành lập Công ty cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí để định hướng phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch theo chủ trương của Đảng và Chính phủ.



Thị trường phát điện cạnh tranh gia tăng tính công khai, minh bạch trong công tác huy động nguồn điện là cơ hội cho các đơn vị tham gia thị trường đạt hiệu quả cao.



Việc cổ phần hóa các doanh nghiệp, đa dạng chủ sở hữu ngành điện sẽ thu hút đầu tư trong và ngoài nước tham gia góp vốn xây dựng các nhà máy điện.

T

THREATS



Là đơn vị đi đầu tham gia vào lĩnh vực điện khí sử dụng LNG nên gặp nhiều thách thức trong công tác triển khai dự án, đàm phán hợp đồng mua bán khí, điện,...



Công tác thu xếp vốn gặp vướng mắc trong cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển trong giai đoạn Chính phủ không thực hiện bảo lãnh các dự án đầu tư mới: PV Power cần tự lựa chọn hình thức huy động vốn phù hợp cho các dự án đầu tư trong tương lai.



Các vấn đề liên quan đến tác động môi trường, biến đổi khí hậu và tiêu chuẩn bảo vệ môi trường ngày càng nghiêm ngặt về quy định phát thải, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, tiết kiệm năng lượng là thách thức lớn với PV Power. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp cần ứng dụng giải pháp công nghệ mới để đáp ứng nhu cầu dịch chuyển năng lượng và nâng cao năng lực cạnh tranh làm tăng chi phí đầu tư.

7. ĐÁNH GIÁ CÁC RỦI RO

Hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power bị tác động lớn bởi những biến động của thế giới, chính sách phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, quy hoạch và định hướng phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam. Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power có vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn dài, đòi hỏi quản trị tốt nguồn lực bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Trong quá trình hoạt động và phát triển của PV Power, các rủi ro luôn tiềm ẩn trong các chiến lược kinh doanh, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong các hoạt động tài chính và quản lý tính tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Luôn ý thức và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro, theo đó PV Power đã xây dựng và áp dụng các phương pháp quản trị rủi ro, trong đó quy định cụ thể công tác kiểm soát và báo cáo các rủi ro từ Ban lãnh đạo đến người lao động. Bên cạnh đó, PV Power quản lý và giám sát các mối nguy có thể tác động đến năng lực đáp ứng nhu cầu năng lượng của quốc gia trong khi vẫn tạo ra các giá trị bền vững lâu dài doanh nghiệp. Hệ thống quản lý, cơ cấu tổ chức, các quá trình, tiêu chuẩn, quy tắc ứng xử của PV Power đã tạo nên một hệ thống kiểm soát nội bộ điều chỉnh phương thức hoạt động và kinh doanh nói chung và quản lý các rủi ro liên quan nói riêng. Trong giai đoạn hiện nay, các rủi ro chính của PV Power chủ yếu tập trung vào các vấn đề sau:

- *Rủi ro chiến lược:* Kinh tế thế giới có nhiều biến động khó lường cùng với môi trường cạnh tranh gay gắt, các mối nguy về xung đột chính trị, tôn giáo, tranh chấp chủ quyền thương mại, trữ lượng, giá dầu, tỷ giá... đặt ra nhiều thách thức cho Ban lãnh đạo PV Power trong việc đưa ra chiến lược phát triển dài hạn.
- *Rủi ro tài chính:* Hiện nay, PV Power có mô hình hoạt động với nhiều công ty con, liên doanh, liên kết. Điều này tạo ra các rủi ro trong hoạt động tài chính, quản trị kế hoạch nguồn vốn và dòng tiền phát sinh trong quá trình hoạt động Sản xuất kinh doanh. Về công tác thu hồi công nợ, việc đàm phán các hợp đồng PPA đòi hỏi phải chặt chẽ để giảm thiểu rủi ro.
- *Rủi ro hoạt động:* Hoạt động điện lực luôn phải đối mặt với các rủi ro như: cháy nổ, xâm hại, vi phạm an ninh an toàn điện ... dẫn đến việc nguy hại đến tính mạng, tổn thất tài sản, hư hỏng thiết bị, máy móc và theo đó là thảm họa về cháy nổ, ảnh hưởng đến môi trường, xã hội; rủi ro từ điều kiện, tình hình thời tiết, khí hậu, thủy văn,...; ngoài ra nguồn nhiên liệu đầu vào ngày càng hạn chế, dự kiến trong tương lai

phải nhập khẩu với giá thành cao sẽ ảnh hưởng tính cạnh tranh của PV Power, cơ chế chính sách, hạ tầng cơ sở trong việc nhập khẩu nhiên liệu,... còn một số vướng mắc.

- *Rủi ro tuân thủ:* PV Power phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình tại nhiều địa bàn khác nhau, nhiều lĩnh vực ... Do đó, việc tuân thủ pháp luật Việt Nam và quy định của Bộ, Ngành, địa phương là rất quan trọng.



PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020



PHẦN II

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	54
2. MỘT SỐ KẾT QUẢ THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2020	56
3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	70
4. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	75
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	78
6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY	80



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2020, PV Power phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức làm ảnh hưởng tới hiệu quả vận hành sản xuất của các nhà máy điện nói riêng và hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Tổng công ty nói chung, trong đó có thể kể đến như:



ĐẠI DỊCH COVID-19

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến nhu cầu phụ tải và hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà máy điện. Ngoài ra, diễn biến phức tạp của đại dịch đã ảnh hưởng đến công tác mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy bị đình trệ, khó khăn trong công tác tìm kiếm các hợp đồng dịch vụ tại các đơn vị thương mại dịch vụ của Tổng công ty và công tác tìm kiếm đối tác đầu tư cho các dự án của Tổng công ty.

SỰ SUY GIẢM CỦA GIÁ DẦU THÔ THẾ GIỚI

Sự suy giảm của giá dầu thô thế giới đã ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu của các nhà máy điện khí của Tổng công ty (doanh thu giảm từ 700-800 tỷ đồng trên mỗi 5 USD giá dầu thô giảm).

CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG SƠ CẤP ĐANG DẦN CẠN KIẾT

Các nguồn năng lượng sơ cấp đang dần cạn kiệt: (i) Nguồn khí có giá rẻ khu vực Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ ngày càng suy giảm, các yếu tố nêu trên ảnh hưởng lớn đến việc giao kế hoạch Qc cũng như tính cạnh tranh của PV Power khi tham gia chào giá trên thị trường điện; Ngoài ra chênh lệch giá khí do chưa thống nhất tỷ lệ phân bổ khí bổ sung Petronas giữa PVN và EVN bình quân 40 tỷ đồng/tháng, đã ảnh hưởng đến vận hành sản xuất và hiệu quả của nhà máy điện; (ii) năm 2020 khó khăn của nguồn than cám 5a1 không đủ cấp cho vận hành sản xuất, chủ yếu phải sử dụng than phối trộn.

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Nguồn cung của hệ thống điện quốc gia tăng đáng kể do các dự án năng lượng tái tạo đưa vào vận hành trong năm. Tính đến thời điểm cuối năm 2020, công suất nguồn điện năng lượng mặt trời khoảng 16.500 MW chiếm khoảng 25% tổng công suất lắp đặt, ảnh hưởng đến các nhà máy nhiệt điện của PV Power tham gia thị trường điện.

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Biến đổi khí hậu dẫn tới các hồ thủy điện khô hạn, các nhà máy thủy điện thiếu nguồn nước để sản xuất trong thời gian dài, khi mùa mưa đến thì mưa lũ kéo dài trên diện rộng làm các nhà máy thủy điện phải xả tràn theo quy trình để đảm bảo an toàn hồ chứa.

2. MỘT SỐ KẾT QUẢ, THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2020

Đối mặt với nhiều khó khăn thách thức cùng ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, nhưng với sự quyết tâm cao của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Tổng công ty, cùng sự áp dụng hiệu quả các giải pháp trên trong điều hành, sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty, các đơn vị thành viên, nên trong năm 2020 Tổng công ty đã đạt những kết quả đáng khích lệ:

LỢI NHUẬN TT TOÀN TCT ĐẠT 120% KẾ HOẠCH 2020

Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty đạt 2.875 tỷ đồng đạt 120% kế hoạch. Trong đó lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt 2.425 tỷ đồng đạt 108% kế hoạch.

ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐIỆN KHÍ LNG ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM

Triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 – dự án điện khí LNG đầu tiên ở Việt Nam, hoàn thành phê duyệt FS và kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho dự án; Đẩy mạnh nghiên cứu xúc tiến đầu tư các dự án điện khí LNG khác như: Chuỗi dự án cấp LNG Cà Mau & Nhà máy điện LNG Cà Mau 3, dự án Nhà máy điện Miền Trung 1&2, dự án cấp khí LNG tái hóa bổ sung cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 1A; Nghiên cứu đầu tư phát triển dự án điện LNG Quảng Ninh.

103% KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG ĐIỆN 2020

Các nhà máy điện vận hành sản xuất an toàn, liên tục, ổn định, tham gia thị trường điện cạnh tranh hiệu quả. Sản lượng điện đạt 19,166 tỷ kWh, bằng 103% kế hoạch sản lượng điện năm 2020 (18,574 tỷ kWh) trong bối cảnh thiếu khí, thủy văn hạn hán, Qc thấp, phụ tải giảm do tác động đại dịch Covid 19.

CHÚ TRỌNG CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA

Thực hiện tốt, an toàn tuyệt đối, rút ngắn tiến độ công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, đột xuất và định kỳ các Nhà máy điện (Trung tu Nhơn Trạch 2 vượt tiến độ 01 ngày, tiểu tu Hỏa Na vượt tiến độ 01 ngày).

NGUỒN THAN ĐỒI DÀO, ỔN ĐỊNH

Thu xếp đủ nguồn than đáp ứng nhu cầu vận hành liên tục, ổn định các tổ máy Nhà máy điện Vũng Áng 1.

CHUNG TAY XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG

Công tác an sinh xã hội trong năm 2020 được quan tâm, thực hiện đối với tỉnh Thái Bình, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Hưng Yên, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Quảng Trị và các tỉnh miền Trung trong đợt lũ lụt lịch sử.

TUẦN THỦ 5K PHÒNG CHỐNG ĐẠI DỊCH COVID-19

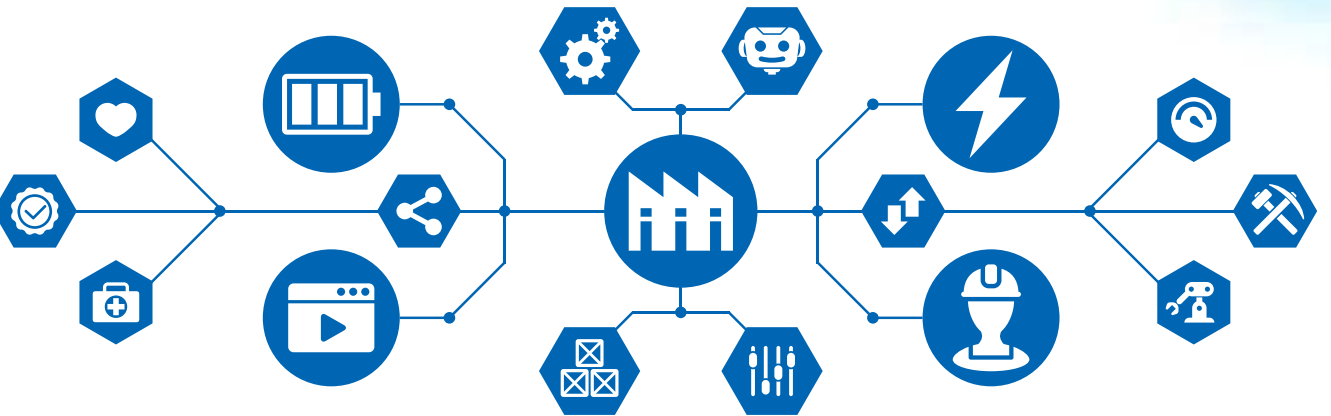
Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, toàn Tổng công ty không để xảy ra trường hợp mắc dịch bệnh đối với người lao động, công tác vận hành sản xuất nhà máy điện liên tục, không bị ảnh hưởng đình trệ.

ĐẨY MẠNH TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp: Thành lập chi nhánh Tổng công ty – Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (TSC) chuyên môn hóa công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện của TCT; Thành lập Công ty cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí (REC) để triển khai phát triển các dự án Năng lượng tái tạo; Rà soát sắp xếp kiện toàn các ban, chức năng các đơn vị...

VẬN HÀNH SẢN XUẤT VÀ SẢN LƯỢNG CÁC NHÀ MÁY

Với sự quyết tâm, đoàn kết cao của tập thể lãnh đạo, CBCNV Tổng công ty, cùng với sự nỗ lực, áp dụng hiệu quả các giải pháp trên điều hành, sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty, các đơn vị thành viên, nên trong năm 2020 Tổng công ty đã đạt những kết quả đáng khích lệ, cụ thể như sau:



Đảm bảo an toàn tuyệt đối, đáp ứng yêu cầu huy động của A0, tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về môi trường và thị trường điện, hiệu quả cao.

Tổng sản lượng điện toàn Tổng công ty đạt 19,166 tỷ kWh, bằng 103% kế hoạch năm 2020 (18,574 tỷ kWh) và 85% so với thực hiện 2019. Trong đó, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 là năm đầu tiên vận hành liên tục, ổn định 2 tổ máy nên sản lượng điện phát cao hơn 13,4% so với cùng kỳ năm trước.

CÁC YẾU TỐ CHỦ YẾU ẢNH HƯỞNG ĐẾN SẢN LƯỢNG ĐIỆN

01

Năm 2020, nhu cầu tiêu thụ điện toàn quốc tăng trưởng thấp hơn dự kiến do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 gây ra sự đình trệ trong sản xuất. Trong khi đó, nguồn cung của hệ thống điện quốc gia lại tăng đáng kể do các dự án điện mặt trời đưa vào vận hành trong năm (công suất đặt của các dự án điện mặt trời đến tháng 31/12/2020 đạt khoảng 16.500 MW). Bên cạnh đó, từ cuối tháng 9 đến hết tháng 11, tình hình mưa lũ tiếp tục kéo dài trên diện rộng, làm giá điện thị trường giảm thấp,... Tất cả các yếu tố khách quan trên ảnh hưởng đến việc huy động sản lượng điện từ các nhà máy điện của PV Power.

02

Sản lượng điện hợp đồng (Qc) năm 2020 được phân bổ cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 là 818,5 triệu kWh, mức sản lượng Qc này là rất thấp (chỉ bằng 38% so với Qc xây dựng kế hoạch, bằng 36% Qc năm 2019) và chủ yếu phân bổ trong giai đoạn mùa mưa, giá thị trường thấp. Trong 9 tháng đầu năm, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 không được huy động hoặc huy động với công suất thấp, sản lượng điện phát của Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 chỉ đạt 883 Triệu kWh. Trong quý IV – giai đoạn mùa khô nhưng sản lượng Qc được giao chỉ đạt 290 triệu kWh nên cả năm 2020, sản lượng điện của Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 chỉ đạt 1.138 triệu kWh, giảm 1.487 triệu kWh so với kế hoạch được giao từ đầu năm.

03

Nguồn khí cung cấp cho Nhà máy điện Cà Mau 1,2, Nhơn Trạch 1,2 sử dụng nguồn bổ sung với giá cao nên ảnh hưởng đến cạnh tranh trên thị trường điện, A0 hạn chế huy động.



VỀ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Doanh thu toàn Tổng công ty năm 2020 đạt 30.246 tỷ đồng, bằng 107% kế hoạch năm 2020 và bằng 84% so với cùng kỳ năm 2019. Doanh thu Công ty mẹ năm 2020 đạt 22.830 tỷ đồng, bằng 107% kế hoạch năm 2020 và bằng 90% so với cùng kỳ năm 2019.

Doanh thu của Tổng công ty chủ yếu bị ảnh hưởng bởi sản lượng điện phát và sự sụt giảm của giá dầu thô trong năm 2020.

Nộp ngân sách nhà nước:

Nộp ngân sách nhà nước toàn Tổng công ty năm 2020 đạt 1.687 tỷ đồng, bằng 118% kế hoạch; Công ty mẹ nộp ngân sách 1.066 tỷ đồng đạt 122% kế hoạch.

Doanh thu toàn
Tổng công ty năm 2020

30.246 tỷ đồng

Bằng 107% kế hoạch năm 2020

Nộp ngân sách nhà nước
toàn Tổng công ty năm 2020

1.687 tỷ đồng

Bằng 118% kế hoạch

Công ty mẹ nộp ngân sách

1.066 tỷ đồng

Đạt 122% kế hoạch

Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế toàn
Tổng công ty năm 2020

2.875 tỷ đồng

Bằng 120% kế hoạch năm 2020
và bằng 91% so với cùng kỳ năm 2019

Lợi nhuận trước thuế
Công ty mẹ năm 2020

2.425 tỷ đồng

Bằng 108% kế hoạch năm 2020
và bằng 110% so với cùng kỳ năm 2019.

Thực hiện tiết kiệm,
tiết giảm được

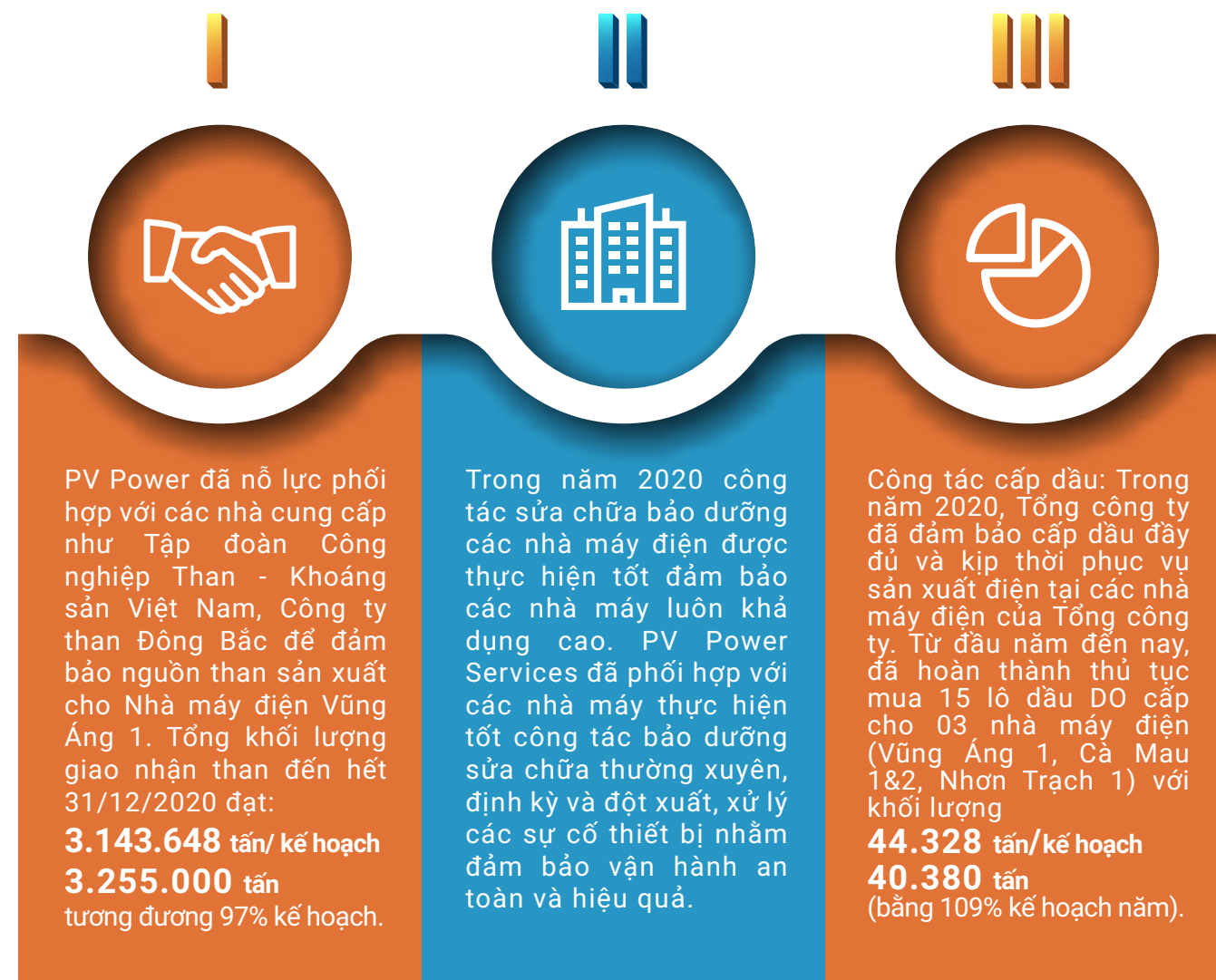
538,85 tỷ đồng

Tiết giảm được trong toàn Tổng công ty,
đạt 101% kế hoạch

Các chỉ tiêu khác

Thực hiện tiết kiệm, tiết giảm được 538,85 tỷ đồng trong toàn Tổng công ty, đạt 101% kế hoạch.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ KỸ THUẬT SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG VÀ CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU



CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG:

Tập trung triển khai công tác xúc tiến/chuẩn bị đầu tư/quyết toán các dự án đầu tư bao gồm:

a. Đối với các dự án đã và đang thực hiện đầu tư
Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án. Tổng công ty đang tích cực giải phóng mặt bằng và lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện đầu tư để sớm khởi công dự án trong năm 2021.
Dự án Thủy điện Đakđrinh và Thủy điện Hủa Na: Công tác quyết toán vốn đầu tư đang được khẩn trương thực hiện. Đối với dự án Thủy điện Hủa Na,

tập trung xử lý nốt phần việc còn lại thuộc các nội dung bồi thường tái định cư, định canh đang thực hiện dở dang. Đối với Thủy điện Đakđrinh, công tác quyết toán còn chậm, PV Power DHC thực hiện quyết toán làm 02 giai đoạn, Giai đoạn 1 thực hiện khoảng 5.373 tỷ đồng/ Tổng mức đầu tư 5.921 tỷ đồng đạt 91%, đơn vị kiểm toán cũng đã hoàn thành dự thảo Báo cáo Kết quả kiểm toán dự án hoàn thành dự án thủy điện Đakđrinh để trình cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt.

b. Công tác xúc tiến/chuẩn bị đầu tư.

Đối với dự án thủy điện LuangPrabang: Đang báo cáo các cấp có thẩm quyền để đăng ký đầu tư ra nước ngoài với tỉ lệ vốn góp điều lệ là 10% bằng vốn vay ngân hàng Krung Thai.

Hoàn thành báo cáo đánh giá đầu tư và làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về đề xuất giao chủ trì đầu tư dự án, kiến nghị cấp thẩm quyền bổ sung dự án nhà máy điện sử dụng khí LNG Cà Mau 3 công suất 1500 MW vào quy hoạch điện VIII, dự án kho cảng LNG Nam Du công suất từ 3,0 triệu tấn - 6,0 triệu tấn LNG/năm vào Quy hoạch Phát triển Công nghiệp Khí Việt Nam.





CỔ PHIẾU POW

Cổ phiếu POW

Năm 2020 là năm thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận sự biến động mạnh nhất của thị trường chứng khoán trong suốt nhiều năm qua với hai gam màu sáng tối rõ rệt và cổ phiếu POW cũng không nằm ngoài xu thế biến động trên. Tính đến ngày 31/12/2020, cổ phiếu POW đóng cửa tại mức giá 13.600 đồng tương ứng tăng 18,8% so với đầu năm, cao hơn mức tăng của VN-Index là 14,4 %.

Giai đoạn tháng 3 là giai đoạn khó khăn nhất khi cú sốc Covid - 19 ảnh hưởng tiêu cực khiến giá cổ phiếu POW sụt giảm và có thời điểm đóng cửa thấp nhất tại 7.090 đồng/cp. Ngoài ra do cổ phiếu POW là một trong những cổ phiếu vốn hóa lớn nằm trong nhóm VN30 nên cũng chịu áp lực không nhỏ bởi yếu tố khối ngoại cơ cấu danh mục sang các tài sản an toàn khác như vàng, trái phiếu,... Kể từ thời điểm tạo đáy, diễn biến giá cổ phiếu POW dần quay trở lại nhịp tăng bền bỉ và đã tăng trở lại tới 91,81% tính từ mức thấp nhất với

những yếu tố hỗ trợ như (1) Tình hình phòng chống dịch bệnh có nhiều chuyển biến tích cực, (2) Kết quả kinh doanh 2020 vượt kế hoạch, (3) Dòng tiền của khối ngoại quay trở lại mua ròng. Xét về tính thanh khoản trên thị trường, cổ phiếu POW cũng được nhà đầu tư quan tâm hàng đầu với khối lượng giao dịch trung bình trong năm 2020 đạt kỷ lục trong năm với hơn 5,34 triệu cổ phiếu/phiên và giá trị giao dịch trung bình đạt 54,99 tỷ/phiên lần lượt tăng gấp 2,74 và 3,12 lần so với cùng kỳ 2019. Tính riêng so với các cổ phiếu trên sàn giao dịch HOSE, khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch của POW lần lượt đứng thứ 17 và 27 toàn sàn còn nếu so với các cổ phiếu ngành điện khác, POW cũng có thanh khoản tốt nhất với giá trị giao dịch bình quân đạt 54,79 tỷ, cao gấp 5,68 lần so với cổ phiếu xếp thứ 2.

Diễn biến giá cổ phiếu và KLGD của POW trong năm 2020



CÔNG TÁC KHÁC



**ĐỜI SỐNG
TINH THẦN**



**AN SINH
XÃ HỘI**

Đời sống tinh thần

Tổng công ty luôn quan tâm chăm lo đến đời sống tinh thần của người lao động, đã quan tâm và tạo điều kiện tốt để các tổ chức đoàn thể (công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh) hoạt động, đồng thời phối hợp tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động hữu ích nhằm nâng cao đời sống tinh thần, sức khỏe, động viên khuyến khích người lao động hăng say, trách nhiệm và gắn bó với đơn vị. Trong thời gian ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Tổng công ty đã thực hiện rà soát, hỗ trợ các cán bộ công nhân viên gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, đồng thời tuyên truyền cán bộ công nhân viên chung tay quyên góp cho quỹ hỗ trợ đồng bào vùng lũ lụt của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội trong năm 2020 cũng được Tổng công ty quan tâm, thực hiện đối với tỉnh Thái Bình, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Hưng Yên, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Quảng Trị và các tỉnh miền Trung trong đợt lũ lụt lịch sử.



STT	Danh sách Ban Điều hành	Chức vụ	Số chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty	Đơn vị đào tạo	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ cổ phần đại diện sở hữu của PVN	Ghi chú
1	Ông Lê Như Linh	Tổng giám đốc	Số 01QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	TTNC Khoa học và Đào tạo Chứng khoán	0%	20%	
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phó Tổng giám đốc	Số 06QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	TTNC Khoa học và Đào tạo Chứng khoán	0,0018%	0%	
3	Ông Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng giám đốc	07QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	TTNC Khoa học và Đào tạo Chứng khoán	0,0009%	0%	
4	Ông Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng giám đốc	46QTCT 48/QĐ-TTNC, ngày cấp 10/4/2017	TTNC Khoa học và Đào tạo Chứng khoán	0%	0%	
5	Ông Phan Đại Thành	Phó Tổng giám đốc	08QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	TTNC Khoa học và Đào tạo Chứng khoán	0,0003%	0%	
6	Ông Nguyễn Minh Đạo	Phó Tổng giám đốc	09QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	TTNC Khoa học và Đào tạo Chứng khoán	0%	0%	
7	Ông Phan Ngọc Hiền	Phó Tổng giám đốc	02QTCT 233/QĐ-TTNC, ngày cấp 30/9/2019	TTNC Khoa học và Đào tạo Chứng khoán	0%	0%	
8	Ông Nguyễn Kiên	Phó Tổng giám đốc	03QTCT 233/QĐ-TTNC, ngày cấp 30/9/2019	TTNC Khoa học và Đào tạo Chứng khoán	0%	0%	
9	Ông Chu Quang Toàn	Kế Toán Trưởng	21QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	TTNC Khoa học và Đào tạo Chứng khoán	0%	0%	Bổ nhiệm ngày 19/4/2020

Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh	Thay đổi	Hiệu lực	Ghi chú
1	Ông Chu Quang Toàn	Kế Toán Trưởng	Mới bổ nhiệm	19/4/2020	

CƠ CẤU NHÂN SỰ

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP tại thời điểm 31/12/2020 là 1.245 người, trong đó Người quản lý là 19 người, Người lao động là 1.226 người, với 76,4% lao động có trình độ đại học và trên đại học. Năm 2020, Tổng công ty đã hoàn thành việc xây dựng, phê duyệt và áp dụng phương án tiền lương mới trong toàn Công ty mẹ, tiền lương được chi trả cho người lao động theo vị trí chức danh công việc người lao động đảm nhận, thay thế cho hệ thống trả lương cũ gồm 2 thành tố là lương cơ bản và lương chức danh. Đồng thời, đã nghiên cứu xây dựng và phê duyệt Quy chế trả lương (trong đó, xây dựng thống nhất hệ thống thang, bảng lương) áp dụng chung cho người lao động Công ty mẹ.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN



Hội đồng quản trị PV Power đã phê duyệt và triển khai thực hiện đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 (Quyết định số 628/QĐ-ĐLĐK ngày 21/7/2020).

Các thông tin của Dự án

- Quy mô (công suất): Khoảng 1.300 - 1.760MW
- Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;
- Địa điểm đầu tư: KCN Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
- Tổng mức đầu tư: 32.486.933.657.876 VNĐ;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu/Vốn vay - 25%/75%.
- Kế hoạch: Vận hành thương mại năm 2023/2024;

Tình hình thực hiện: PV Power đang triển khai phát hành hồ sơ mời thầu cho các gói thầu EPC, lập hồ sơ mời thầu tư vấn kĩ thuật dự án, đồng thời lựa chọn đơn vị nhà thầu thi công san nền, hạ tầng của dự án.

Tiến độ dự kiến: Dự kiến trong quý IV/2021 sẽ khởi công xây dựng, đưa vào vận hành thương mại trong năm 2023 và quý II/2024.

Tình hình hoạt động tại các công ty con



Đối với các công ty cổ phần PV Power góp vốn chi phối:

Chi tiết kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện cả năm 2020 của các đơn vị như sau:

TT	Đơn vị	KH năm 2020	KH năm 2020 điều chỉnh	TH cả năm 2020	Đơn vị tính	Tỷ lệ so sánh (%)
A	B	1	2	3		4=3/2
1	PV Power NT2					
	- Sản lượng điện	4.500	3.850	3.905	Triệu kWh	101%
	- Doanh thu	7.166	5.892	6.101	Tỷ đồng	104%
	- Lợi nhuận trước thuế	632	632	663	Tỷ đồng	105%
	- Lợi nhuận sau thuế	600	600	625	Tỷ đồng	104%
	- Cổ tức nộp về TCT	592	427	427	Tỷ đồng	100%
2	PV Power HHC					
	- Sản lượng điện	650	500	566	Triệu kWh	113%
	- Doanh thu	690	541	606	Tỷ đồng	112%
	- Lợi nhuận trước thuế	65	65	35	Tỷ đồng	54%
	- Lợi nhuận sau thuế	62	62	33	Tỷ đồng	53%

TT	Đơn vị	KH năm 2020	KH năm 2020 điều chỉnh	TH cả năm 2020	Đơn vị tính	Tỷ lệ so sánh (%)
3	PV Power DHC					
	- Sản lượng điện	532	476	505	Triệu kWh	106%
	- Doanh thu	548	452	477	Tỷ đồng	106%
	- Lợi nhuận trước thuế	24	24	84	Tỷ đồng	515%
	- Lợi nhuận sau thuế	22	22	82	Tỷ đồng	372%
4	PV Power Services					
	- Doanh thu	239	193	266	Tỷ đồng	138%
	- Lợi nhuận trước thuế	12	12	25	Tỷ đồng	208%
	- Lợi nhuận sau thuế	9	9	19	Tỷ đồng	211%
	- Cổ tức nộp về TCT	4	6	6	Tỷ đồng	100%
5	PV Machino					
	- Doanh thu	1.320	655	740	Tỷ đồng	112%
	- Lợi nhuận trước thuế	42	42	51	Tỷ đồng	120%
	- Lợi nhuận sau thuế	42	42	51	Tỷ đồng	120%
	- Cổ tức nộp về TCT	20	16	16	Tỷ đồng	100%

CTCP ĐLKD Nhơn Trạch 2 (PV Power NT2):

• Nhà máy thực hiện Trung tu từ ngày 15/9-21/10/2020, công tác trung tu đạt chất lượng và an toàn, vượt tiến độ hơn 01 ngày. Sau khi hoàn thành bảo dưỡng sửa chữa, nhà máy vận hành 02 tổ máy theo điều độ thị trường.

CTCP Thủy điện Hủa Na (PV Power HHC):

• Trong 9 tháng đầu năm 2020 tình hình thủy văn không thuận lợi, lưu lượng nước về các hồ thủy điện thấp do đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy thủy điện.
• Từ 16/10 do ảnh hưởng hoàn lưu của cơn bão số 7 nên lưu lượng nước về hồ gia tăng, để tận dụng tối đa nguồn nước, từ ngày 17/10 nhà máy chào giá sàn (1 đồng) cho 05 bước giá nhằm được huy động tối đa công suất nhà máy. Từ ngày 23/10/2020, nhà máy bắt đầu xả tràn theo quy trình.

CTCP Thủy điện Đakđrinh (PV Power DHC):

• Trong 9 tháng đầu năm 2020 tình hình thủy văn không thuận lợi, lưu lượng nước về các hồ thủy điện thấp do đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy thủy điện.
• Từ ngày 07/10, lưu lượng nước bắt đầu cao đột biến nên nhà máy đã bắt đầu chào để được phát tối đa công suất để tận dụng tối đa nguồn nước từ ngày 08/10. Từ ngày 18/10 nhà máy bắt đầu xả tràn theo quy trình để đảm bảo an toàn cho hồ Đakđrinh.

Đối với các công ty cổ phần PV Power góp vốn không chi phối:

Tình hình hoạt động của các Công ty Cổ phần PV Power góp vốn không chi phối

Đvt: Tỷ đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Giá trị khoản đầu tư tại 30/9/2019	Trích dự phòng tại 30/9/2020	Tỷ lệ sở hữu theo VDL thực góp tại 31/12/2020	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	Ghi chú
1	Nhóm các đơn vị thủy điện					
1.1	CTCP Thủy điện Nậm Chiến	302,30	-	20,16%	131,67	Báo cáo tài chính
1.2	CTCP Năng lượng Sông Hồng	32,89	-	44,07%	8,33	
1.3	CTCP Điện Việt - Lào	320,05	-	7,04%	18,36	Báo cáo tài chính
1.4	CTCP EVN Quốc tế	28,80	-	8,56%	46,8	
1.5	CTCP Thủy điện Sông Tranh 3	29,34	0,14	4,73%	-52,9	Báo cáo tài chính
2	Nhóm các đơn vị dịch vụ - kinh doanh (hoạt động Sản xuất kinh doanh đang gặp nhiều khó khăn do không tìm kiếm được nguồn công việc mới, dự án cũ bị đình trệ)					
2.1	CTCP Cơ điện Dầu khí	1,00	0,26	10%	-0,54	
2.2	CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí	18,20	18,20	6,5%		
3	Nhóm đơn vị hoạt động kém hiệu quả (đang trong tiến trình giải thể, phá sản)					
3.1	CTCP Thủy điện Sơn Trà Sông Đà	1,23	1,23	18,68%	Đã có thông báo giải thể số 10988/18* ngày 28/9/2018 của phòng ĐKKD - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi.	
3.2	CTCP Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương	0,55	0,55	5,00%	Tháng 3/2019, Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố HN đã có thông báo giải thể.	

Các Công ty sản xuất: Ngoại trừ Công ty CP Thủy điện Sông Tranh 3 đang trong giai đoạn đầu tư, các công ty còn lại đã đi vào hoạt động ổn định và có lãi:

- **Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến (NCC):** Năm 2020, lợi nhuận thực hiện sau thuế của NCC đạt 131,67 tỷ đồng, đạt 84% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do điều kiện thời tiết khô hạn dẫn đến sản lượng điện chỉ đạt 629 triệu kWh/kế hoạch 693 triệu kWh (đạt 91% kế hoạch), doanh thu đạt 775,3 tỷ đồng/kế hoạch 814,2 tỷ đồng (đạt 95% kế hoạch).



- **Công ty CP Năng lượng Sông Hồng:** Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2020 đạt 8,33 tỷ đồng/kế hoạch 4,65 tỷ đồng, vượt 79% kế hoạch chủ yếu do sản lượng điện vượt 13%, doanh thu sản xuất kinh doanh vượt 7%. Tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 dự kiến là 3%.

- **Công ty CP Điện Việt Lào (VLP):** Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của VLP là 18,36 tỷ đồng/kế hoạch 245 tỷ đồng. Nguyên nhân lợi nhuận giảm là do chi phí lãi vay giai đoạn 2017-2020 trong tổng mức đầu tư so với thực tế chênh lệch 14 triệu USD. Phần chênh lệch này được đưa vào chi phí tài chính trong năm 2020.

- **Công ty CP EVN Quốc tế:** Năm 2020 Công ty có nguồn cổ tức từ Hạ Sesan 2 (40 tỷ đồng) nên lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 46,8 tỷ đồng. Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến từ 7% đến 9%.

- Công ty CP Cơ điện Dầu khí Việt Nam (ngành nghề chính là thi công bảo dưỡng cơ điện) và CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí (ngành nghề chính là tư vấn thiết kế và kinh doanh bất động sản): Hoạt động của các đơn vị này gặp rất nhiều khó khăn do không tìm kiếm được nguồn công việc mới, các dự án cũ bị đình trệ do Chủ đầu tư thiếu vốn để giải ngân.

- PVC-Mekong đã bị Cục thuế thành phố Cần Thơ yêu cầu cung cấp thông tin về tiền, tài sản do tổ chức, bên thứ 3 nắm giữ để cơ quan thuế thực hiện cưỡng chế; quyết định phong tỏa hóa đơn của PVC-Mekong (lần 2) gây khó khăn trong việc xuất hóa đơn để thanh toán/quyết toán cho khách hàng/đối tác. Nợ lãi và lãi phạt của PVC-Mekong với Ocean Bank đến ngày 31/12/2020 là 91,136 tỷ đồng. Riêng năm 2020, lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính của PVC-Mekong là 10,1 tỷ đồng do điều chỉnh giảm giá vốn công trình GPP CM sau quyết toán và điều chỉnh giảm chi phí lãi vay phải trả Ocean Bank do Công ty đã hạch toán so với thông báo của Oceanbank.

Tổng Công ty đã có kế hoạch về công tác thoái vốn tại các công ty liên kết dự kiến trong năm 2021

4.CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

1.TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	55.722	54.050	-3%
Doanh thu thuần	35.375	29.731	-17,25%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.128	2.855	-8,72%
Lợi nhuận khác	64.91	19.85	-69,42%
Lợi nhuận trước thuế	3.193	2.875	-10%
Lợi nhuận sau thuế	2.879	2.663	-8%

2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Tăng trưởng (%)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0.94	1.09	106%
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.86	0.92	107%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0.47	0.42	90%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0.89	0.73	82%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho	vòng	10.77	15.95	148%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0.63	0.55	87%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8.14	8.96	110%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	9.75	8.52	87%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	5.17	4.93	95%
+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8.84	9.60	109%



VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Với hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (đạt 1,09 lần) và thanh toán nhanh (đạt 0,92 lần) được cải thiện lần lượt tăng 6% và 7% so với năm 2019 cho thấy năng lực tài chính của POW tốt hơn, tăng khả năng thanh toán các khoản nợ vay đến hạn. Trong khi nợ ngắn hạn trong năm giảm nhẹ, khả năng thanh toán của POW được hỗ trợ đáng kể từ sự tăng trưởng mạnh của các chỉ tiêu tài sản có tính thanh khoản cao như tiền và tương đương tiền tăng trưởng 39% đảm bảo năng lực đầu tư các dự án trong tương lai của POW.



VỀ CƠ CẤU VỐN

Cấu trúc vốn của POW có xu hướng giảm đòn bẩy tài chính qua các năm nhờ dòng tiền ổn định của các nhà máy điện đã đi vào vận hành, dẫn đến các khoản nợ phải trả giảm dần. Chỉ số về hệ số nợ vay/vốn CSH giảm từ 0,89 năm 2019 xuống 0,73 lần năm 2020 là một thuận lợi cho POW trong quá trình huy động thu xếp vốn vay trên thị trường tài chính trong và ngoài nước để đầu tư các dự án của mình.



VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay hàng tồn kho năm 2020 của POW tăng mạnh, bằng 148% so với năm 2019, do hàng tồn kho trong năm tại các công ty con giảm mạnh. Trong khi đó, chỉ số vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản) giảm nhẹ so với năm 2019, từ 0,63 xuống 0,55. Tuy nhiên, khi các dự án lớn của POW là Nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3, 4 được hoàn thành và phát điện sẽ góp phần bổ sung doanh thu, cải thiện đáng kể vòng quay tổng tài sản.



VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Lợi nhuận năm 2020 giảm do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 làm giảm nhu cầu tiêu thụ điện năng, dẫn đến các chỉ tiêu sinh lợi trên tài sản, trên vốn chủ sở hữu giảm so với năm 2019, lần lượt đạt 4,93% và 8,52%. Tuy nhiên, mức giảm của ROE và ROA rất thấp. Đây là thành quả đạt được thông qua chủ trương mạnh mẽ của Lãnh đạo POW trong việc tiết giảm các chi phí trong tình hình kinh tế bất ổn. Bên cạnh đó, hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần, lần lượt đạt 9,60% và 8,96% năm 2020, có xu hướng tăng nhẹ, không biến động nhiều qua giai đoạn 2016 - 2020 cho thấy các yếu tố về Thuế thu nhập doanh nghiệp, Lợi nhuận khác ngoài hoạt động kinh doanh có tác động không đáng kể đến lợi nhuận của POW.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. CỔ PHẦN

TỔNG SỐ CỔ PHẦN
ĐANG LƯU HÀNH

2.341.871.600 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ

Tổng công ty tại ngày 03/12/2020

STT	Tên cổ đông	GCNĐKKD/MSGD của nhà đầu tư	Địa chỉ/Trụ sở	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
01	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	0100681592	18 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	1.872.141.477	79,94%
Tổng cộng				1.872.141.477	79,94%



Cơ cấu cổ đông

Tổng công ty tại ngày 03/12/2020

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	% Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
I	Cổ đông trong nước			
1	Tổ chức	74	1.963.497.658	83,84%
2	Cá nhân	19.888	168.512.697	7,20%
II	Cổ đông nước ngoài			
1	Tổ chức	82	204.719.233	8,74%
2	Cá nhân	223	5.142.012	0,22%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%
	Tổng cộng	20.267	2.341.871.600	100 %



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2020, Tổng công ty không thực hiện tăng vốn cổ phần.



Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu.
Trong năm 2020, Tổng công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ



Các chứng khoán khác

Trong năm 2020, Tổng công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác.



6.BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY

1.TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Tên Nhà máy	Tiêu thụ nhiên liệu 2020		
	Than (tấn)	Dầu DO (tấn)	Khí tự nhiên (Tr.Sm3)
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	2.946.457,87	4.499,98	không áp dụng
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	không áp dụng	20.312,26	1.283,25
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	không áp dụng	256,51	745,12
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	không áp dụng	13.707,46	215,90
Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na	không áp dụng		không áp dụng
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	không áp dụng		không áp dụng

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

Tên Nhà máy	Điện tự dùng tiêu thụ (kWh)	Tiết kiệm so với định mức được duyệt (kWh)	Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng, kết quả các sáng kiến
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	485.896.008	50.326.816	Đang thực hiện nghiên cứu lắp đặt biến tần cho các động cơ lớn để tiết kiệm năng lượng
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	169.804.355	10.835.000	
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	76.779.000	-220.537	
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	29.371.850	2.943.222	
Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na	713.000	806.920	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	945.000	967.761	

2.TIÊU THỤ NƯỚC (MỨC TIÊU THỤ NƯỚC CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM)

Tên Nhà máy	Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng	Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Nguồn cung cấp là nước thô của nhà máy cấp nước Công ty cổ phần tập đoàn Hoàn Sơn Tổng tiêu thụ nước thô năm 2020 là 2.246.912 m3	Tổng lượng nước xử lý tái sử dụng năm 2020 là 254.036 m3 chiếm 11,3 %
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Lấy từ Công ty nước và môi trường Khánh An và công ty cấp nước Cà Mau. Lượng nước sử dụng 440.472,000 m3	Không
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Lấy từ nhà máy nước Nhơn Trạch, lượng nước sử dụng trong năm 2020 là 92.173 m3	Không
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Lấy từ nhà máy nước Nhơn Trạch, lượng nước sử dụng trong năm 2020 là 196.750 m3	Không
Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na	Nước hồ chứa	Không
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	Nước hồ chứa	Không





Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh nộp phạt 01 lần tháng 11/2020 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Hà Tĩnh phạt lỗi xả thải không đúng quy định.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 470.000.000 đồng

Chính sách liên quan đến người lao động



Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động (không bao gồm người quản lý) tại thời điểm 31/12/2020 của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP là 1.226 người. Lao động bình quân thực hiện năm 2020 là 1.201,67 người.
- Tiền lương bình quân của Người lao động Công ty mẹ Tổng công ty trong năm 2020 là: 28,166 triệu đồng/người/tháng.



Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước (về thời giờ làm việc, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thanh toán đầy đủ các chế độ trợ cấp Bảo hiểm Xã hội và Bảo hiểm Y tế cho cán bộ nhân viên như ốm đau, thai sản...), theo Quy chế khen thưởng, phúc lợi và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty...
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thân thiện, hợp vệ sinh; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Thực hiện khám chữa bệnh định kỳ; trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ, phương tiện An toàn - Bảo hộ lao động cho Người lao động.
- Năm 2020, Tổng công ty tiếp tục duy trì chế độ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe PVI Care, chương trình bảo hiểm Hưu trí tự nguyện cho cán bộ nhân viên...;



Hoạt động đào tạo người lao động

Người lao động được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc theo yêu cầu pháp luật, được đào tạo chuyên môn, an toàn định kỳ. Năm 2020, Tổng công ty đã đào tạo 2.460 lượt người với tổng kinh phí 9,133 tỷ đồng.



Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2020, Bên cạnh các nhiệm vụ hoạt động kinh doanh của PV Power thì công tác an sinh xã hội luôn là một trong những trọng tâm trong hoạt động của ngành Dầu khí nói chung và của PV Power nói riêng luôn được duy trì tốt và đã có những đóng góp quan trọng trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ giúp đỡ những địa phương gặp khó khăn trong mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất... Các chương trình đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ người có công, chăm sóc thăm hỏi tặng quà người có công với cách mạng, các hoạt động bảo trợ giúp đỡ phụ nữ, trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn... Góp phần đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân các địa phương, thúc đẩy sự phát triển của đất nước cũng là một trong những bước chuyển hướng quan trọng trong công tác An sinh xã hội của PV Power trong thời gian qua.

Tính đến ngày 31/12/2020, PV Power đã thực hiện tài trợ và giải ngân các công trình An sinh xã hội tại các địa phương như Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Hà Giang, Hải Phòng, Thái Bình, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Hà Nam, Hưng Yên, Cần Thơ... Với số tiền đã giải ngân là: 32.075.122.432 VNĐ (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ, không trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi hai đồng).



Hoạt động thị trường vốn xanh

Căn cứ Nghị quyết 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia là nền tảng, xây dựng thị trường năng lượng đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch, đa dạng hoá hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh; áp dụng giá thị trường đối với mọi loại hình năng lượng...

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020, một trong các nhiệm vụ chính là giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

Căn cứ Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25/11/2015 phê duyệt Chiến lược phát năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 13/08/2020 PV Power đã thành lập Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí (PV Power REC) với chức năng nhiệm vụ phát triển và sản xuất kinh doanh nguồn năng lượng tái tạo. Vốn điều lệ 60 tỷ đồng, PV Power góp 30,6 tỷ đồng, tương đương 51% vốn điều lệ, từ nguồn vốn chủ sở hữu của PV Power.



PHẦN III

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	86
2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	88
3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ	90
4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	92
5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY	102

PHẦN III BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2020, dưới ảnh hưởng của dịch Covid-19, mặc dù hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện có tính phòng thủ cao trước các biến động của nền kinh tế, PV Power cũng chịu những tác động nhất định: (i) sự đình trệ sản xuất trong cả nước, làm cho phụ tải điện giảm, nhu cầu tiêu thụ điện toàn quốc tăng trưởng thấp. (ii) giá dầu giảm làm cho giá khí giảm ảnh hưởng đến doanh thu của PV Power (iii) Covid-19 làm gián đoạn kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện, phát sinh tăng chi phí bảo dưỡng sửa chữa của PV Power. Tuy nhiên, với sự quyết tâm, đoàn kết cao của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Tổng công ty, cùng với sự nỗ lực, áp dụng hiệu quả các giải pháp trên trong điều hành, sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty,

các đơn vị thành viên, Tổng công ty đã đạt những kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh khó khăn chung:

VỀ SẢN LƯỢNG ĐIỆN

Tổng sản lượng điện năm 2020 đạt 19,166 triệu kWh, bằng 103% kế hoạch năm. Dịch Covid đã gây ra sự đình trệ trong sản xuất, nguồn cung của hệ thống điện quốc gia lại tăng đáng kể do các dự án năng lượng tái tạo đưa vào vận hành trong năm, đồng thời điều kiện thủy văn không thuận lợi trong nửa năm đầu 2020 đã ảnh hưởng đến việc huy động sản lượng điện năm 2020 từ các nhà máy điện của PV Power.

TT	Nhà máy	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2020 điều chỉnh	Tỷ lệ %/KH điều chỉnh
1	Nhà máy điện Cà Mau 1&2	7.044	6.498	6.400	101%
2	Nhà máy điện Nhơn Trạch 1	2.625	1.148	1.100	104%
3	Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	4.500	3.904	3.850	101%
4	Nhà máy điện Hủa Na	650	566	500	113%
5	Nhà máy điện Đakđrinh	532	505	476	106%
6	Nhà máy điện Vũng Áng 1	6.248	6.542	6.248	105%
	Tổng cộng	21.600	19.166	18.574	104%

Hoạt động Các nhà máy điện khí:

Điện khí vẫn đóng góp tỷ trọng chính trong sản lượng điện của PV Power, với tổng sản lượng đạt 11,550 triệu kWh, chiếm 60.26 % tổng sản lượng, tuy nhiên năm 2020 do vẫn nguồn khí bị thiết hụt, các Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1,2 phải sử dụng nguồn bổ sung với giá cao nên ảnh hưởng đến cạnh tranh trên thị trường điện, A0 hạn chế huy động nên một số nhà máy không chạy được hết công suất. Nhà máy Nhơn Trạch 1 trong năm 2020 không được huy động hoặc huy động với công suất thấp, nên sản lượng điện của Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 chỉ đạt 1,148 triệu kWh, giảm 1,477 triệu kWh so với kế hoạch được giao từ đầu năm

Nhà máy thủy điện Hủa Na, Đakđrinh:

Trong 9 tháng đầu năm 2020 tình hình thủy văn không thuận lợi, lưu lượng nước về các hồ thủy điện thấp hơn mực nước tối thiểu quy định, các nhà máy đều phải hạn chế phát điện và chủ yếu chào giá bám sát Qc được phân bổ. Từ tháng 10, do ảnh hưởng hoàn lưu của cơn bão số 7 nên lưu lượng nước về hồ gia tăng, các nhà máy đã chạy hết công suất để tận dụng tối đa nguồn nước. Tổng sản lượng thủy điện đạt 1,071 triệu kWh, hoàn thành 109% kế hoạch.

Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng:

Điểm nổi bật trong bức tranh hoạt động của PV Power năm 2020 chính là Nhà máy điện Vũng Áng 1. Nếu trong các năm từ 2015-2018, sản lượng nhà máy Vũng Áng đóng góp trung bình 20% vào tổng sản lượng, thì đến năm 2020 đóng góp đến 34.07% tổng sản lượng điện của PV Power. PV Power đã nỗ lực phối hợp với các nhà cung cấp như TKV, Công ty than Đông Bắc để đảm bảo nguồn than sản xuất cho Nhà máy điện Vũng Áng 1. Tổng công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn và TKV ký kết Hợp đồng mua bán than với tổng

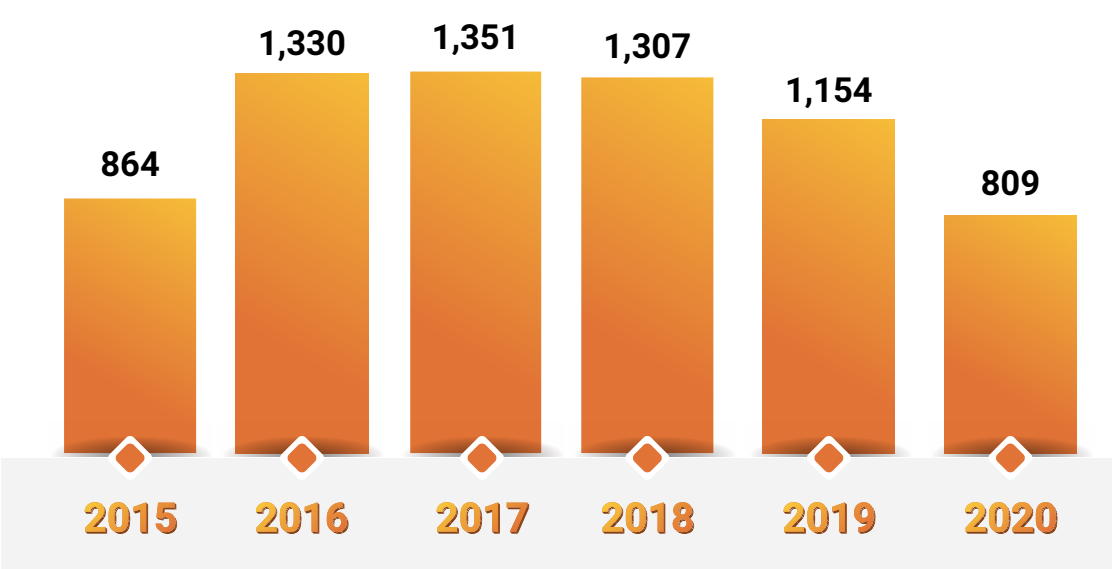
khối lượng 3 triệu tấn ± 5%. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng được chủ động nhập khẩu thêm than theo Chỉ thị 29/CT-TTg ngày 2/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ, nên nguồn than năm 2020 của Nhà máy Vũng Áng được đảm bảo. Điều này đã giúp Vũng Áng hoàn thành kế hoạch sản lượng điện xuất sắc nhất, với tổng sản lượng năm 2020 của Vũng Áng đạt 6,542 triệu kWh, tăng 13.39% so với năm 2019, và hoàn thành 105% kế hoạch năm.

VỀ DOANH THU, LỢI NHUẬN

Doanh thu của toàn Tổng công ty năm 2020 đạt 30.246 tỷ đồng, bằng 107% kế hoạch năm 2020 và bằng 84% so với cùng kỳ năm 2019. lợi nhuận sau thuế toàn Tổng công ty đạt 2,663 tỷ đồng, đạt 130% kế hoạch nhờ Quý 4 năm 2020, PV Power ghi nhận khoản hồi tố chênh lệch tỷ giá năm 2016-2017 là 1.028 tỷ đồng từ EVN/EPTC. Điểm nổi bật của PV Power là năng lực tài chính ngày một được cải thiện khi Chi phí tài chính năm 2020 giảm 324 tỷ đồng so với cùng kỳ, trong đó riêng chi phí lãi vay giảm 345 tỷ đồng. PV Power cũng đang sở hữu nguồn lực khá dồi dào với tổng tiền gửi ngân hàng

của PV Power lên đến 7.069 tỷ đồng trong đó các khoản tiền mặt và tiền gửi không kì hạn là 927 tỷ đồng (tăng 757 tỷ đồng so với đầu năm), tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng là 6.142 tỷ đồng (tăng 1.230 tỷ đồng so với đầu năm). Đây là tiền đề để PV Power tiếp tục đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư các dự án điện mới, nghiên cứu mở rộng nguồn nhiên liệu mới đặc biệt trong bối cảnh Nghị quyết 55 – NQ/TW của Bộ Chính Trị khuyến khích mở rộng đầu tư điện khí – vốn là lĩnh vực mà PV Power có nhiều kinh nghiệm.

CHI PHÍ LÃI VAY QUA CÁC NĂM (tỷ đồng)



2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

(Số liệu báo cáo tài chính năm 2019 được trình bày lại do Tổng công ty thực hiện các điều chỉnh theo kiến nghị của kiểm toán nhà nước)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/giảm (%)	Tỷ trọng %
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	16.089	16.897	808	105%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	39.634	37.153	(2.481)	94%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	55.723	54.050	(1.673)	97%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	26.188	22.784	(3.404)	87%
- Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	17.066	16.480	(586)	97%
- Nợ dài hạn	Tỷ đồng	9.123	6.304	(2.819)	69%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	29.534	31.267	1.733	106%
Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	55.723	54.050	(1.673)	97%

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tại thời điểm 31/12/2020, Tổng tài sản đạt 54.050 tỷ đồng giảm 1.673 tỷ đồng tương ứng giảm 3% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn đạt 16.897 tỷ đồng tăng 808 tỷ đồng tương ứng tăng 5% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân tăng chủ yếu: (i) Chỉ tiêu Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 1.987 tỷ đồng do trong năm 2020, Tổng công ty thực hiện vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. (ii) Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 1.533 tỷ đồng chủ yếu do khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 1.164 tỷ đồng. (iii) Hàng tồn kho tăng 303 tỷ đồng.
- Tài sản dài hạn giảm 2.481 tỷ đồng giảm 6% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu: Tổng công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định trong quá trình sử dụng.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Cơ cấu nguồn vốn của PV Power cho thấy xu thế thay đổi rõ rệt trong giai đoạn 2016 - 2020, tăng dần tỷ trọng Vốn chủ sở hữu và giảm dần tỷ trọng Nợ phải trả để giảm bớt rủi ro về chi phí lãi vay và áp lực trả gốc các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn bằng ngoại tệ.

Về cơ cấu nợ, PV Power đang giảm tỷ trọng và giá trị của khoản nợ dài hạn. Tính đến hết ngày 31/12/2020, nợ phải trả của Tổng công ty đạt 22.784 tỷ đồng giảm 3.405 tỷ đồng tương ứng giảm 13% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó:

- Nợ ngắn hạn đạt 16.480 tỷ đồng giảm 586 tỷ đồng tương ứng giảm 3% so với cùng kỳ năm 2019. Nợ ngắn hạn giảm so với cùng kỳ năm 2019, chủ yếu do: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 2.138 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019 do trong năm 2020, Tổng công ty thực hiện trả nợ các khoản vay đến hạn.

- Nợ dài hạn đạt 6.303 tỷ đồng giảm 2.819 tỷ đồng tương ứng giảm 31% so với cùng kỳ năm 2019, nguyên nhân chủ yếu từ chỉ tiêu vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm 3.003 tỷ đồng nguyên nhân do: trong năm tổng công ty đã thực hiện trả nợ vay cho các tổ chức tín dụng. Năm 2020, Tổng công ty đã trả nợ gốc tiền vay đạt 19.356 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu tăng 5,39% so với năm 2019 và tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn đạt trên 50%. Tỷ trọng này thể hiện lợi nhuận để tái đầu tư của PV Power lớn và khả năng tự chủ về nguồn vốn để đầu tư của PV Power cao.



3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Trong năm 2020, PV Power thường xuyên nghiên cứu, rà soát để kiện toàn lại mô hình tổ chức, bộ máy theo hướng hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh và theo đúng định hướng phát triển của Tổng công ty. Chức năng, nhiệm vụ Văn phòng/các Ban chức năng cũng thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế.



Thực hiện cải cách cơ chế tiền lương, theo đó chi trả lương thưởng theo chức danh công việc và mức độ hoàn thành công việc của người lao động; Giao cho đơn vị trực tiếp sử dụng lao động, đánh giá và đề xuất trả lương theo hệ thống thang bảng lương thống nhất được Tổng công ty ban hành.



Trên cơ sở Nghị quyết số 10/NQ-ĐLĐK ngày 30/01/2019 của Hội đồng quản trị, Tổng công ty đã hoàn thành công tác kiện toàn bộ máy tổ chức của các Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP theo hướng gọn nhẹ, phù hợp và thống nhất chung cho các đơn vị quản lý, vận hành các nhà máy điện (bao gồm Chi nhánh PV Power Hà Tĩnh, PV Power Cà Mau, PV Power NT). Đồng thời, PV Power đã triển khai thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật kịp thời đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, qua đó góp phần hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty.



Chỉ đạo Người đại diện của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên, Giám đốc các đơn vị trực thuộc tổ chức rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của đơn vị trên cơ sở hệ thống quy chế, quy định của Tổng công ty và phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị.



Triển khai thực hiện chiến lược phát triển của Tổng công ty đến năm 2025 - tầm nhìn 2035, trong năm 2020 Tổng công ty đã thành lập mới 01 Chi nhánh và góp vốn tham gia thành lập 01 công ty cổ phần, cụ thể:

- Chi nhánh Tổng công ty - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (giấy đăng ký hoạt động do Sở KHĐT cấp lần đầu ngày 29/7/2020).
- Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí do Tổng công ty góp 51% vốn điều lệ (giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở KHĐT cấp lần đầu ngày 13/08/2020).
- Hoàn thành việc tổ chức lại Ban chuẩn bị đầu tư các dự án Điện khí thành Ban quản lý Dự án Điện (PVPP)



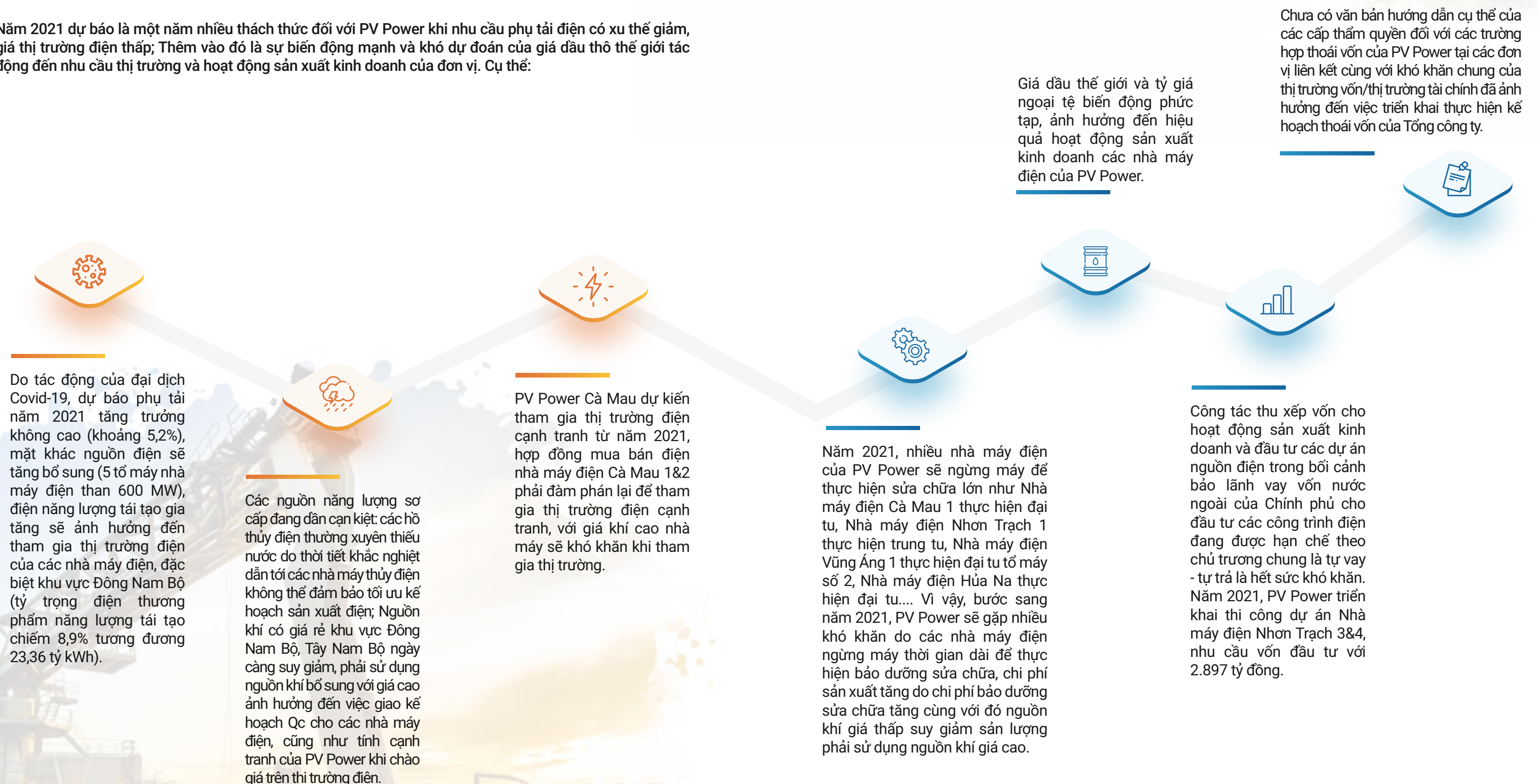
4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch năm 2021 (theo phương án giá dầu 45 USD/thùng, sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 xem xét, thông qua).

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và các tháng đầu năm 2021 của các đơn vị, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của PV Power sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua gồm các nội dung chính sau:

Dự báo các nhân tố tác động đến sản xuất kinh doanh của PV Power năm 2021

Năm 2021 dự báo là một năm nhiều thách thức đối với PV Power khi nhu cầu phụ tải điện có xu thế giảm, giá thị trường điện thấp; Thêm vào đó là sự biến động mạnh và khó dự đoán của giá dầu thô thế giới tác động đến nhu cầu thị trường và hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Cụ thể:



NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM NĂM 2021

Công tác sản xuất kinh doanh



Phối hợp chặt chẽ với EVN/A0, Vinacomin, PV Gas trong công tác quản lý vận hành và sửa chữa bảo dưỡng các Nhà máy điện của PV Power, huy động tối đa công suất, đủ nguồn khí/than để sản xuất và đảm bảo vận hành an toàn, khả dụng, hiệu quả các Nhà máy điện: Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1&2, Hủ Na, Đakđrinh, Vũng Áng 1. Phần đầu tổng sản lượng điện sản xuất năm 2021 đạt 18,7 tỷ kWh.

Bám sát thị trường điện cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các nhà máy điện khi tham gia thị trường. Đồng thời triển khai các công việc để sẵn sàng tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.



Tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ các Nhà máy điện: đại tu Nhà máy điện Cà Mau 1, đại tu tổ máy số 2 Nhà máy điện Vũng Áng 1, đại tu Nhà máy điện Hủ Na; tiểu tu các Nhà máy điện Cà Mau 2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Thủy điện Đakđrinh trong năm 2021 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn. Triển khai chuẩn bị các điều kiện cho công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các nhà máy điện năm 2022.

Tập trung nâng cao công tác quản trị, điều hành hoạt động của PV Power theo mô hình Công ty cổ phần hiệu quả. Kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí; quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích; đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên hiệu quả. Tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Thường xuyên rà soát vật tư thay thế cho sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và vật tư theo Hợp đồng EPC để tồn kho ở mức hợp lý, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.



Tích cực triển khai các giải pháp thu hồi công nợ tiền điện từ EVN/EPTC để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thực hiện cung cấp than ổn định, liên tục, dài hạn và triển khai tốt công tác tiêu thụ tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho Nhà máy điện Vũng Áng 1. Triển khai đàm phán giá điện chính thức Nhà máy điện Vũng Áng 1 sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án được phê duyệt.



Tiếp tục làm việc với EVN/EPTC hoàn thành sửa đổi PPA của nhà máy điện Cà Mau 1&2 về chuyển đổi đơn giá phí công suất từ USD sang VNĐ và chuẩn bị cho nhà máy tham gia thị trường điện cạnh tranh.

Nghiên cứu phương án tham gia cung cấp dịch vụ kỹ thuật vận hành và sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện Tập đoàn đang đầu tư đảm bảo công khai, minh bạch và tuân thủ đúng quy định hiện hành của Nhà nước, Pháp luật và Tập đoàn.



Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các Nhà máy điện. Đối với các Nhà máy thủy điện cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác cắt lũ và đảm bảo thủy lợi.

NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM NĂM 2021

Công tác đầu tư xây dựng:

- Tổ chức thực hiện tốt công tác chuẩn bị/thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 như lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn kỹ thuật, lựa chọn nhà thầu EPC của dự án, khởi công san nền trong quý II/2021 và phân đấu khởi công gói thầu EPC trong quý IV/2021; đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán điện PPA với EPTC và hợp đồng mua bán khí (GSA) với PV Gas; tìm kiếm, thoả thuận thu xếp vốn với các ngân hàng, tổ chức tín dụng cho dự án.
- Thực hiện triển khai các bước chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy điện khí Cà Mau 3 và kho cảng LNG Nam Du sau khi được cấp có thẩm quyền bổ sung Quy hoạch điện VIII và Quy hoạch phát triển Công nghiệp Khí Việt Nam.
- Triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các dự án điện khác như Nhà máy điện Tuabin khí hỗn hợp Miền Trung 1&2 sau khi được các cấp có thẩm quyền chấp thuận giao chủ đầu tư thực hiện dự án.
- Triển khai thực hiện các công việc thuộc phạm vi hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa PV Power với PV Gas và PTSC như dự án cấp khí LNG tái hóa bổ sung cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 1A. Tiếp tục nghiên cứu góp vốn đầu tư phát triển dự án điện LNG Quảng Ninh.
- Tiếp tục triển khai hợp tác đầu tư dự án Thủy điện Luang Prabang theo chỉ đạo của Chính phủ/Tập đoàn.
- Tiếp tục nghiên cứu triển khai phát triển các dự án điện năng lượng tái tạo.

Công tác cổ phần hóa, tái cấu trúc:

- Đẩy mạnh công tác tái cấu trúc doanh nghiệp của PV Power, rà soát sắp xếp tổ chức bộ máy từ công ty mẹ đến các đơn vị thành viên theo hướng tinh nhuệ. Tiếp tục rà soát sửa đổi và xây dựng mới đồng bộ các văn bản quản lý nội bộ nhằm tăng cường công tác quản trị đáp ứng yêu cầu thực tế phát triển doanh nghiệp.

Công tác khác:

- Triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động, tăng cường các phong trào, hoạt động đoàn thể.
- Thực hiện các công việc khác được Đại hội đồng cổ đông giao.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHÍNH:

Cơ sở xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch

- Căn cứ công suất khả dụng của các Nhà máy điện, dự báo tình hình thủy văn, dự báo nhu cầu phụ tải điện quốc gia; kế hoạch cấp nhiên liệu (khí/than)/sử dụng nhiên liệu (khí/than); kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện; kế hoạch 5 năm 2021-2025 của PV Power và tình hình thực hiện thực tế của PV Power trong 3 năm gần nhất.
- Các văn bản/quy định của Nhà nước về thị trường điện, chính sách thuế, tài chính kế toán,...; các hợp đồng mua bán điện ký kết với EVN/EPTC; các hợp đồng mua bán nguyên nhiên vật liệu ký kết với PV Gas/Vinacomin,...; các hợp đồng vay vốn, định mức kinh tế kỹ thuật,...
- Giá dầu 45 USD/thùng, tỷ giá 1 USD = 23.500 VNĐ.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 của PV Power cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
I	Sản lượng điện		
1	Toàn Tổng công ty	Triệu kWh	18.700,0
2	Công ty mẹ	Triệu kWh	13.573,6
II	Doanh thu		
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	28.403,6
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	20.637,3
III	Lợi nhuận trước thuế		
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	1.548,5
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.550,0
IV	Lợi nhuận sau thuế		
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	1.325,3
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.347,9
V	Nộp NSNN		
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	1.315,5
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	784,3
VI	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu	%	5%
VII	Tỷ lệ chia cổ tức	%	0%
VIII	Đầu tư xây dựng Công ty mẹ		
1	Nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	3.521,1
	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	3.313,0
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	101,0
	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	107,1

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	3.521,1
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.408,4
	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	1.112,7
3	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	3.521,1
	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.408,4
	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	1.112,7

Năm 2021, PV Power - Công ty Mẹ triển khai thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 (dự kiến khởi công EPC vào quý IV); nghiên cứu xúc tiến thực hiện đầu tư dự án trụ sở làm việc Tổng công ty; nghiên cứu xúc tiến các dự án điện khí LNG và năng lượng tái tạo; triển khai mua sắm trang thiết bị cho phát triển cơ sở hạ tầng để tăng năng lực sản xuất kinh doanh,...



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để thực hiện hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, Tổng công ty tiếp tục tranh thủ sự ủng hộ quý báu từ lãnh đạo các cấp mà trực tiếp là từ Bộ Công Thương và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, từ các cơ quan đối tác quan trọng như EVN, TKV, PV Gas,... Tăng cường tuyên truyền, phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên về tình hình và nhiệm vụ của Tổng công ty nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, động viên khuyến khích nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chống lãng phí. Đồng thời tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp từ đầu năm về ứng phó với đại dịch Covid-19, giá dầu giảm kết hợp với:

Giải pháp về sản xuất - thị trường.

- Tập trung công tác quản lý/giám sát kỹ thuật vận hành, Bảo dưỡng sửa chữa, công tác an toàn vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ nhằm nâng cao độ khả dụng và vận hành ổn định, liên tục của các tổ máy.
- Phối hợp chặt chẽ với Cục ĐTĐL, EVN/A0, các nhà cung cấp nhiên liệu (khí/ than/ dầu...) trong quá trình vận hành, cung cấp đáp ứng đủ khí/than/dầu cho sản xuất; sẵn sàng các điều kiện để đáp ứng tối đa yêu cầu huy động của EVN/A0 trên cơ sở tối ưu hóa hiệu quả sản xuất.
- Bám sát thị trường điện cạnh tranh đặc biệt trong bối cảnh giá nhiên liệu khí đang giảm sâu, tình hình khí hậu thủy văn để tính toán chào giá tối ưu vận hành hiệu quả các nhà máy điện; Rà soát, xây dựng phương án tối ưu bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện nhằm giảm thiểu thời gian ngừng máy.
- Tập trung chỉ đạo quản lý chặt chẽ các khoản chi phí sản xuất, chi phí quản lý; kịp thời xây dựng và giám sát chặt chẽ việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng tại các đơn vị sản xuất; quán triệt thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên; tăng cường ứng dụng cải tiến kỹ thuật nhằm giảm chi phí và giá thành sản xuất, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất.
- Đẩy nhanh hoàn thành và đưa vào áp dụng hệ thống định mức sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện, định mức tồn kho tại các nhà máy điện.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính; Cơ cấu lại các nguồn vốn có lãi suất cao.
- Thường xuyên rà soát khối lượng than, dầu DO, vật tư tồn kho, chủ động mua sắm kịp thời, cùng với việc tận dụng và sử dụng vật tư tồn kho phục vụ sản xuất, quản lý mức tồn kho hợp lý, kinh tế.

Giải pháp về tổ chức quản lý.

- Quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, phân giao rõ nhiệm vụ với thời gian hoàn thành đối với các cấp quản lý Tổng công ty đến các đơn vị, phòng ban, giám sát chặt chẽ tiến độ kết quả thực hiện, kiểm điểm trách nhiệm liên quan đến mức độ hoàn thành công việc theo tiến độ.
- Hoàn thiện/xây dựng mới các quy định quy chế nội bộ cho phù hợp với các Luật mới có hiệu lực, văn bản của Tập đoàn và mô hình tổ chức hoạt động công ty cổ phần.

Giải pháp về tài chính.

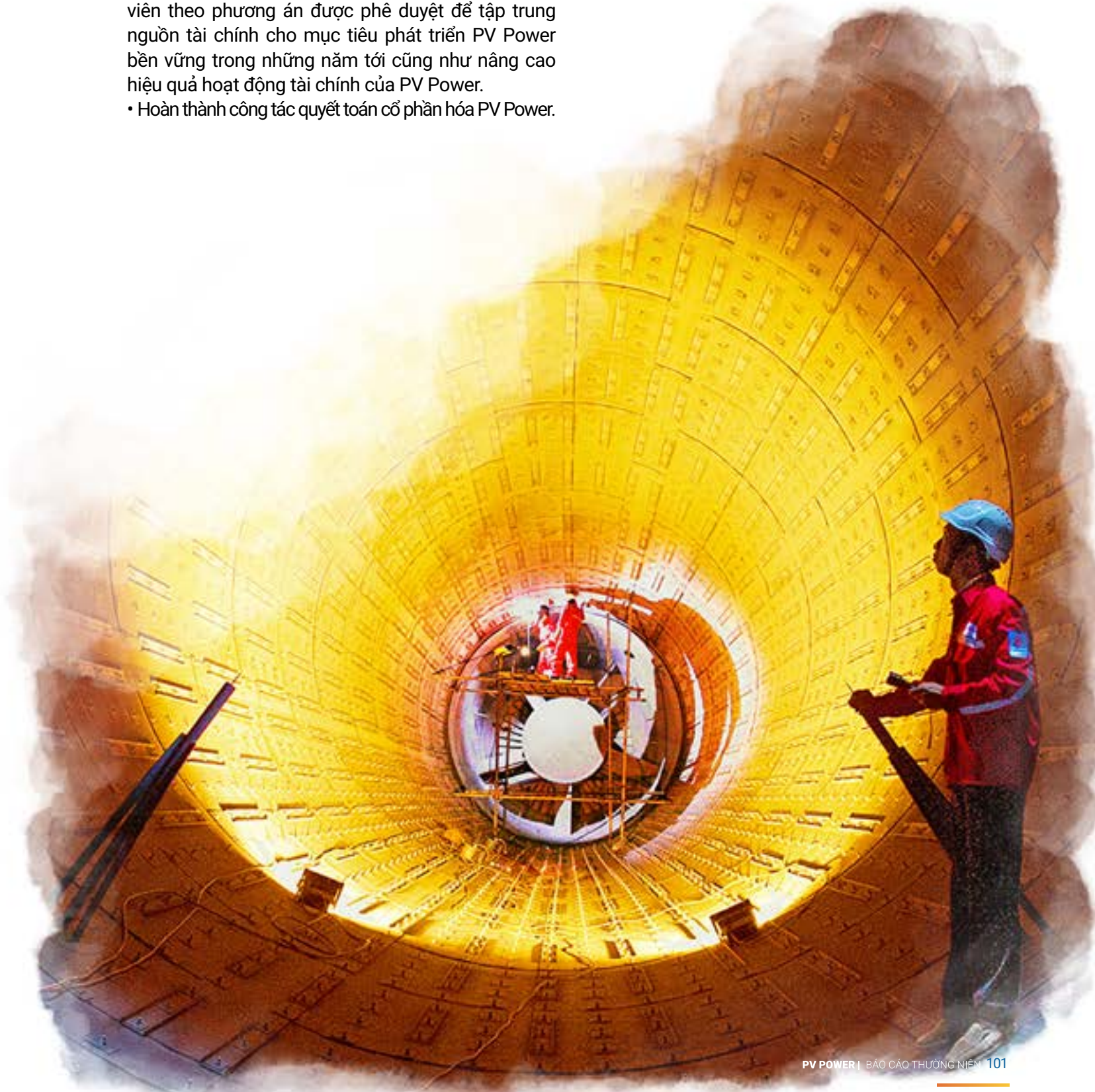
- Xây dựng cân đối dòng tiền đảm bảo đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, theo dõi và cập nhật kịp thời tình hình biến động tỷ giá ngoại tệ, xây dựng các kịch bản, phương án tài chính ứng phó kịp thời với những biến động xấu nhất của giá dầu, tăng giá đồng ngoại tệ.
- Thực hiện đánh giá, rà soát các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, thực hiện tốt công tác quản lý vốn, tài sản, bảo toàn và phát triển vốn doanh nghiệp.
- Tìm kiếm các nhà tài trợ vốn, tổ chức tín dụng có cơ chế tài trợ vốn phù hợp, đảm bảo dự án có khả thi cao và hiệu quả chuẩn bị cho các dự án.

Giải pháp về đào tạo và khoa học công nghệ.

- Tiếp tục triển khai đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ kỹ thuật làm công tác vận hành, Bảo dưỡng sửa chữa tại các nhà máy điện.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh như các ứng dụng về quản lý, vận hành, giám sát kỹ thuật, quản lý chi phí và hiệu quả sản xuất điện.

Công tác cổ phần hóa, tái cấu trúc:

- Đẩy mạnh công tác tái cấu trúc doanh nghiệp của PV Power, rà soát sắp xếp tổ chức bộ máy từ công ty mẹ đến các đơn vị thành viên theo hướng tinh nhuệ. Tiếp tục rà soát sửa đổi và xây dựng mới đồng bộ các văn bản quản lý nội bộ nhằm tăng cường công tác quản trị đáp ứng yêu cầu thực tế phát triển doanh nghiệp.
- Thực hiện công tác thoái vốn tại các đơn vị thành viên theo phương án được phê duyệt để tập trung nguồn tài chính cho mục tiêu phát triển PV Power bền vững trong những năm tới cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của PV Power.
- Hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa PV Power.



5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY

Bảng thông số các chỉ tiêu môi trường toàn Tổng công ty năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	
Nước sạch tiêu thụ:	m ³	2.856.227
Nước mặt làm mát:	m ³	1.997.473.448
Tiêu thụ năng lượng (tỉ lệ điện tự dùng):		3,94%
Tổng lượng khí thải:	triệu m ³	110.418
Tổng lượng nước thải:	m ³	226.156.968
Chất thải rắn thông thường:	tấn	1.042
Tro xỉ nhiệt điện than	tấn	878.791
Chất thải nguy hại:	tấn	353,76

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động



- Người lao động được sắp xếp, bố trí công việc phù hợp với khả năng và trình độ chuyên môn; duy trì việc làm thường xuyên, ổn định cho người lao động, không xảy ra các trường hợp ngừng việc hay mất việc.
- Những kiến nghị của người lao động đưa ra tại các buổi đối thoại định kỳ đều được xem xét, xử lý một cách kịp thời và thỏa đáng.



PHẦN IV

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



SINH NĂNG LƯỢNG DƯỠNG TƯƠNG LAI

PHẦN IV

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	106
2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	112
3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	114



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY



VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-Đại hội đồng cổ đông ngày 12/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của PV Power, với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được giao; bám sát tình hình diễn biến của dịch bệnh covid-19 và sự biến động của giá dầu để xây dựng các phương án, kịch bản ứng phó với các tình huống có thể xảy ra; thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của Thủ tướng về việc cách ly xã hội, đặc biệt triển khai việc cách ly và ưu tiên công tác an toàn cho đội ngũ vận hành/bảo dưỡng sửa chữa trực tiếp tại các nhà máy điện, đảm bảo việc sản xuất kinh doanh thường xuyên, liên tục của các nhà máy điện; công tác quản lý kỹ thuật, tình hình vận hành sản xuất, sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện được thực hiện nghiêm túc đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn tuyệt đối, đáp ứng yêu cầu huy động của A0, tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về môi trường, tham gia thị trường điện đạt kết quả cao. Các chỉ tiêu năm 2020 của PV Power như sau:



CÔNG TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Bên cạnh các dự án trọng điểm đã và đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, Tổng công ty đã tập trung tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án sử dụng LNG nhằm tạo tiền đề cho phát triển các năm tiếp theo theo định hướng đã đề ra. Việc thực hiện các nhiệm vụ xúc tiến/chuẩn bị đầu tư như sau:

- Dự án thủy điện Luang Prabang

- » Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 35/NQ-ĐLĐK ngày 06/11/2020 về việc thông qua tỷ lệ góp vốn đầu tư Dự án thủy điện Luang Prabang, theo đó tỷ lệ góp 10% vốn điều lệ vào dự án đã được quyết định theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- » Ngày 09/11/2020, PV Power và PTS đã ký thỏa thuận cổ đông điều chỉnh để tái cấu trúc cơ cấu góp vốn của các bên tham gia tại Công ty TNHH Năng lượng Luangprabang. Hiện nay, PV Power tiếp tục phối hợp với đối tác và chuẩn bị các hồ sơ liên quan theo hướng dẫn của Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch Đầu tư để đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài.

- Dự án Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4: Hội đồng quản trị Tổng công ty đã có quyết định số 628/QĐ-ĐLĐK về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4; ký Thỏa thuận đấu nối số 2625/EVNNPT-TTĐN đấu nối Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4 vào hệ thống điện quốc gia; phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; tiếp tục làm việc với các ngân hàng, tổ chức tín dụng để thu xếp vốn cho dự án...

- Nghiên cứu phát triển năng lượng tái tạo: Thực hiện định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ chính trị), PV Power đã thành lập Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí, đồng thời phối hợp với các đơn vị tiến hành khảo sát tại hiện trường để đánh giá khả năng phát triển, đầu tư lắp đặt năng lượng mặt trời áp mái tại một số đơn vị trong ngành dầu khí và các nhà máy điện của Tổng công ty.



- Ngoài ra, Hội đồng quản trị đã chấp thuận chủ trương, nghiên cứu tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án: Nhà máy điện khí Miền Trung 1&2, chuỗi dự án Kho cảng LNG Nam Du bổ sung khí cho Cà Mau 1&2 và xây dựng mới Cà Mau 3 (PV Power đã có văn bản gửi Bộ Công Thương, UBND tỉnh Cà Mau, Kiên Giang và các cấp thẩm quyền đề nghị bổ sung dự án Nhà máy điện Cà Mau 3 công suất 1500 MW vào quy hoạch điện VII điều chỉnh bổ sung, dự án kho cảng LNG Nam Du công suất từ 3,0 triệu tấn – 6,0 triệu tấn LNG/năm vào Quy hoạch Phát triển Công nghiệp Khí Việt Nam), phương án cấp khí (LNG) cho TTĐL Nhơn Trạch và Nhà máy điện Nhơn Trạch 1A, dự án Nhà máy điện TBKHH Quảng Ninh (đã hoàn thành xin bổ sung Dự án vào Quy hoạch Điện), trụ sở làm việc Tổng công ty.

- Chỉ đạo Công ty cổ phần Thủy điện Đakđrinh (PV Power DHC) tập trung giải quyết các nội dung liên quan đến kết luận của các cơ quan chức năng, thực hiện công tác cán bộ để nâng cao quản trị tại PV Power DHC; tập trung chỉ đạo, hỗ trợ PV Power DHC, PV Power HHC tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn về quyết toán dự án đầu tư, tài chính...

CÔNG TÁC TÁI CƠ CẤU, THOÁI VỐN, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng và ban hành quyết định về phương án sắp xếp, tái cơ cấu Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP giai đoạn 2021-2025.

Tổng công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần định giá và Dịch vụ tài chính Việt Nam VVFC để thực hiện thẩm định giá phần vốn của PV Power tại Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị dầu khí (PV Machino), làm cơ sở xây dựng phương án thoái vốn và thực hiện thoái toàn bộ phần vốn trong năm 2021.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP

Tổng công ty đã hoàn thiện xây dựng đồng bộ các quy trình, quy chế, quy định để phù hợp với quy mô hoạt động công ty cổ phần, đáp ứng yêu cầu tình hình thực tế quản trị, điều hành Sản xuất kinh doanh từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên, chi nhánh Tổng công ty; tập trung chỉ đạo, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy các đơn vị, các Ban chức năng phù hợp với yêu cầu phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị và toàn Tổng công ty: i) thông qua mô hình cơ cấu tổ chức của PVPF, PV Power DHC, PV Power NT2 và PV Machino; ii) Tổ chức lại Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Ban chuẩn bị Đầu tư các dự án điện khí (PV Power G-Board) thành Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Ban Quản lý dự án điện (PVPP); iii) Thành lập Chi nhánh Tổng công ty - Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật (PV Power TSC), để triển khai tập trung công tác bảo dưỡng, sửa chữa các Nhà máy điện của PV Power hiện nay và tham gia dịch vụ vận hành thuê các nhà máy điện khác; iv) Tổng công ty đã góp vốn thành lập Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí với tỉ lệ góp vốn chiếm 51% tổng vốn điều lệ; v) Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban/Văn phòng trong bộ máy giúp việc Công ty mẹ - Tổng công ty.



CÔNG TÁC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Về công tác lao động, tiền lương: Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch lao động định biên năm 2020 của Công ty mẹ làm cơ sở để Tổng giám đốc quyết định giao định biên cho các đơn vị trực thuộc, tổ chức triển khai công tác sắp xếp, bố trí và tuyển dụng lao động; phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2019 của người lao động, người quản lý Công ty mẹ - Tổng công ty; thông qua quyết toán quỹ tiền lương năm 2019 của các đơn vị thành viên; thông qua kế hoạch lao động, tiền lương năm 2020 của Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: PV Power luôn coi con người là yếu tố cốt lõi để phát triển doanh nghiệp. Tính đến 31/12/2020, Tổng công ty đã cử 2.360 lượt người tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ năng công tác, đào tạo nâng bậc, giữ bậc, đào tạo tiếng anh và các chương trình đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực kỹ thuật, bồi dưỡng thường xuyên chuyên môn nghiệp vụ cho Cán bộ công nhân viên với tổng kinh phí thực hiện là 9,133 tỷ đồng.

Ngoài ra, Tổng công ty luôn quan tâm chăm lo đến đời sống tinh thần của người lao động, đã quan tâm và tạo điều kiện tốt để các tổ chức đoàn thể (công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh...) hoạt động, đồng thời phối hợp tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động hữu ích nhằm nâng cao đời sống tinh thần, sức khỏe, động viên khuyến khích người lao động hăng say, trách nhiệm và gắn bó với đơn vị. Tổng công ty đã thực hiện rà soát, hỗ trợ các Cán bộ công nhân viên gặp khó khăn do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh.

CÔNG TÁC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Công tác Khoa học công nghệ được quan tâm, thúc đẩy mạnh và gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, đặc biệt tại các nhà máy điện. Tổng công ty đã duy trì hoạt động tốt Hội đồng khoa học công nghệ, Hội đồng sáng kiến cải tiến. Tiến hành ký kết các thỏa thuận hợp tác nghiên cứu khoa học công nghệ và biên bản ghi nhớ với các đối tác uy tín, nhiều bề dày kinh nghiệm trong/ngoài nước (Đại học Bách Khoa Hà Nội, Hội Điện lực Việt Nam, Viện Dầu khí, Siemens, GE,...). Khuyến khích phong trào nghiên cứu khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất trong cán bộ công nhân viên. Thời gian qua việc này đã trực tiếp tác động đến tiết giảm chi phí và hợp lý hóa sản xuất mang lại lợi ích hàng trăm tỷ đồng. Bên cạnh đó công tác khoa học công nghệ cũng đã và đang đóng góp nhiều ý kiến quý giá trong việc tiếp cận các nguồn năng lượng mới, lựa chọn công nghệ và cấu hình trong các dự án mới, dần từng bước kiến nghị những phương pháp quản trị tối ưu số hóa và cơ sở hạ tầng trong quản trị hiện đại.



CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

PV Power đã thực hiện tốt công tác công bố thông tin, công tác truyền thông cổ phiếu POW ra công chúng và quản lý thông tin trên website của PV Power đảm bảo đúng quy định của công ty đại chúng; chủ động cung cấp thông tin và giải đáp thắc mắc về các vấn đề phát sinh trong hoạt động Sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đến các Công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư, cổ đông... Thực hiện chi trả cổ tức 3% bằng tiền cho các cổ đông của Tổng công ty.

CÔNG TÁC AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

Năm 2020, công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra an toàn, sức khỏe môi trường được tập trung thực hiện có hiệu quả. Các nhà máy điện vận hành an toàn, không có sự cố cháy nổ, tai nạn lao động. Công tác xử lý tro xỉ tại nhà máy điện Vũng Áng 1 được quan tâm chỉ đạo, không gây ô nhiễm môi trường. Đặc biệt, Tổng công ty đã kịp thời chỉ đạo, chủ động xây dựng phương án ứng phó với dịch Covid-19, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người lao động, đội ngũ kỹ sư, vận hành viên và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện góp phần quan trọng trong việc quản lý, vận hành an toàn, hiệu quả các nhà máy điện.

CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, PV Power cũng luôn quan tâm đến các hoạt động an sinh xã hội, phù hợp với điều kiện và khả năng của PV Power. Tổng công ty đã tuyên truyền, vận động các Cán bộ công nhân viên Tổng công ty tham gia đóng góp, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh nhằm góp phần khắc phục các khó khăn cho đồng bào cả nước.

Tính đến ngày 31/12/2020, PV Power đã thực hiện tài trợ và giải ngân các công trình an sinh xã hội tại các địa phương như Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Hà Giang, Hải Phòng, Thái Bình, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Hà Nam, Hưng Yên, Cần Thơ... Với số tiền đã giải ngân là: 32.075.122.432 VNĐ (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ, không trăm bảy mươi năm triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm ba mươi hai đồng).



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ban Tổng giám đốc, đứng đầu là Tổng giám đốc đã chủ động quyết liệt chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các Quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty; Trên cơ sở phân cấp, phân quyền mạnh của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc trong công tác điều hành, với vai trò là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, Tổng giám đốc đã tích cực chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời, tuân thủ các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; xây dựng cơ chế làm việc dân chủ, công khai, phân cấp phân quyền cụ thể cho từng thành viên trong Ban điều hành và Giám đốc các đơn vị để phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực công tác được giao phụ trách.

Tổng giám đốc duy trì thường xuyên các cuộc họp như họp giao ban định kỳ hàng tháng/hàng quý với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các Ban chức năng Tổng công ty/Giám đốc các đơn vị, đồng thời tổ chức họp chuyên đề theo từng công việc, dự án hoặc nhóm công việc có liên quan để chỉ đạo và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh; Báo

cáo Hội đồng quản trị kịp thời các nội dung liên quan đến thẩm quyền, phân cấp trong quá trình điều hành thông qua việc đề xuất các cuộc họp, trao đổi với Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị. Từ đó, Ban điều hành đã chủ động kiến nghị Hội đồng quản trị các giải pháp cần thiết về tài chính, nhân sự, kỹ thuật, thương mại... trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện việc xây dựng Chiến lược Phát triển Tổng công ty giai đoạn 2021-2025, định hướng 2035 trình Hội đồng quản trị và các cấp có thẩm quyền phê duyệt; đề xuất các giải pháp kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự, hoàn thành việc xây dựng phương án trả lương mới để đảm bảo tính công bằng và tương xứng với công sức người lao động đóng góp cho doanh nghiệp, khuyến khích người lao động nỗ lực đóng góp cho sự phát triển của Tổng công ty;

- Chỉ đạo quản lý chặt chẽ các khoản chi phí sản xuất, chi phí quản lý, quán triệt thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí từ Công ty Mẹ đến các đơn

vị thành viên; Tăng cường công tác quản trị vốn và dòng tiền nhằm đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng; Rà soát các phương án tài chính cho các dự án, trước mắt tập trung cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4;

- Nỗ lực làm việc với các cấp phía EVN/EPTC, báo cáo các cấp thẩm quyền (Bộ Công thương và các Bộ/ngành, Ủy ban Quản lý vốn, Chính phủ, ...) đối với phương án phân bổ khí, công nợ và chuyển PPA Nhà máy điện Cà Mau.

- Chủ động tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án Nhà máy điện trong đó tập trung vào các dự án Nhà máy điện Khí, LNG, năng lượng tái tạo phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty.

- Thường xuyên tổ chức làm việc trực tiếp, kiểm tra/giám sát định kỳ và đột xuất với các đơn vị để kịp

thời chấn chỉnh hoạt động theo định hướng chung, giải quyết, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị trong Tổng công ty.

- Chủ động trong công tác đào tạo, xây dựng nguồn cán bộ kỹ thuật chất lượng cao từ việc đúc rút kinh nghiệm từ quá trình vận hành tại các NMD của Tổng công ty, từ các đơn vị khác trong và ngoài ngành, với mục tiêu tăng cường năng lực và đa nhiệm cho các cán bộ kỹ thuật;

- Tiếp tục tạo điều kiện và phối hợp tốt với các tổ chức đảng, đoàn thể của Tổng công ty trong việc tổ chức các hoạt động thi đua sản xuất kinh doanh, văn hóa văn nghệ, uống nước nhớ nguồn, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.



3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CHUNG



Tiếp tục tổ chức bộ máy Hội đồng quản trị làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Tập trung chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc triển khai các giải pháp nhằm thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.



Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tham gia các cuộc họp giao ban để kịp thời xử lý công việc.



Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các nghị quyết/quyết định/chỉ thị của Hội đồng quản trị và các cấp có thẩm quyền.



Tăng cường thực hiện công tác giám sát, quản trị rủi ro đối với hoạt động của Tổng công ty và các công ty thành viên.



Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty tinh gọn, hiệu quả; có những chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.



Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, kinh doanh, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.



Tăng cường phân cấp cho Tổng giám đốc, nâng cao tính chủ động gắn liền với trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty để đáp ứng nhu cầu thực tế sản xuất và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp.



Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong công tác môi trường – xã hội, sử dụng năng lượng xanh vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và cộng đồng.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG, CHỈ ĐẠO CỤ THỂ

Công tác sản xuất kinh doanh

Xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 phù hợp chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 của PV Power; phấn đấu Tổng sản lượng điện sản xuất năm 2021 đạt mức 18.700 triệu kWh, Tổng doanh thu đạt 28.403,6 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 1.325,3 tỷ đồng, Nộp ngân sách nhà nước 1.315,5 tỷ đồng. Công tác tổ chức triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tổng công ty, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bao gồm:

- i) Công tác quản lý/giám sát kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng sửa chữa đảm bảo các nhà máy điện của Tổng công ty vận hành an toàn, hiệu quả, liên tục; Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật của Tổng công ty, đặc biệt là các định mức về tồn kho và bảo dưỡng, sửa chữa của các Nhà máy; Tuân thủ các quy định về môi trường trong quá trình vận hành sản xuất của các Nhà máy;
- ii) Công tác hợp đồng cung cấp đầy đủ và kịp thời nguyên liệu than/khí/dầu... cho vận hành các Nhà máy điện; Công tác mua sắm vật tư thiết bị theo

phân cấp phục vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên/định kỳ các nhà máy điện; Công tác PPA và xây dựng phương án chào giá tối ưu vận hành hiệu quả các nhà máy điện khi tham gia thị trường điện; iii) Công tác xây dựng cân đối dòng tiền ngắn hạn và dài hạn để có kế hoạch huy động, quản lý, sử dụng vốn an toàn, hiệu quả, linh hoạt và đúng mục đích; Kiểm soát và quản lý chặt chẽ các khoản chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí quản lý; Công tác quyết toán cổ phần hóa, thanh lý tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp sau cổ phần hóa Tổng công ty; Công tác thu hồi công nợ tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên, đặc biệt là khoản công nợ quá hạn với EVN/EPTC; Phương án cơ cấu tài chính tại PV Power DHC, PV Power HHC;

Rà soát, cập nhật và điều chỉnh (nếu có) chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 của Tổng công ty và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Công tác đầu tư xây dựng



Chỉ đạo/giám sát công tác tổ chức thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 đảm bảo tiến độ chất lượng, an toàn, hiệu quả và tuân thủ pháp luật;



Triển khai các bước chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy điện khí Cà Mau 3 và kho cảng LNG Nam Du sau khi được bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí;



Triển khai công tác chuẩn bị đầu tư dự án điện Nhà máy điện Miền Trung 1&2 theo đúng các quy định sau khi được các cấp có thẩm quyền chấp thuận giao chủ đầu tư thực hiện dự án;



Triển khai thực hiện các công việc thuộc phạm vi hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa PV Power với PVGas và PTSC: dự án cấp khí LNG tái hóa bổ sung cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 1A;



Tiếp tục nghiên cứu phương án góp vốn đầu tư phát triển dự án điện LNG phù hợp với định hướng phát triển của Tổng công ty;



Tiếp tục triển khai hợp tác đầu tư dự án Thủy điện Luang Prabang theo chỉ đạo của Chính phủ/Tập đoàn;



Tiếp tục nghiên cứu triển khai phát triển các dự án điện năng lượng tái tạo phù hợp với định hướng chuyển dịch năng lượng theo chỉ đạo của Tập đoàn;



Đầu tư xây dựng trụ sở Tổng công ty;



Nghiên cứu cơ hội đầu tư các dự án điện mới.

Công tác tái cấu trúc, thoái vốn

Năm 2021 công tác thoái vốn tập trung các nhiệm vụ cụ thể: i) Hoàn thành quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty; ii) Tiếp tục kiện toàn mô hình, tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả; iii) Hoàn thành thoái toàn bộ phần vốn góp của PV Power tại PV Machino; iv) Hoàn thành việc ghi nhận khoản đầu tư của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Thủy điện Sơn Trà – Sông Đà

và Công ty cổ phần năng lượng Châu Á Thái Bình Dương đã giải thể để đưa hai đơn vị này ra khỏi danh sách đơn vị có vốn góp của Tổng công ty; v) Xúc tiến tìm kiếm đối tác và vận dụng/áp dụng các quy định liên quan để thực hiện thoái toàn bộ phần vốn góp tại các công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty.



Công tác quản trị



Rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định để nâng cao năng lực quản lý, quản trị doanh nghiệp;



Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; hoàn thiện hệ thống kiểm soát/kiểm toán nội bộ của Tổng công ty;



Ban hành các quy chế: i) Quy chế kiểm tra giám sát của Tổng công ty; ii) Quy chế kiểm toán nội bộ;



Tổ chức quản lý, giám sát, đánh giá công tác phối hợp giữa đơn vị với các Ban chức năng của Tổng công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh; việc tuân thủ của Người đại diện đối với các chỉ đạo của Tổng công ty; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm của Người đại diện tại đơn vị; việc thực hiện các quy chế quy định nội bộ của đơn vị và các chỉ đạo của Tổng công ty.

Công tác khác

Triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện và khả năng của Tổng công ty. Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động; tăng cường các phong trào, hoạt động đoàn thể. Thực hiện các công việc khác được Đại hội đồng cổ đông giao.





PHẦN V

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	112
2. BAN KIỂM SOÁT	125
3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	129

PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên Hội đồng quản trị	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của PVN
A	Thành viên đương nhiệm				
1	Ông Hồ Công Kỳ	Chủ tịch	26/06/2018	0,0023%	29,94%
2	Ông Lê Như Linh	Thành viên	01/12/2018	0%	20%
3	Ông Phạm Xuân Trường	Thành viên	26/06/2018	0,0010%	10%
4	Bà Vũ Thị Tố Nga	Thành viên	19/4/2019	0%	10%
5	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	22/12/2020	0%	10%
6	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên độc lập	19/4/2019	0%	0%
B	Thành viên đã miễn nhiệm				
1	Ông Nguyễn Hữu Quý	Thành viên	26/06/2018 22/12/2020		

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Thay đổi	Hiệu lực	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị	Mới bổ nhiệm	22/12/2020	
2	Ông Nguyễn Hữu Quý	Thành viên Hội đồng Quản trị	Miễn nhiệm	22/12/2020	Nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/10/2020

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã ban hành 34 Nghị quyết/Quyết định (tại các phiên họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng công ty và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể như sau:

- » Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 của Tổng công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- » Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp, đưa ra các quyết nghị mang tính định hướng toàn diện để chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ Sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giữa các phiên họp định kỳ, Hội đồng quản trị đã thông qua nhiều chủ trương, quyết sách bằng hình thức họp chuyên đề/xin ý kiến bằng văn bản nhằm đáp ứng tiến độ công việc. Các thành viên Ban Kiểm soát được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Tổng công ty, tạo điều kiện để Ban Tổng giám đốc chủ động trong công tác điều hành hoạt động Sản xuất kinh doanh trong năm 2020.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

Stt	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Số chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty	Đơn vị đào tạo
1	Hồ Công Kỳ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Số 01QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
2	Lê Như Linh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm TGD	Số 19QTC 48/QĐ-TTNC, ngày cấp: 10/4/2017; Số 05QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
3	Nguyễn Hữu Quý	Thành viên Hội đồng quản trị	Số 01QTC 233/QĐ-TTNC, ngày cấp: 30/9/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
4	Phạm Xuân Trường	Thành viên Hội đồng quản trị	Số 02QTC 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
5	Vũ Thị Tố Nga	Thành viên Hội đồng quản trị	Số 03QTC 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
6	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	Số 04QTC 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- Tính đến 31/12/2020, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP có 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị là bà Nguyễn Hoàng Yến.
- Trong năm 2020, thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy vai trò Hội đồng quản trị độc lập trong việc bảo vệ an toàn vốn của cổ đông, đặc biệt bảo vệ lợi ích của những cổ đông nhỏ và nhóm lợi ích khác liên quan tới Tổng công ty.

2. BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Số TT	Danh sách thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Số chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty	Đơn vị đào tạo	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Vũ Quốc Hải	Trưởng ban	11QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	TTNC Khoa học và Đào tạo Chứng khoán	0%
2	Lý Thị Thu Hương	Thành viên	13QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	TTNC Khoa học và Đào tạo Chứng khoán	0,00024%
3	Vũ Thị Ngọc Dung	Thành viên	12QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	TTNC Khoa học và Đào tạo Chứng khoán	0,00108%
4	Hà Thị Minh Nguyệt	Thành viên	14QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	TTNC Khoa học và Đào tạo Chứng khoán	0%
5	Đoàn Thị Thu Hà	Thành viên			0%

Những thay đổi trong Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Thay đổi	Hiệu lực	Ghi chú
1	Bà Đoàn Thị Thu Hà	Thành viên ban Kiểm soát	Mới bổ nhiệm	22/12/2020	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG:

Năm 2020, Ban Kiểm soát đã tổ chức triển khai hoạt động theo đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, tuân thủ các quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần, cụ thể như sau:



Tổ chức 12 cuộc họp của Ban Kiểm soát triển khai các nội dung

Thực hiện Phân công nhiệm vụ năm 2020; Thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020; Thảo luận và thống nhất nội dung và đánh giá kết quả công tác và kết quả Kiểm soát tại các đơn vị trước khi gửi tới Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty theo quy trình đã ban hành. Nội dung, kết quả các cuộc họp của Ban Kiểm soát đều được các thành viên (4/4) tham gia biểu quyết thống nhất thông qua. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 diễn ra vào ngày 22/12/2020, Ban Kiểm soát được bầu bổ sung thêm 01 thành viên là bà Đoàn Thị Thu Hà.



Thực hiện giám sát, kiểm soát theo kế hoạch

Giám sát thường xuyên: Ban Kiểm soát đã giám sát và đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh; các chỉ tiêu tài chính; bảo toàn và phát triển vốn; giám sát việc xây dựng và thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp thực hiện tiết giảm chi phí; giám sát việc thực hiện tuân thủ pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty; giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty trong việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giám sát định kỳ: Lập báo cáo Ban Kiểm soát thường niên trình Đại hội đồng cổ đông 2020 theo quy định của Luật doanh nghiệp; Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 và Báo cáo tài chính quý, bán niên năm 2020 của công ty mẹ Tổng công ty và các đơn vị thành viên, rà soát và phân tích một số chỉ tiêu tài chính trên Báo cáo tài chính; Giám sát việc thực hiện kiểm kê tài sản và xử lý kết quả kiểm kê theo quy định; Giám sát công tác thu hồi công nợ của Tổng công ty và các đơn vị thành viên; Giám sát công tác quyết toán vốn đầu tư dự án của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na và Công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh, công tác quyết toán chi phí bảo dưỡng sửa chữa định kỳ tại Vũng Áng 1; Giám sát hoạt động tài chính và việc chấp hành các chế độ Tài chính kế toán theo quy định của Luật kế toán, bảo toàn vốn và hoạt động có hiệu quả của doanh nghiệp, giám sát dòng tiền hoạt động tại Công ty mẹ Tổng công ty, công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh và công ty cổ phần thủy điện Hòa Na; Giám sát công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp; Giám sát giá thành điện các nhà máy; Giám sát tình hình thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật 2020, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020 và công tác giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 cho các đơn vị thành viên; Giám sát việc thực hiện chiến lược phát triển của Tổng công ty theo quyết định đã được phê duyệt; giám sát công tác thương mại; giám sát tình hình triển khai các dự án đầu tư của Tổng công ty; giám sát công tác tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, quỹ khen thưởng phúc lợi; lập kế hoạch hoạt động Ban Kiểm soát năm 2021.



Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến công tác tái cấu trúc, cổ phần hóa, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp, kiện toàn bộ máy tổ chức tại các đơn vị thành viên, sắp xếp bổ nhiệm, tái bổ nhiệm cán bộ, lao động tiền lương, thưởng tại các đơn vị thành viên và Tổng công ty, thông qua sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định, công văn liên quan đến mọi mặt hoạt động điều hành sản xuất tại Tổng công ty.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định hoặc đột xuất để xử lý những đề xuất hoặc vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Tổng giám đốc Tổng Công ty đã tổ chức các cuộc họp giao ban Tổng công ty định kỳ (mỗi tháng 1 lần) để chỉ đạo hoạt động của Tổng Công ty, triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị. Ngoài ra đã tổ chức các cuộc họp chuyên đề để xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động của Tổng công ty.

Công tác ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhìn chung phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty, phù hợp với các quy định phân cấp theo thẩm quyền. Chấp hành nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.



SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ hàng quý theo quy định, tham gia các cuộc họp đột xuất của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Tại các cuộc họp đã đóng góp ý kiến về nội dung, chất lượng, kết quả các hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và những vấn đề được xin ý kiến. Đồng thời đã đưa ra các kiến nghị, giải pháp, đề xuất nhằm xử lý các tồn tại bất cập, đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

- Chủ động thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát đã được phê duyệt, thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và đơn vị được kiểm soát biết nội dung chi tiết, thời gian và địa điểm kiểm soát để Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc biết và phối hợp với Ban Kiểm soát.
- Kết thúc các hoạt động kiểm soát, Ban Kiểm soát đã tổng hợp đánh giá nhận xét, đề xuất kiến nghị trực tiếp về từng nội dung kiểm soát, từng đối tượng kiểm soát. Kịp thời thông tin những nội dung và kết quả kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc để cùng phối hợp xử lý nhằm vì mục tiêu phát triển chung của Tổng công ty.
- Ban Kiểm soát tuyệt đối tuân thủ các quyết định, chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Trong hoạt động kiểm soát và phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát luôn tôn trọng quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, và Ban Tổng giám đốc. Không tham gia biểu quyết, quyết định những nội dung không thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát, hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật khi triển khai hoạt động của mình.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã tạo đầy đủ các điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm soát theo kế hoạch đã đề ra. Tổ chức tiếp nhận thông tin, kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát ngay sau khi nhận được báo cáo kết quả kiểm soát. Triển khai chỉ đạo các đối tượng kiểm soát khắc phục và/hoặc chấn chỉnh theo những đề xuất kiến nghị mà Ban Kiểm soát đã nêu ra.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ngoài việc hoạt động theo quy định của Pháp luật, quy chế quy định của Tổng công ty, các kiểm soát viên tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên đề do Tổng công ty tổ chức nhằm tự nâng cao năng lực chuyên môn về các lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng. Tham gia các chuyển công tác tìm hiểu thị trường, học tập kinh nghiệm của các đối tác trong mô hình quản lý các nhà máy điện và thị trường điện. Tham gia các chương trình, khóa học đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ do Tổng công ty tổ chức. Tham gia các sự kiện khác do các tổ chức chính trị xã hội của Tập đoàn, của Tổng công ty tổ chức.



3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2020:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (Bao gồm tiền lương và các khoản khác)(VNĐ)
1	Ông Hồ Công Kỳ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.233.984.257
2	Ông Lê Như Linh	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc	1.208.205.041
3	Ông Nguyễn Hữu Quý	Nguyên Thành viên Hội đồng quản trị, đã nghỉ hưu từ 01/10/2020	1.031.418.775
4	Ông Phạm Xuân Trường	Thành viên Hội đồng quản trị	1.102.672.950
5	Bà Vũ Thị Tố Nga	Thành viên Hội đồng quản trị	1.013.666.094
6	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên Độc lập Hội đồng quản trị	1.019.858.951
7	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị, từ 22/12/2020	15.652.174
8	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phó Tổng giám đốc	1.090.859.640
9	Ông Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng giám đốc	1.091.867.372
10	Ông Phan Đại Thành	Phó Tổng giám đốc	1.067.924.852
11	Ông Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng giám đốc	1.119.149.645
12	Ông Nguyễn Minh Đạo	Phó Tổng giám đốc	1.080.983.346
13	Ông Phan Ngọc Hiền	Phó Tổng giám đốc	940.734.945
14	Ông Nguyễn Kiên	Phó Tổng giám đốc	932.775.476
15	Ông Vũ Quốc Hải	Trưởng Ban Kiểm soát	1.119.842.287
16	Bà Lý Thị Thu Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	994.247.502
17	Bà Vũ Thị Ngọc Dung	Thành viên Ban Kiểm soát	1.024.041.048
18	Bà Hà Thị Minh Nguyệt	Thành viên Ban Kiểm soát	965.453.130
19	Bà Đoàn Thị Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm soát, từ 22/12/2020	13.913.043
20	Ông Chu Quang Toàn	Kế toán trưởng	1.024.863.754

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Vũ Quốc Hải - Trưởng Ban Kiểm soát		2.900	0,00012%	0	0%	Bán CP
2	Ông Nguyễn Mạnh Tường - Phó Tổng giám đốc		50.000	0,0021%	0	0%	Bán CP

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:
Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Tính đến 31/12/2020, Hội đồng quản trị Tổng công ty gồm 06 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị Tổng công ty đã bổ nhiệm Người Phụ trách quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
- Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Tổng công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng, đội ngũ quản trị của Tổng công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.





PHẦN VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	135
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	137
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	140
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	142
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	143
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	145



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
(THÀNH LẬP TẠI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	135
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	137
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	140
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	142
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	143
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	145

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	
Ông Hồ Công Kỳ	Chủ tịch
Ông Lê Như Linh	Thành viên
Ông Phạm Xuân Trường	Thành viên
Bà Vũ Thị Tố Nga	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2020)
Ông Nguyễn Hữu Quý	Thành viên (Nghỉ hưu ngày 01 tháng 10 năm 2020)
Ban Tổng Giám đốc	
Ông Lê Như Linh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Đại Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Đạo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Hiền	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Như Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Số: /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 5 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. **Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.**



Phạm Nam Phong
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0929-2019-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 3 năm 2021
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Công Cương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3992-2017-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.897.192.989.427	16.088.854.143.112
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.069.700.305.112	5.083.277.330.894
1. Tiền	111		927.095.604.180	170.377.330.894
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.142.604.700.932	4.912.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	788.595.201.755	657.920.790.416
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		788.595.201.755	657.920.790.416
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.195.677.600.318	8.728.590.423.721
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.776.376.709.973	8.940.151.246.840
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	97.118.304.273	119.902.673.789
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	323.124.628.598	321.610.271.893
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.000.942.042.526)	(653.073.768.801)
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.727.999.115.630	1.425.115.236.169
1. Hàng tồn kho	141		1.736.252.781.133	1.431.480.690.315
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.253.665.503)	(6.365.454.146)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		115.220.766.612	193.950.361.912
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	50.945.330.946	30.842.025.081
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		63.987.739.528	161.053.278.815
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	287.696.138	2.055.058.016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.152.953.610.146	39.633.771.365.996
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.262.294.619	3.022.294.619
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.268.440.794	1.268.440.794
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.993.853.825	1.753.853.825
II. Tài sản cố định	220		34.614.390.170.422	37.324.744.876.764
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	34.547.539.161.652	37.253.819.867.854
- Nguyên giá	222		69.598.352.871.503	69.507.844.267.015
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.050.813.709.851)	(32.254.024.399.161)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	66.851.008.770	70.925.008.910
- Nguyên giá	228		120.869.485.394	114.845.032.894
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.018.476.624)	(43.920.023.984)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		17.545.622.940	17.545.622.940
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17.545.622.940)	(17.545.622.940)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		250.987.647.245	220.091.508.176
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	250.987.647.245	220.091.508.176
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.027.824.922.471	985.538.690.891
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	5	458.974.091.681	416.643.121.743
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	604.520.976.073	604.520.976.073
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(35.670.145.283)	(35.625.406.925)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.256.488.575.389	1.100.373.995.546
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	564.711.042.501	469.109.722.206
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	135.622.632.816	3.937.045.171
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	16	554.089.718.607	618.325.227.296
4. Lợi thế thương mại	269		2.065.181.465	9.002.000.873
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		54.050.146.599.573	55.722.625.509.108

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND				
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.783.553.220.099	26.188.243.086.098
I. Nợ ngắn hạn	310		16.479.836.233.321	17.065.550.728.200
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	4.649.173.698.344	4.201.193.054.712
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		22.183.434.489	20.791.330.544
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	293.127.810.087	300.624.270.900
4. Phải trả người lao động	314		218.642.140.172	175.278.868.740
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.090.647.961.516	1.607.901.916.653
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.005.508.387	1.255.138.330
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.980.644.729.308	1.327.867.877.294
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	7.018.700.714.605	9.157.536.870.815
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	1.175.972.431.723	148.406.550.954
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		29.737.804.690	124.694.849.258
II. Nợ dài hạn	330		6.303.716.986.778	9.122.692.357.898
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	857.644.907	971.515.195
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	5.391.220.150.825	8.394.084.458.923
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	790.061.652.540	595.987.979.917
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	24	121.577.538.506	131.648.403.863
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.266.593.379.474	29.534.382.423.010
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	31.266.593.379.474	29.534.382.423.010
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.418.716.000.000	23.418.716.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.418.716.000.000	23.418.716.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(274.807.025)	(274.807.025)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		225.662.145.738	227.887.397.807
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(191.305.728.000)	(191.305.728.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		782.216.585.311	780.958.252.480
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.302.230.689.261	2.672.959.872.100
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.937.215.795.820	808.666.342.566
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.365.014.893.441	1.864.293.529.534
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		2.729.348.494.189	2.625.441.435.648
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		54.050.146.599.573	55.722.625.509.108


Quách Thị Hồng Liên
Người lập


Chu Quang Toàn
Kế toán trưởng


Lê Như Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	29.731.733.707.513	35.375.969.171.183
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	29.731.733.707.513	35.375.969.171.183
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	29	25.151.638.635.576	30.233.372.702.614
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.580.095.071.937	5.142.596.468.569
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	439.870.134.267	453.447.173.083
7. Chi phí tài chính	22	32	999.377.552.484	1.323.606.244.635
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		809.234.511.179	1.154.051.870.401
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24		44.123.893.428	52.036.013.536
9. Chi phí bán hàng	25	33	35.159.174.296	27.018.625.533
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	1.174.311.774.374	1.169.337.101.447
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		2.855.240.598.478	3.128.117.683.573
12. Thu nhập khác	31	34	30.384.633.273	83.424.512.061
13. Chi phí khác	32	35	10.527.797.258	18.514.452.457
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		19.856.836.015	64.910.059.604
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.875.097.434.493	3.193.027.743.177
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	344.116.937.614	317.007.872.820
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	(131.685.587.645)	(3.937.045.171)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.662.666.084.524	2.879.956.915.528
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.365.014.893.441	2.531.960.905.896
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		297.651.191.083	347.996.009.632
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	999	1.027


Quách Thị Hồng Liên
Người lập


Chu Quang Toàn
Kế toán trưởng


Lê Như Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.875.097.434.493	3.193.027.743.177
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.823.855.462.192	3.133.405.222.494
Các khoản dự phòng	03	1.571.440.776.832	761.468.571.845
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.525.689.260	(30.361.834.569)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(386.841.040.474)	(305.807.267.252)
Chi phí lãi vay	06	809.234.511.179	1.154.051.870.401
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.698.312.833.482	7.905.784.306.096
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.294.539.596.750	(1.544.922.057.740)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(240.536.582.129)	2.776.361.949.407
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	675.813.619.975	(2.385.341.718.695)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(115.704.626.160)	210.975.039.589
Tiền lãi vay đã trả	14	(893.368.318.908)	(1.203.196.728.897)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(329.771.300.000)	(325.563.541.380)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	23.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(132.651.248.003)	(111.518.794.158)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.956.656.975.007	5.322.578.454.222
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(145.573.872.673)	(187.473.764.505)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	3.251.078.268	(3.710.535.635)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(510.674.411.339)	(895.850.346.482)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	380.000.000.000	286.094.491.044
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	80.847.627.911
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	374.075.946.447	297.985.233.991
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	101.078.740.703	(422.107.293.676)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND			
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	125.130.000.000	2.085.950.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	14.184.792.268.744	12.946.811.016.850
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(19.356.058.770.319)	(15.200.725.040.838)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.025.180.355.668)	(750.693.717.584)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.071.316.857.243)	(3.002.521.791.572)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.986.418.858.467	1.897.949.368.974
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.083.277.330.894	3.185.329.931.901
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.115.751	(1.969.981)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	7.069.700.305.112	5.083.277.330.894


Quách Thị Hồng Liên
Người lập


Chu Quang Toàn
Kế toán trưởng


Lê Như Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 1795/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Công ty mẹ của Tổng Công ty). Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17 tháng 5 năm 2007 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 23.418.716.000.000 VND theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Tổng Công ty có Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (thay đổi lần thứ 15) ngày 01 tháng 2 năm 2021. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 12 năm 2018 và chính thức giao dịch từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 với mã chứng khoán là POW. Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.181 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.237).

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:
Sản xuất điện năng; Kinh doanh, bán điện công nghiệp, tiêu dùng; Quản lý, vận hành các nhà máy điện; Dịch vụ đào tạo các khóa học ngắn hạn, chuyên đề về một số lĩnh vực trong công nghiệp; Dịch vụ cung cấp lao động có tay nghề trong vận hành, bảo dưỡng các nhà máy điện, các cơ sở công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Cung cấp dịch vụ quản lý cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Xây dựng các nhà máy điện, các công trình trong ngành điện; Xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, lưới điện trung thế, hạ thế; Đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập; Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch; Dịch vụ mua sắm các hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Buôn bán thiết bị vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin; Cung cấp giải pháp giảm phát khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng; Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: Điện sức gió, điện mặt trời, điện nguyên tử; Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện; Cho thuê phương tiện vận tải, cầu, kéo; Kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu; Xuất nhập khẩu năng lượng, nguyên vật liệu, thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh.
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có các dự án đầu tư nhà máy điện đã phát điện thương mại là Nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 tỉnh Cà Mau, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 tỉnh Đồng Nai, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 tỉnh Hà Tĩnh, Nhà máy Thủy điện Hủa Na tỉnh Nghệ An và Nhà máy Thủy điện Đakdrinh tỉnh Quảng Ngãi. Tổng Công ty có các dự án đầu tư nhà máy điện đang trong quá trình xây dựng cơ bản.

CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần - Công ty cung ứng Nhiên liệu Điện lực Dầu khí;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Ban chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí.
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật.

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Nghệ An	84,14%	84,14%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Đồng Nai	59,37%	59,37%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Quảng Ngãi	95,27%	95,27%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	Hà Nội	51,58%	51,58%	Thương mại
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	51,00%	51,00%	Dịch vụ
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất điện
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Sơn La	20,16%	20,16%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Hồng	Yên Bái	44,07%	44,07%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Hà Nội	17,84%	34,58%	Thương mại

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Sau khi phát báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty nhận được kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Biên bản kiểm toán ngày 10 tháng 8 năm 2020 về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Tổng Công ty và quyết định điều chỉnh bổ sung một số số liệu. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến các số liệu báo cáo tài chính năm trước như trình bày tại bảng dưới đây:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2019 (Trước điều chỉnh)	Điều chỉnh hồi tố	31/12/2019 (Sau điều chỉnh)
		VND	VND	VND
TÀI SẢN				
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8.938.119.337.561	2.031.909.279	8.940.151.246.840
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	120.471.089.910	(568.416.121)	119.902.673.789
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	312.915.441.439	8.694.830.454	321.610.271.893
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(657.484.490.937)	4.410.722.136	(653.073.768.801)
5. Hàng tồn kho	141	1.434.323.555.929	(2.842.865.614)	1.431.480.690.315
6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(6.732.235.493)	366.781.347	(6.365.454.146)
7. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	29.273.621.756	1.568.403.325	30.842.025.081
8. Tài sản cố định hữu hình	221	37.249.074.787.530	4.745.080.324	37.253.819.867.854
- Nguyên giá	222	69.502.840.902.510	5.003.364.505	69.507.844.267.015
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(32.253.766.114.980)	(258.284.181)	(32.254.024.399.161)
9. Tài sản cố định vô hình	227	70.494.649.338	430.359.572	70.925.008.910
- Nguyên giá	228	113.123.594.604	1.721.438.290	114.845.032.894
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(42.628.945.266)	(1.291.078.718)	(43.920.023.984)
10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	217.166.328.196	2.925.179.980	220.091.508.176
11. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(38.625.406.925)	3.000.000.000	(35.625.406.925)
12. Chi phí trả trước dài hạn	261	466.948.731.741	2.160.990.465	469.109.722.206

NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN

1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.201.761.470.833	(568.416.121)	4.201.193.054.712
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	297.110.517.686	3.513.753.214	300.624.270.900
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.608.992.390.404	(1.090.473.751)	1.607.901.916.653
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	2.622.638.642.365	2.802.793.283	2.625.441.435.648
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	1.842.028.211.012	22.265.318.522	1.864.293.529.534

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019 (Trước điều chỉnh)	Điều chỉnh hồi tố	Năm 2019 (Sau điều chỉnh)
		VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35.374.268.090.529	1.701.080.654	35.375.969.171.183
2. Giá vốn hàng bán	11	30.236.634.203.496	(3.261.500.882)	30.233.372.702.614
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1.176.430.753.504	(7.093.652.057)	1.169.337.101.447
4. Thu nhập khác	31	68.255.684.564	15.168.827.497	83.424.512.061
5. Chi phí khác	32	19.279.357.902	(764.905.445)	18.514.452.457
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3.165.037.776.642	27.989.966.535	3.193.027.743.177
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	314.086.018.090	2.921.854.730	317.007.872.820
8. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61	2.509.695.587.374	22.265.318.522	2.531.960.905.896
9. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	345.193.216.349	2.802.793.283	347.996.009.632

Chi tiêu	Mã số	(Trước điều chỉnh)	Điều chỉnh hồi tố	(Sau điều chỉnh)
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.165.037.776.642	27.989.966.535	3.193.027.743.177
2. Khấu hao tài sản cố định	02	3.131.855.859.595	1.549.362.899	3.133.405.222.494
3. Các khoản dự phòng	03	769.246.075.328	(7.777.503.483)	761.468.571.845
4. Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.534.763.734.128)	(10.158.323.612)	(1.544.922.057.740)
5. Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.773.519.083.793	2.842.865.614	2.776.361.949.407
6. Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.374.624.744.532)	(10.716.974.163)	(2.385.341.718.695)
7. Tăng, giảm chi phí trả trước	12	214.704.433.379	(3.729.393.790)	210.975.039.589

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán và đã được bổ sung nêu trên.

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con hoặc công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết

và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi bán công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự, hoặc các khoản nợ phải thu được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khó có khả năng thu hồi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số Năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải	5 – 15
Thiết bị văn phòng	3 – 7
Tài sản cố định khác	3 – 12

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà xưởng và vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất	4
Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 – 25

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài; chi phí bảo hiểm tài sản và vận hành nhà máy; chi phí bảo trì, bảo dưỡng theo hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị nhà máy điện; chi phí trung tu và đại tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2; phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị; chi phí nhiên liệu khí bao tiêu trả trước của nhà máy điện Nhơn Trạch 1; chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, trả trước tiền thuê văn phòng, tiền thuê đất; chi phí cải tạo văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài, chi phí bảo hiểm tài sản và vận hành nhà máy, chi phí bảo trì, bảo dưỡng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng vay, hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký kết.

Khoản chi phí trung tu và đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng dài hạn đã ký kết.

Khoản chi phí nhiên liệu khí bao tiêu trả trước của nhà máy điện Nhơn Trạch 1 là khoản trả trước liên quan đến lượng khí tối thiểu đã cam kết nhưng chưa thực hiện và được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời hạn quy định trong hợp đồng mua bán khí.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời hạn thuê trả trước.

Các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hết 70% trong vòng 5 năm kể từ khi trích lập quỹ, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên số tiền quỹ còn lại và phần lãi trả chậm phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, dựa trên tình hình sử dụng quỹ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trích lập thêm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Doanh thu bán điện phát sinh từ chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá tại thời điểm trả nợ gốc vay của khoản vay để đầu tư Nhà máy điện Vũng Áng 1 và tỷ giá trong phương án giá điện của Nhà máy Điện Vũng Áng 1 được ghi nhận khi có phê duyệt của Bộ Công thương và Cục Điều tiết Điện lực.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác

(bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với dự án Nhà máy Điện Vũng Áng 1, theo Giấy Chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/KKT ngày 12 tháng 02 năm 2008 (ban hành cùng Giấy Chứng nhận đầu tư số 28221000009 ngày 12 tháng 02 năm 2008) do Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh cấp, thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này được hưởng mức 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, được miễn trong thời gian 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Khi dự án hoàn thành đầu tư đi vào hoạt động sẽ trình Thủ tướng Chính phủ cho hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án. Năm 2020 là năm cuối cùng Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho dự án Nhà máy Điện Vũng Áng 1.

Đối với Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 – Công ty con của Tổng Công ty) có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất hiện hành cho những năm tiếp theo. NT2 được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2020 là năm thứ sáu NT2 áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

Dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ. Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (HHC - Công ty con của Tổng Công ty) được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động, được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên HHC có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Đối với Nhà máy Thủy điện Đakđrinh, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 34121000029 ngày 25 tháng 6 năm 2008, Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh (Công ty con của Tổng Công ty) được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (nay được thay thế bởi Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013).

Các công ty con khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.902.768.290	2.422.168.447
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	923.192.835.890	167.955.162.447
Các khoản tương đương tiền (ii)	6.142.604.700.932	4.912.900.000.000
	7.069.700.305.112	5.083.277.330.894

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm: VND 30.742.489.669 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 30.813.862.901 VND) là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang tạm dừng giao dịch. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 3,3%/năm đến 4%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	788.595.201.755	788.595.201.755	657.920.790.416	657.920.790.416
	788.595.201.755	788.595.201.755	657.920.790.416	657.920.790.416

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn 12 tháng và lãi suất từ 3,1%/năm đến 6,7%/năm.

b.Đầu tư tài chính dài hạn

b1. Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Sơn La	20,16	20,16	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Yên Bái	44,07	44,07	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Hà Nội	17,84	34,58	Thương mại

Giá trị đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	414.795.315.729	375.973.337.059
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	44.178.775.952	40.669.784.684
	458.974.091.681	416.643.121.743

Chi tiết điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Giá gốc	Điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	302.295.301.000	112.500.014.729	414.795.315.729
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	32.887.500.000	11.291.275.952	44.178.775.952
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	1.447.257.429	(1.447.257.429)	-
	336.630.058.429	122.344.033.252	458.974.091.681

b2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	320.049.656.500	-	320.049.656.500	-
Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức	81.741.478.800	-	81.741.478.800	-
Công ty TNHH FCC Việt Nam	49.495.000.000	-	49.495.000.000	-
Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy Ô tô Showa Việt Nam	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3	29.341.800.000	-	29.341.800.000	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	28.800.000.000	-	28.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	18.202.000.000	18.202.000.000	18.202.000.000	18.202.000.000
Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	11.140.000.000	11.140.000.000	11.140.000.000	11.140.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	1.432.005.430	3.621.000.000	1.387.267.072
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí Việt Nam	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	2.016.000.000	2.016.000.000	2.016.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà Sông Đà	1.228.800.000	1.228.800.000	1.228.800.000	1.228.800.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí	1.000.000.000	260.237.063	1.000.000.000	260.237.063
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam	841.102.790	841.102.790	841.102.790	841.102.790
Công ty Cổ phần Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương	550.000.000	550.000.000	550.000.000	550.000.000
	604.520.976.073	35.670.145.283	604.520.976.073	35.625.406.925

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.710.169.992.018	8.853.959.287.100
Công ty Mua bán điện	7.436.127.109.699	8.534.823.010.192
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Các khách hàng khác	274.042.882.319	319.136.276.908
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan	66.206.717.955	86.191.959.740
(Chi tiết tại Thuyết minh số 40)	66.206.717.955	86.191.959.740
	7.776.376.709.973	8.940.151.246.840

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	93.185.186.979	111.784.324.575
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Phú Thái	10.635.634.470	-
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	9.825.643.169	9.825.643.169
Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông	-	7.082.694.099
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	7.045.317.471	7.045.317.471
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	6.570.785.550	6.570.785.550
Công ty TNHH 45	4.593.493.781	4.593.493.781
Công ty TNHH Đại Hiệp	3.419.663.484	3.419.663.484
Các đối tượng khác	51.094.649.054	73.246.727.021
b. Trả trước cho các bên liên quan	3.933.117.294	8.118.349.214
(Chi tiết tại Thuyết minh số 40)		
	97.118.304.273	119.902.673.789

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	218.489.976.676	218.489.976.676
Phải thu Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (ii)	20.217.829.253	20.217.829.253
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	24.643.008.855	15.831.338.020
Phải thu ngắn hạn khác	59.773.813.814	67.071.127.944
	323.124.628.598	321.610.271.893
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khác ngắn hạn các bên liên quan	244.456.770.048	241.404.961.831
(Chi tiết tại Thuyết minh số 40)		
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.993.853.825	1.753.853.825
	1.993.853.825	1.753.853.825

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 218.489.976.676 VND phản ánh khoản phải thu phần giá trị Sân phân phối 500 kV phân bổ cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 đã bàn giao về Tập đoàn theo Nghị quyết số 8642/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận nhận lại giá trị tài sản Sân phân phối 500kV mà Trung tâm Điện lực Vũng Áng đã chuyển giao cho Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là “Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần”) tại Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

(ii) Phải thu Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 20.217.829.253 VND chủ yếu phản ánh khoản phải thu chi phí hoạt động của Ban Chuẩn bị Sản xuất Vũng Áng 1 và chi phí đào tạo học viên Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi được
Giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi						
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC-EVN")	825.733.549.718	769.611.843.321	56.121.706.397	1.778.564.346.353	399.716.187.865	1.378.848.158.488
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	96.856.865.496	-	96.856.865.496	96.856.865.496	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	33.627.654.160	-	33.627.654.160	33.627.654.160	-
Công ty TNHH Thành Đức	-	-	-	20.094.119.114	20.094.119.114	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	15.381.516.087	-	15.381.516.087	15.381.516.087	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	8.179.082.781	8.179.082.781	-	8.179.082.781	8.179.082.781	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	7.045.317.471	7.045.317.471	-	7.045.317.471	7.045.317.471	-
Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu D&T	-	-	-	7.185.149.669	7.185.149.669	-
Các đối tượng khác	71.351.098.295	70.239.763.210	1.111.335.085	66.867.484.975	64.987.876.158	1.879.608.817
	1.058.175.084.008	1.000.942.042.526	57.233.041.482	2.033.801.536.106	653.073.768.801	1.380.727.767.305

Hiện tại, Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EPTC-EVN”) đang giữ lại, chưa thanh toán đủ cho Tổng Công ty một số khoản tiền điện, chủ yếu liên quan đến tỷ giá áp dụng trong giá bán điện hàng tháng trong Hợp đồng mua bán điện của Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy Điện Cà Mau 2. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với EPTC-EVN, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các cơ quan có thẩm quyền để thống nhất vấn đề này. Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trích lập dự phòng phải thu khó đòi với các khoản tiền điện mà EPTC-EVN giữ lại này với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 khoảng 769 tỷ VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	(Trình bày lại)		(Trình bày lại)	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.649.849.871.891	(5.810.004.598)	1.322.933.331.123	(1.117.188.031)
Công cụ, dụng cụ	481.122.025	-	2.121.689.818	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	34.498.929.400	-	41.020.238.882	-
Hàng hóa	51.422.857.817	(2.443.660.905)	65.405.430.492	(5.248.266.115)
	1.736.252.781.133	(8.253.665.503)	1.431.480.690.315	(6.365.454.146)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Năm nay	Năm trước
	(Trình bày lại)	(Trình bày lại)
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.365.454.146	182.400.000
Tăng dự phòng trong năm	5.131.353.717	6.183.054.146
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.243.142.360)	-
Số dư cuối năm	8.253.665.503	6.365.454.146

	Số cuối năm	Số đầu năm
	(Trình bày lại)	(Trình bày lại)
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Bảo hiểm vận hành các Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và 2	23.366.343.768	9.038.057.187
Bảo hiểm tài sản và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	15.218.028.592	7.825.428.041
Bảo hiểm vận hành các Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2	7.486.620.597	9.452.020.932
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.874.337.989	4.526.518.921
	50.945.330.946	30.842.025.081

b. Dài hạn		
Chi phí trung tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 chờ phân bổ (i)	176.458.277.759	-
Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 (ii)	84.957.009.590	114.477.558.023
Chi phí nhiên liệu khí bao tiêu của Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1	76.227.084.579	-
Chi phí sửa chữa tài sản khác	59.806.954.132	71.186.806.747
Tiền thuê đất	43.157.422.727	65.212.773.116
Lợi thế kinh doanh	28.542.933.921	28.542.933.921
Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng (iii)	26.637.025.907	91.200.943.015
Chi phí thuê văn phòng	25.499.880.720	27.479.101.674
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2	18.790.829.448	-
Chi phí đại tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 chờ phân bổ	-	36.738.443.719
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng hợp đồng O&M	-	13.173.284.964
Chi phí trả trước dài hạn khác	24.633.623.718	21.097.877.027
	564.711.042.501	469.109.722.206

(i) Chi phí trung tu mở rộng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 tại 75.000 giờ vận hành EOH phát sinh khi nhà máy đạt đến 75.000 giờ vận hành EOH và Công ty phải thực hiện việc trung tu định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Giá trị tạm tính chi phí trung tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 tại 75.000 giờ EOH là 189,1 tỷ đồng. Theo đó, chi phí trung tu này được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ phát sinh 25.000 giờ vận hành EOH cho mỗi tổ máy tiếp theo.

(ii) Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) và liên danh Siemens AG/Siemens Ltd. Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 giờ (EOH) cho mỗi tổ máy. Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định được thanh toán trước khi Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

(iii) Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ. Phí bảo hiểm của các khoản vay này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn vay của các khoản vay dài hạn.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	18.175.248.026.949	48.714.970.636.461	315.870.232.472	171.751.766.492	2.130.003.604.641	69.507.844.267.015
Tăng trong năm	2.270.400.491	8.483.996.134	16.431.497.748	13.672.103.724	1.159.624.329	42.017.622.426
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	51.053.530.212	11.207.008.302	-	-	4.062.800.699	66.323.339.213
Thanh lý, nhượng bán	-	(88.151.000)	(7.533.984.039)	(2.155.075.064)	-	(9.777.210.103)
Phân loại lại	(99.634.796)	100.505.308	-	(870.512)	-	-
(Giảm) khác	(8.055.147.048)	-	-	-	-	(8.055.147.048)
Số dư cuối năm	18.220.417.175.808	48.734.673.995.205	324.767.746.181	183.267.924.640	2.135.226.029.669	69.598.352.871.503
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	5.399.044.339.279	26.134.602.659.798	247.864.336.331	117.691.632.049	354.821.431.704	32.254.024.399.161
Trích khấu hao vào chi phí trong năm	794.360.526.508	1.896.850.332.808	15.455.007.921	17.559.042.608	89.532.099.707	2.813.757.009.552
Trích khấu hao vào xây dựng cơ bản dở dang trong năm	-	-	-	39.287.292	-	39.287.292
Tăng khác	271.056.960	450.581.292	-	41.152.893	-	762.791.145
Thanh lý, nhượng bán (Giảm) khác	-	(88.151.000)	(7.533.984.039)	(2.092.495.212)	-	(9.714.630.251)
Số dư cuối năm	6.185.620.775.699	28.031.815.422.898	255.785.360.213	133.238.619.630	444.353.531.411	35.050.813.709.851
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	12.776.203.687.670	22.580.367.976.663	68.005.896.141	54.060.134.443	1.775.182.172.937	37.253.819.867.854
Tại ngày cuối năm	12.034.796.400.109	20.702.858.572.307	68.982.385.968	50.029.305.010	1.690.872.498.258	34.547.539.161.652

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	56.093.313.157	58.751.719.737	114.845.032.894
Tăng trong năm	4.518.360.000	1.506.092.500	6.024.452.500
Số dư cuối năm	60.611.673.157	60.257.812.237	120.869.485.394
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	1.460.755.662	42.459.268.322	43.920.023.984
Khấu hao trong năm	611.677.686	9.486.774.954	10.098.452.640
Số dư cuối năm	2.072.433.348	51.946.043.276	54.018.476.624
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	54.632.557.495	16.292.451.415	70.925.008.910
Tại ngày cuối năm	58.539.239.809	8.311.768.961	66.851.008.770

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 27.183.992.927 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 20.294.946.167 VND).

Tổng Công ty đã thế chấp một phần tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 13.369.842.841 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Số đầu năm	220.091.508.176	377.538.888.628
Phát sinh trong năm	400.953.164.061	338.764.194.495
Kết chuyển sang tài sản cố định	(66.323.339.213)	(283.973.174.578)
Ghi nhận vào chi phí	(302.316.831.233)	(203.132.369.530)
Giảm khác	(1.416.854.546)	(9.106.030.839)
Số cuối năm	250.987.647.245	220.091.508.176

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Dự án Thủy điện Luang Prabang (*)	131.564.171.361	131.564.171.361
Dự án Nhà máy Điện khí Nhon Trạch 3, 4	57.008.656.021	15.162.403.247
Dự án Tiểu khu 2 Nhon Trạch	25.703.457.197	25.703.457.197
Nhà máy Thủy điện Hủa Na	20.465.053.569	16.065.251.283
Các dự án khác	16.246.309.097	31.596.225.088
	250.987.647.245	220.091.508.176

(*) Theo Thỏa thuận tái cấu trúc cơ cấu vốn góp tại Công ty TNHH Năng Lượng Luang Prabang, Biên bản ghi nhớ và Thỏa thuận Cổ đông điều chỉnh ngày 9 tháng 11 năm 2020 giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCT và Công ty TNHH PT Sole, tỷ lệ góp vốn đầu tư của Tổng Công ty vào Dự án là 10% .Đồng thời, Tổng Công ty cũng đang khẩn trương triển khai các thủ tục theo quy định về việc xin phê duyệt đầu tư ra nước ngoài đối với dự án, trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định.

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	135.622.632.816	3.937.045.171
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	135.622.632.816	3.937.045.171

16. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng sửa chữa theo yêu cầu kỹ thuật tại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhon Trạch 1, Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Nhà máy Thủy điện Hủa Na.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.238.966.550.289	1.238.966.550.289	1.038.892.327.997	1.038.892.327.997
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	175.447.547.709	175.447.547.709	190.954.869.801	190.954.869.801
Công ty General Electric Global Parts and Product GmbH	174.909.903.158	174.909.903.158	176.523.564.151	176.523.564.151
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đan Ka	170.495.868.468	170.495.868.468	-	-
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	93.264.047.294	93.264.047.294	98.070.776.390	98.070.776.390
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt	73.067.463.702	73.067.463.702	-	-
Công ty Siemens Aktiengesellschaft (i)	60.220.845.325	60.220.845.325	4.965.879.145	4.965.879.145
Tổng Công ty Sông Đà	46.367.015.302	46.367.015.302	46.480.885.494	46.480.885.494
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	36.034.408.210	36.034.408.210	33.373.032.590	33.373.032.590
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	20.026.382.739	20.026.382.739	20.026.382.739	20.026.382.739
Các nhà cung cấp khác	389.133.068.382	389.133.068.382	468.496.937.687	468.496.937.687
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 40)	3.410.207.148.055	3.410.207.148.055	3.162.300.726.715	3.162.300.726.715
	4.649.173.698.344	4.649.173.698.344	4.201.193.054.712	4.201.193.054.712

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp /bù trừ trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	1.305.353.684	1.305.353.684	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	143.847.491	-	-	143.847.491
Thuế thu nhập cá nhân	3.935.372	-	4.913.275	8.848.647
Các khoản thuế khác	601.921.469	4.499.811.135	4.032.889.666	135.000.000
	2.055.058.016	5.805.164.819	4.037.802.941	287.696.138
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	186.353.744.079	951.939.378.789	1.000.079.565.227	138.213.557.641
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	78.536.308.306	351.814.399.520	329.771.300.000	100.579.407.826
Thuế tài nguyên	7.996.255.302	159.491.661.126	151.967.533.477	15.520.382.951
Thuế thu nhập cá nhân	7.707.313.686	47.487.638.395	45.405.158.740	9.789.793.341
Thuế xuất nhập khẩu	-	6.197.325.966	6.197.325.966	-
Phí bảo vệ môi trường	-	14.462.223.300	14.462.223.300	-
Các khoản thuế, phí khác	20.030.649.527	145.445.715.020	136.451.696.219	29.024.668.328
	300.624.270.900	1.676.838.342.116	1.684.334.802.929	293.127.810.087

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm 7.697.461.906 VND là phần thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp liên quan đến phần Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã trích lập năm 2015 nhưng chưa sử dụng hết 70% trong vòng 5 năm kể từ khi trích lập quỹ và phần lãi trả chậm phát sinh từ số thuế Thu nhập doanh nghiệp này.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí tiền khí (i)	837.891.075.893	1.271.905.524.357
Chi phí lãi vay (ii)	96.766.113.628	180.622.674.559
Chi phí bảo trì, sửa chữa (iii)	78.680.387.071	101.132.817.561
Chi phí sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	21.973.752.676	-
Chi phí bảo vệ môi trường với nước thải công nghiệp và phí dịch vụ môi trường rừng	20.576.627.223	1.609.840.150
Thuế, phí cho các khoản vay	3.666.181.770	14.173.914.211
Tiền điện, nước vận hành nhà máy	5.598.625.155	5.670.873.967
Chi phí phải trả khác	25.495.198.100	32.786.271.848
	1.090.647.961.516	1.607.901.916.653

(i) Chi phí tiền khí được Tổng Công ty trích trước theo các hợp đồng mua khí cho Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 1 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn.
(ii) Chi phí lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 phản ánh lãi của các hợp đồng tín dụng tài trợ cho các dự án nhà máy điện của Tổng Công ty.

(iii) Chi phí bảo trì, sửa chữa nhà máy được trích theo thoả thuận chuyển giao và hợp đồng sửa đổi của hợp đồng sửa chữa dài hạn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam; liên danh Siemens AG/Siemens Ltd. Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 giờ EOH cho mỗi tổ máy.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	1.214.416.466.738	1.214.416.466.738
Phải trả Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (ii)	661.672.176.365	-
Thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, thuế và lệ phí bảo vệ môi trường rừng	22.632.187.437	15.341.783.194
Phải trả cổ tức cho cổ đông	11.046.379.572	20.179.398.740
Phải trả về cổ phần hóa	7.354.964.525	7.354.964.525
Phải trả ngắn hạn khác	63.522.554.671	70.575.264.097
	1.980.644.729.308	1.327.867.877.294
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 40)	1.214.416.466.738	1.215.094.466.834
b. Dài hạn		
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	857.644.907	971.515.195
	857.644.907	971.515.195

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phản ánh lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2018 phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

(ii) Phản ánh số tiền EPTC-EVN chuyển tiền cho Tổng Công ty vào ngày 05 tháng 11 năm 2020. Hiện tại, Tổng Công ty và EPTC-EVN đang làm việc để thống nhất về nội dung của khoản tiền này.



21.VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a.Ngân hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.953.652.828.428	3.953.652.828.428	17.856.715.330.902	17.948.217.233.114	3.862.150.926.216	3.862.150.926.216
Vay dài hạn	5.203.884.042.387	5.203.884.042.387	2.697.323.010.987	4.744.657.264.985	3.156.549.788.389	3.156.549.788.389
đến hạn trả						
	9.157.536.870.815	9.157.536.870.815	20.554.038.341.889	22.692.874.498.099	7.018.700.714.605	7.018.700.714.605

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	1.236.875.811.824	903.950.270.821
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	714.008.730.995	181.080.895.873
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	351.666.438.758	597.034.663.600
Ngân hàng Công thương Việt Nam	249.750.720.490	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	242.423.472.796	-
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited	234.550.000.000	-
Ngân hàng Bangkok đại chúng TNHH	221.489.356.566	-
Ngân hàng Sumitomo Mitsui	205.630.831.637	580.404.672.989
Ngân hàng TNHH bank of China (Hong Kong)	202.786.424.020	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	82.775.763.142	86.873.951.605
Ngân hàng TMCP Phương Đông	50.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP An Bình Hà Nội	39.875.429.367	19.959.209.594
Ngân hàng TMCP Quân đội	14.121.128.257	305.622.300.000
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	6.512.427.064	-
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	6.284.391.300	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	3.400.000.000	8.700.000.000
Ngân hàng Citibank	-	507.226.863.946
Ngân hàng Mizuho	-	462.800.000.000
Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	-	300.000.000.000
	3.862.150.926.216	3.953.652.828.428

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh thanh toán. Lãi suất cho vay được thỏa thuận theo từng lần giải ngân.

a. Dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn (i)	13.401.746.279.088	13.401.746.279.088	51.025.026.483	5.338.623.588.569	8.114.147.717.002	8.114.147.717.002
Trái phiếu phát hành (trình bày tại Thuyết minh số 22)	196.222.222.222	196.222.222.222	237.399.999.990	-	433.622.222.212	433.622.222.212
	13.597.968.501.310	13.597.968.501.310	288.425.026.473	5.338.623.588.569	8.547.769.939.214	8.547.769.939.214

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	5.203.884.042.387	5.203.884.042.387	3.156.549.788.389	3.156.549.788.389
Vay dài hạn	8.197.862.236.701	8.197.862.236.701	4.957.597.928.613	4.957.597.928.613
Trái phiếu phát hành	196.222.222.222	196.222.222.222	433.622.222.212	433.622.222.212

(i) Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn theo ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng HSBC	2.261.826.460.562	5.071.282.837.437
Ngân hàng Credit Agricole Corporate and Investment	1.594.533.868.337	2.056.789.984.516
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.189.007.426.086	1.528.723.826.086
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	622.979.228.811	833.008.926.076
Ngân hàng TMCP An Bình	599.595.454.042	615.865.377.544
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	533.620.746.267	685.167.226.031
Ngân hàng Citibank	510.988.948.956	1.542.112.412.560
Tổ hợp Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản và Ngân hàng Sumitomo Mitsui	452.870.230.738	636.082.702.075
Ngân hàng TMCP Quân đội	212.545.572.056	260.599.250.616
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	125.847.118.976	161.799.118.976
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.332.662.171	10.314.617.171
	8.114.147.717.002	13.401.746.279.088
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	3.156.549.788.389	5.203.884.042.387
Số phải trả sau 12 tháng	4.957.597.928.613	8.197.862.236.701

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng Đô la Mỹ, Euro và Đồng Việt Nam để phục vụ đầu tư các dự án xây dựng và nâng cấp các nhà máy điện của Tổng Công ty.

Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay bằng Đô la Mỹ	4.562.123.392.444	8.537.310.180.393
Vay bằng Việt Nam Đồng	3.293.928.208.409	4.095.478.342.500
Vay bằng Euro	258.096.116.149	768.957.756.195
	8.114.147.717.002	13.401.746.279.088

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bảo lãnh của bên thứ ba	4.820.219.508.593	9.306.267.936.588
Tín chấp	1.722.628.172.353	2.213.891.052.117
Bảo đảm bằng tài sản	1.571.300.036.056	1.881.587.290.383
	8.114.147.717.002	13.401.746.279.088

Các khoản vay của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Các khoản vay được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay theo lãi suất thả nổi	7.185.053.550.211	11.586.047.511.247
Vay theo lãi suất cố định	929.094.166.791	1.815.698.767.841
	8.114.147.717.002	13.401.746.279.088

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.156.549.788.389	5.203.884.042.387
Trong năm thứ hai	1.636.532.402.520	3.364.915.349.397
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.540.872.700.185	3.756.323.516.405
Sau năm năm	780.192.825.908	1.076.623.370.899
	8.114.147.717.002	13.401.746.279.088
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	3.156.549.788.389	5.203.884.042.387
Số phải trả sau 12 tháng	4.957.597.928.613	8.197.862.236.701



22. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị VND	Lãi suất	Kỳ hạn VND	Giá trị VND	Lãi suất	Kỳ hạn VND
Trái phiếu phát hành						
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương (i)	197.555.555.554	9,06%-9,96%	3 năm	196.222.222.222	9,06%-9,96%	3 năm
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (ii)	78.755.555.552	10 00%	3 năm	-	-	-
Ông Lê Xuân Học (ii)	83.677.777.776	10,00%	3 năm	-	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (ii)	14.766.666.664	10,00%	3 năm	-	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (iii)	58.866.666.666	10,00%	3 năm	-	-	-
	433.622.222.212			196.222.222.222		

(i) Phản ánh trái phiếu không chuyển đổi tại Công ty Cổ phầnThủy điện Đakdrink (Công ty con của Tổng Công ty) có tổng mệnh giá 200.000.000.000 VND đảm bảo bằng tài sản, phát hành ngày 20 tháng 11 năm 2019 và đáo hạn vào ngày 20 tháng 11 năm 2022. Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 2% tổng mệnh giá trái phiếu, tương đương với 4.000.000.000 VND được phân bổ dần trong 03 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 VND. Trái chủ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 20 tháng 11 năm 2019 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 20 tháng 11 năm 2022 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 20 tháng 5 và ngày 20 tháng 11 hàng năm, với lãi suất đối với kỳ tính lãi đầu tiên tối đa 9,96%/năm và lãi suất áp dụng cho mỗi kỳ tính lãi sau kỳ tính lãi đầu tiên là tổng 3%/năm và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan. Mục đích số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu để trả nợ một phần gốc/lãi khoản vay liên quan đến các khoản vay của Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrink.

(ii) Phản ánh trái phiếu không chuyển đổi tại Công ty Cổ phầnThủy điện Đakdrink (Công ty con của Tổng Công ty) có tổng mệnh giá lần lượt là 80.000.000.000 VND; 85.000.000.000 VND và 15.000.000.000.000 VND đảm bảo bằng tài sản, phát hành ngày 21 tháng 05 năm 2020 và đáo hạn vào ngày 21 tháng 05 năm 2023. Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 2% tổng mệnh giá trái phiếu và được phân bổ dần trong 03 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 VND. Trái chủ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 21 tháng 05 năm 2020 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 21 tháng 05 năm 2023 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 20 tháng 5 và ngày 20 tháng 11 hàng năm, với lãi suất đối với kỳ tính lãi đầu tiên 10%/năm và lãi suất các kỳ tiếp theo tổng của 2,8% và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan. Mục đích số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu là để tăng quy mô vốn hoạt động và/hoặc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và/hoặc cơ cấu lại nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrink.

(iii) Phản ánh trái phiếu không chuyển đổi tại Công ty Cổ phầnThủy điện Đakdrink (Công ty con của Tổng Công ty) có tổng mệnh giá 60.000.000.000 VND, phát hành ngày 23 tháng 11 năm 2020 và đáo hạn vào ngày 23 tháng 11 năm 2023. Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 2% tổng mệnh giá trái phiếu và được phân bổ dần trong 03 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 VND. Trái chủ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 23 tháng 11 năm 2020 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 23 tháng 11 năm 2023 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày cuối cùng của mỗi kỳ tính lãi, với lãi suất đối với kỳ tính lãi đầu tiên 10%/năm và lãi suất các kỳ tiếp theo tổng của 2,9% và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan. Tuy nhiên lãi suất áp dụng không thấp hơn 9%/năm. Mục đích số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu là để tăng quy mô vốn hoạt động và/hoặc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và/hoặc cơ cấu lại nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrink.

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Số đầu năm	744.394.530.871	394.775.305.915
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	1.874.254.835.803	1.107.956.002.596
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(652.615.282.411)	(758.336.777.640)
Số cuối năm	1.966.034.084.263	744.394.530.871

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.175.972.431.723	148.406.550.954
Dự phòng phải trả dài hạn	790.061.652.540	595.987.979.917
	1.966.034.084.263	744.394.530.871

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, dự phòng phải trả phản ánh chi phí bảo trì, sửa chữa được Tổng Công ty trích trước cho Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2, Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 và Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1:

- Chi phí bảo trì, sửa chữa của Nhà máy Điện Cà Mau 1 được xác định theo Quyết định số 565/QĐ-ĐLĐK ngày 01 tháng 7 năm 2020 về phê duyệt kế hoạch, phạm vi công việc và tổng dự toán chi phí cho công tác đại tu Nhà máy Điện Cà Mau 1 tại 100.000 EOH năm 2021 và Quyết định số 1238/QĐ-ĐLĐK ngày 31 tháng 12 năm 2020 về phê duyệt dự toán chi phí bổ sung cho công tác đại tu Nhà máy Điện Cà Mau 1 tại 100.000 EOH năm 2021 được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty.
- Chi phí bảo trì, sửa chữa của Nhà máy Điện Cà Mau 2 được xác định theo Hợp đồng về “Công tác bảo trì, sửa chữa Nhà máy Điện Cà Mau 2 trong giai đoạn 100.000 giờ hoạt động quy đổi (EOH) đầu tiên” giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Chi phí bảo trì, sửa chữa trích trước của Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 được xác định là chi phí kỳ thanh tra C của Hợp đồng số 38/PVP-PVPS/2010/LTMA-NT1 tháng 8 năm 2010 về bảo trì, sửa chữa Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 trong giai đoạn 108.000 giờ hoạt động quy đổi (EOH) đầu tiên giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Chi phí bảo trì, sửa chữa trích trước của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 được xác định theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐLĐK ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 769/QĐ-ĐLĐK ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện phạm vi công việc và tổng dự toán chi phí cho công tác bảo trì, sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2021.

24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	121.035.694.902	128.733.156.808
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	541.843.604	992.424.896
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	1.922.822.159
	121.577.538.506	131.648.403.863

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2019	23.418.716.000.000	(311.254.328)	227.887.397.807	(191.305.728.000)	192.215.107.853	859.274.196.129	2.308.909.236.304	26.815.384.955.765
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	2.531.960.905.896	347.996.009.632	2.879.956.915.528
Chốt quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý 2018	-	-	-	-	-	(23.438.512.023)	(13.008.563.265)	(36.447.075.288)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý 2019	-	-	-	-	-	(103.368.337.102)	-	(103.368.337.102)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	588.792.553.702	(588.792.553.702)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(49.852.251)	13.404.773	(13.557.633.542)	(13.557.633.542)
Thay đổi do thoái vốn từ Công ty con	-	36.447.479	-	-	-	-	(4.492.303.006)	(4.492.303.005)
Tăng do đầu tư thêm vốn vào Công ty con	-	-	-	-	-	1.136.102.021	(1.136.102.021)	-
Tăng/(Giảm) khác	-	(176)	-	-	443.176	(3.825.333.892)	730.791.546	(3.094.099.346)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Trình bày lại)	23.418.716.000.000	(274.807.025)	227.887.397.807	(191.305.728.000)	780.958.252.480	2.672.959.872.100	2.625.441.435.648	29.534.382.423.010
Lợi nhuận trong năm (*)	-	-	-	-	-	2.365.014.893.441	297.651.191.083	2.662.666.084.524
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	1.669.806.970	(1.669.806.970)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý	-	-	-	-	-	(22.731.646.815)	(14.598.451.873)	(37.330.098.688)
Thay đổi do giảm tỷ lệ sở hữu Công ty con	-	-	(2.225.252.069)	-	(198.354.461)	(7.020.868.669)	105.174.475.199	95.730.000.000
Tăng do thành lập mới Công ty con	-	-	-	-	-	-	29.400.000.000	29.400.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(702.561.480.000)	(313.487.168.596)	(1.016.048.648.596)
(Giảm) khác	-	-	-	-	(213.119.678)	(1.760.273.826)	(232.987.272)	(2.206.380.776)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	23.418.716.000.000	(274.807.025)	225.662.145.738	(191.305.728.000)	782.216.585.311	4.302.230.689.261	2.729.348.494.189	31.266.593.379.474

(*) Theo Công văn số 13683/BTC- TCDN ngày 6 tháng 11 năm 2020 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính, lợi nhuận trong năm bao gồm 1.028.174.152.403 VND là khoản lợi nhuận sau thuế có nguồn gốc từ doanh thu bán điện trong giai đoạn Tổng Công ty chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần (do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ) do đó, khoản lợi nhuận sau thuế tương ứng sẽ do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết định phê duyệt phân phối (không được phân phối cho cổ đông ngoài Công ty mẹ) (xem thêm Thuyết minh 28).

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 01 tháng 2 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 23.418.716.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18.721.414.770.000	79,94%	18.721.414.770.000	79,94%	18.721.414.770.000	79,94%
Các cổ đông khác	4.697.301.230.000	20,06%	4.697.301.230.000	20,06%	4.697.301.230.000	20,06%
	23.418.716.000.000	100%	23.418.716.000.000	100%	23.418.716.000.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.341.871.600	2.341.871.600
Cổ phiếu phổ thông	2.341.871.600	2.341.871.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.341.871.600	2.341.871.600
Cổ phiếu phổ thông	2.341.871.600	2.341.871.600

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức

Cổ tức được chia cho các cổ đông của Tổng Công ty được ghi nhận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 81/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Công ty mẹ, theo đó, Đại hội cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện là 3%/cổ phiếu, tương đương với 702.561.480.000 VND. Tổng Công ty đã hoàn tất thực hiện thanh toán cổ tức cho cổ đông vào ngày 10 tháng 12 năm 2020.

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	9.128,78	9.541,76
Đồng Euro (EUR)	1.800,02	1.816,43

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh điện năng và xây dựng các dự án điện độc lập. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng và xây dựng các dự án điện độc lập. Theo đó, Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 28 và số 29.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Các nhà máy sản xuất điện và các khách hàng mua điện của Tổng Công ty đều hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Doanh thu bán điện	29.119.704.670.011	33.700.360.507.329
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu liên quan đến chênh lệch tỷ giá năm 2016 và 2017 (i)</i>	<i>1.028.174.152.403</i>	<i>-</i>
Doanh thu bán hàng hóa	504.165.238.160	1.594.320.392.486
Doanh thu cung cấp dịch vụ	81.314.280.516	65.630.220.299
Doanh thu hợp đồng xây lắp	26.549.518.826	15.658.051.069
	29.731.733.707.513	35.375.969.171.183

Doanh thu với các bên liên quan

(trình bày ở Thuyết minh số 40)

223.845.757.947

231.715.297.107

(i) Trong năm 2020, theo các văn bản phê duyệt của Bộ Công thương về việc tính toán, thanh toán chênh lệch tỷ giá cho các đơn vị phát điện năm 2016 và năm 2017, Tổng Công ty và EPTC-EVN đã thống nhất doanh thu phát sinh từ chênh lệch tỷ giá của Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện Vũng Áng 1 trong năm 2016 và năm 2017 với số tiền 1.028.174.152.403 VND. Tổng Công ty đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho EPTC-EVN trong năm 2020 và đã thu được toàn bộ số tiền này trong năm 2020. Theo Công văn số 13683/BTC-TCĐN ngày 6 tháng 11 năm 2020 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính, khoản doanh thu này có nguồn gốc từ doanh thu bán điện trong giai đoạn Tổng Công ty chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần (do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ), do đó khoản lợi nhuận sau thuế tương ứng sẽ do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết định phê duyệt phân phối (không được phân phối cho cổ đông ngoài Công ty mẹ). Tổng Công ty đã ghi nhận toàn bộ số tiền doanh thu từ chênh lệch tỷ giá của Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện Vũng Áng 1 nêu trên vào kết quả kinh doanh năm nay.

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Giá vốn bán điện	24.557.419.692.472	28.579.753.478.954
Giá vốn bán hàng hóa	495.507.716.911	1.590.927.776.397
Giá vốn dịch vụ	71.419.142.194	37.046.373.426
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	25.403.872.642	19.462.019.691
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.888.211.357	6.183.054.146
	25.151.638.635.576	30.233.372.702.614

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.311.106.357.089	22.888.263.440.557
Chi phí nhân công	828.455.405.098	781.389.245.649
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.823.855.462.192	3.132.638.053.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.436.398.246.417	1.549.101.927.895
Chi phí khác	1.274.491.138.029	1.368.005.809.247
	25.674.306.608.825	29.719.398.476.543

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	299.493.547.399	222.506.141.729
Cổ tức, lợi nhuận được chia	84.006.899.608	80.930.213.732
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	39.942.465.818	92.948.106.335
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	16.360.713.619	39.133.552.835
Doanh thu hoạt động tài chính khác	66.507.823	17.929.158.452
	439.870.134.267	453.447.173.083

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	809.234.511.179	1.154.051.870.401
Chi phí cho các khoản vay	95.113.749.693	123.866.235.263
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	68.122.306.763	21.972.195.425
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	21.886.402.879	8.771.718.266
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	44.738.358	3.117.869.446
Chi phí tài chính khác	4.975.843.612	11.826.355.834
	999.377.552.484	1.323.606.244.635

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	368.464.847.131	352.185.827.389
Chi phí khấu hao	39.866.039.651	38.846.266.748
Chi phí vật liệu quản lý	24.090.258.436	28.380.242.831
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.030.982.257	103.409.629.385
Các khoản dự phòng	371.668.007.589	405.149.132.297
Chi phí quản lý khác	255.191.639.310	241.366.002.797
	1.174.311.774.374	1.169.337.101.447
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	11.271.774.653	13.020.322.722
Chi phí khấu hao	791.356.254	631.004.031
Chi phí vật liệu bán hàng	57.745.246	160.839.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.038.298.143	13.206.459.384
	35.159.174.296	27.018.625.533

34. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Thu nhập từ tiền hỗ trợ bán ô tô	15.695.644.483	17.196.055.954
Thu nhập từ thanh lý tài sản	3.274.085.644	2.536.986.542
Thu nhập phạt vi phạm hợp đồng	1.864.183.558	9.923.988.267
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.420.244.266	37.000.000.000
Thu nhập khác	8.130.475.322	16.767.481.298
	30.384.633.273	83.424.512.061

35. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí bồi thường, chi phí phạt	5.021.135.721	1.588.170.234
Thanh lý tài sản cố định	-	166.074.751
Chi phí khác	5.506.661.537	16.760.207.472
	10.527.797.258	18.514.452.457

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ kinh doanh điện	338.731.818.036	311.034.174.045
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác	5.385.119.578	5.973.698.775
	344.116.937.614	317.007.872.820
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	131.728.147.436	3.937.045.171
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(42.559.791)	-
Tổng thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	131.685.587.645	3.937.045.171

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	2.365.014.893.441	2.531.960.905.896
Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	(25.947.735.335)	(126.099.983.917)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.339.067.158.106	2.405.860.921.979
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	2.341.871.600	2.341.871.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	999	1.027

• (i) Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông bao gồm 1.028.174.152.403 VND là khoản lợi nhuận sau thuế có nguồn gốc từ doanh thu bán điện trong giai đoạn Tổng Công ty chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần (do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ), do đó, khoản lợi nhuận sau thuế tương ứng sẽ do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết định phê duyệt phân phối (không được phân phối cho cổ đông ngoài Công ty mẹ) (xem thêm Thuyết minh số 25).

- (ii) Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay là số liệu ước tính dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2020 được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty con của Tổng Công ty thông qua. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa xác định số tiền trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2020 có thể sẽ thay đổi khi Tổng Công ty có quyết định về việc trích quỹ trong tương lai.

- Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 được Tổng Công ty điều chỉnh lại theo các Nghị quyết và Quyết định của Tổng Công ty và các Công ty con về việc phân phối lợi nhuận của năm nay. Ngoài ra, lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được điều chỉnh lại theo Biên bản kiểm toán của Kiểm toán nhà nước ngày 10 tháng 8 năm 2020. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 được trình bày lại là 1.027 VND /cổ phiếu (số đã trình bày ở báo cáo năm trước là 1.028 đồng/cổ phiếu).

38. CÁC KHOẢN TIỀM TÀNG

- Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang tiến hành đàm phán việc chuyển đổi hợp đồng mua bán điện của Nhà máy điện Cà Mau 1 và Nhà máy điện Cà Mau 2 ký ngày 08 tháng 01 năm 2008 sang hợp đồng mua bán điện mới để Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2 tham gia thị trường điện. Nội dung, hiệu lực của hợp đồng mua bán điện mới và ảnh hưởng của vấn đề này sẽ tùy thuộc vào kết quả đàm phán giữa hai bên và phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền.

- Theo Thỏa thuận tạm thanh toán về mua bán khí bổ sung ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“Tập đoàn”), giá khí Tổng Công ty phải trả Tập đoàn để vận hành các nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 từ ngày 12 tháng 10 năm 2019 được xác định và áp dụng trên cơ sở tạm tính. Mức giá khí này sẽ được điều chỉnh lại khi Tổng Công ty và Tập đoàn ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng mua bán khí.

- Theo các Thỏa thuận và Biên bản hợp về việc tạm thanh toán chi phí nhiên liệu khí cấu thành giá bán điện cho các nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 giữa Tổng Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EPTC-EVN”), chi phí nhiên liệu khí cấu thành giá bán điện của các nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 được xác định trên cơ sở tạm tính và áp dụng từ ngày 12 tháng 10 năm 2019. Chi phí nhiên liệu khí cấu thành giá bán điện này sẽ được điều chỉnh lại khi Tổng Công ty và EPTC-EVN ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng mua bán điện.

- Theo Hợp đồng mua bán điện ngày 17 tháng 8 năm 2016 giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, thông số tổng mức đầu tư cấu thành giá bán điện cho Nhà máy điện Vũng Áng 1 được xác định trên tổng mức đầu tư kế hoạch của Nhà máy điện Vũng Áng 1. Thông số tổng mức đầu tư cấu thành trong giá bán điện này sẽ được điều chỉnh lại khi Nhà máy điện Vũng Áng 1 được quyết toán giá trị vốn đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Liên quan đến việc thanh tra chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 – Công ty con của Tổng Công ty), đối với một số vấn đề vướng mắc do đặc thù ngành nghề, hiện tại, Công ty NT2 và Tổng Công ty đang tiếp tục giải trình và kiến nghị với Đoàn thanh tra – Tổng Cục thuế và các cơ quan có thẩm quyền để có kết luận cuối cùng.

39. CÁC KHOẢN CAM KẾT

- Tại Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 do Tổng Công ty là chủ đầu tư. Công suất dự kiến của mỗi nhà máy là khoảng từ 650 MW đến 880 MW với công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp, cấu hình đa trục hoặc đơn trục. Tổng mức đầu tư sơ bộ của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 lần lượt là 16.228 tỷ VND và 16.266 tỷ VND, nguồn vốn dự kiến là 30% vốn chủ sở hữu và 70% vốn vay. Thời gian vận hành dự kiến của Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 là năm 2022 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 là năm 2023. Giá bán điện được xây dựng trên nguyên tắc chuyển ngang chi phí nhiên liệu khí từ Hợp đồng mua bán khí sang Hợp đồng mua bán điện tại Văn bản số 03/TB-VPCP ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ.

- Ngày 24 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam ký kết “Hợp đồng khung cung cấp và tiêu thụ LNG cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4”. Theo đó, lượng khí năm hợp đồng dự kiến cho mỗi nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 là khoảng 850 triệu m3 khí/năm tương đương với 0,58 triệu tấn LPG. Khối lượng khí chính thức sẽ được xác định chính xác trong giai đoạn sau và sẽ được quy định chi tiết trong Hợp đồng Mua bán Khí.

40. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng	223.845.757.947	231.715.297.107
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	222.837.794.369	231.715.297.107
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	667.499.636	-
Viện Dầu khí Việt Nam	169.746.017	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	138.272.725	-
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty CP	32.445.200	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.511.730.544.497	16.078.201.799.633
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.925.085.037.201	6.800.085.720.621
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	4.040.776.788.706	5.537.729.629.023
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	1.183.979.897.047	3.543.102.183.509
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	312.825.367.578	-
Viện Dầu khí Việt Nam	17.463.550.403	17.367.165.883
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty CP	16.447.223.750	15.106.268.079
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	13.158.784.872	13.841.244.217
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	1.851.827.160	23.795.113.835
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	142.067.780	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	-	127.174.474.466
Chi phí lãi vay	135.951.641.630	154.881.090.420
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	135.951.641.630	154.881.090.420
Lãi tiền gửi	58.740.464.155	26.795.974.785
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	58.740.464.155	26.795.974.785

Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát được hưởng tại Công ty mẹ trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Hồ Công Kỳ	1.233.984.257	1.301.160.387
Ông Lê Như Linh	(*)	(*)
Ông Phạm Xuân Trường	1.102.672.950	1.177.814.200
Bà Vũ Thị Tố Nga	1.013.666.094	510.393.488
Bà Nguyễn Hoàng Yến	1.019.858.951	535.025.484
Ông Nguyễn Anh Tuấn	15.652.174	-
Ông Nguyễn Hữu Quý	1.031.418.775	1.167.076.000
	5.417.253.201	4.691.469.559

(*) Đã được trình bày ở phần Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ban Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng		
Ông Lê Như Linh	1.208.205.041	1.021.776.462
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	1.090.859.640	1.186.560.126
Ông Nguyễn Duy Giang	1.091.867.372	1.169.061.691
Ông Nguyễn Mạnh Tường	1.119.149.645	1.184.877.172
Ông Phan Đại Thành	1.067.924.852	1.207.000.455
Ông Nguyễn Minh Đạo	1.080.983.346	1.178.588.785
Ông Nguyễn Kiên	932.775.476	190.224.320
Ông Phan Ngọc Hiền	940.734.945	197.801.454
Ông Chu Quang Toàn	1.024.863.754	766.346.601
	9.557.364.071	8.102.237.066

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ban Kiểm soát		
Vũ Quốc Hải	1.119.842.287	1.176.646.382
Vũ Thị Ngọc Dung	1.024.041.048	1.066.191.795
Hà Thị Minh Nguyệt	965.453.130	1.080.023.720
Lý Thị Thu Hương	994.247.502	1.052.960.796
Đoàn Thị Thu Hà	13.913.043	-
	4.117.497.009	4.375.822.693

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.416.330.896.774	1.091.845.659.716
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	1.416.330.896.774	1.091.845.659.716
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	5.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	5.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	66.206.717.955	86.191.959.740
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	60.225.670.825	80.176.252.657
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.859.576.679	4.859.576.679
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.111.335.085	1.111.335.085
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	10.135.366	32.120.319
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	-	12.675.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.933.117.294	8.118.349.214
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty CP	3.643.117.294	2.233.349.214
Viện Dầu khí Việt Nam	290.000.000	5.885.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	244.456.770.048	241.404.961.831
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	218.489.976.676	218.489.976.676
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	20.217.829.253	20.217.829.253
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	4.903.863.014	1.852.054.797
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	845.101.105	845.101.105
Phải trả người bán ngắn hạn	3.410.207.148.055	3.162.300.726.715
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.815.223.929.180	2.745.152.899.973
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	583.144.806.880	370.302.127.151
Viện Dầu khí Việt Nam	5.685.812.338	460.091.826
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.668.864.297	39.331.086.472
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty CP	1.614.308.657	4.562.003.160
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	1.332.823.807	1.712.229.647
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	862.639.470	314.385.060
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	454.403.426	454.403.426
Trường Đại Học Dầu Khí Việt Nam	219.560.000	-
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	-	11.500.000

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước	1.962.903.000	1.962.903.000
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	1.962.903.000	1.962.903.000
Chi phí phải trả	859.864.828.569	1.271.905.524.357
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	837.891.075.893	1.271.905.524.357
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	21.973.752.676	-
Phải trả khác	1.214.416.466.738	1.215.094.466.834
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.214.416.466.738	1.214.416.466.738
Công ty cổ phần Dầu Nhờn PV OIL Lube	-	678.000.096
Vay	1.271.783.189.228	1.615.597.777.691
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	1.271.783.189.228	1.615.597.777.691

41. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 16/NQ-ĐLDK ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt phương án chuyển nhượng 19.931.430 cổ phần, tương đương 100% cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (Công ty con của Tổng Công ty). Tổng Công ty đã hoàn thành việc thoái vốn toàn bộ số cổ phần này theo phương thức khớp lệnh trên sàn Upcom vào ngày 19 tháng 3 năm 2021.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 - Công ty con của Tổng Công ty) đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CPNT2 về việc tạm ứng cổ tức lần một với tỷ lệ 10%/mệnh giá một cổ phần, tương đương 1.000 đồng/1 cổ phần cho Cổ đông hiện hữu của NT2 từ nguồn lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2020. Tính đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, NT2 đã chi trả toàn bộ số cổ tức này cho các Cổ đông.

		
Quách Thị Hồng Liên Người lập	Chu Quang Toàn Kế toán trưởng	Lê Như Linh Tổng Giám đốc Ngày 29 tháng 3 năm 2021



SINH NĂNG LƯỢNG DƯỠNG TƯƠNG LAI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP

Toà nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội.

ĐT: (024) 22210 288 – Fax: (024) 22210 388

www.pvpower.vn